

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>*Mục lục</b>	1
<b>*ĐỀ cương chi tiết học phần</b>	3
<b>Phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa</b>	7
<b>Chương IV: Học thuyết giá trị</b>	7
I. Điều kiện ra đời, tồn tại , đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá	8
II. Hàng hóa	11
III. Tiền tệ	17
IV. Quy luật giá trị	22
<b>Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư</b>	23
I. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản	25
II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản	28
III. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản	32
IV. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản	36
V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư	38
VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	46
<b>Chương VI: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</b>	58
I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền	59
II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	67
III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại	68
IV. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	70
<b>Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội</b>	73
<b>Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa</b>	
I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	74
II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa	78
III. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa	83
<b>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa</b>	88
I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	89
II. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa	94

III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo	98
<b>Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng</b>	103
I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực	104
II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó	107
III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội	109

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN,**  
**HỌC PHẦN II**

**1. Tên học phần**

- Tiếng Việt: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II
- Tiếng Anh: The basic principles of Marxism Leninism II

**2. Mã số: (PĐT ghi)**

**3. Thời lượng: 03 tín chỉ**

<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Thí nghiệm</i>
<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**4. Các học phần học tiên quyết, học phần học trước và song hành**

Học phần học trước: Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần I

**5. Mô tả vắn tắt học phần**

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II là học phần bao gồm những nội dung cơ bản của phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nội dung của học phần là những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và tất yếu sẽ dẫn tới sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới đưa xã hội loài người chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

**6. Vị trí của học phần trong CTĐT**

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II là học phần thứ hai trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Học phần này dựa trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, từ đó nghiên cứu những quy luật kinh tế, xã hội khách quan, làm sáng tỏ con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả mặt lý luận và thực tiễn. Mặt khác, học phần này cũng là tiền đề để người học tiếp tục nghiên cứu nội dung của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và hiểu được nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng như vận dụng để học tốt các môn khoa học khác.

## 7. Mục tiêu của học phần đối với người học

### **Kiến thức**

1. Cung cấp những hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.
2. Xác lập cơ sở lý luận để có thể tiếp cận nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Từng bước xác lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo
4. Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới.

### **Kỹ năng**

1. Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.
2. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh, môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam, các môn khoa học pháp lý và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

## 8. Tài liệu học tập

### **Sách, giáo trình**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.

**Ghi chú:** Tài liệu hiện có tại thư viện

### **Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ môn Lý luận Chính trị; Bài giảng Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2016.

**Ghi chú:** Tài liệu hiện có tại thư viện

[3] Bộ giáo dục và đào tạo; Giáo trình Triết học Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

**Ghi chú:** Tài liệu hiện có tại thư viện

[4]. Bộ giáo dục và đào tạo; Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

**Ghi chú:** Tài liệu hiện có tại thư viện

[5]. Bộ giáo dục và đào tạo; Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

**Ghi chú:** Tài liệu hiện có tại thư viện

[6]. Bộ giáo dục và đào tạo; Giáo trình Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

**Ghi chú:** Tài liệu hiện có tại thư viện

[7]. Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

**Ghi chú:** tài liệu cần thiết nhưng chưa có, cần bổ sung

## 9. Nội dung học phần:

Người biên soạn: ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS Đinh Cảnh Nhạc; ThS. Hoàng Thị Hải Yến; ThS. Trương Vũ Long

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	<b>PHẦN THỨ HAI: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA</b> <b>Chương IV: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ</b> I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa II. Hàng hóa III. Tiền tệ IV. Quy luật giá trị	
2	<b>CHƯƠNG V: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ</b> I. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản III. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản IV. Sự chuyển hóa của giá trị thành tư bản - tích lũy tư bản V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	
3	<b>CHƯƠNG VI: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC</b> I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền II. Chủ nghĩa độc quyền tư bản nhà nước III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại IV. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	
4	<b>PHẦN THỨ BA: LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN</b>	

	<p><b>VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</b></p> <p><b>CHƯƠNG VII: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</b></p> <p>I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>III. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa</p>	
5	<p><b>CHƯƠNG VIII: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</b></p> <p>I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>II. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo</p>	
6	<p><b>CHƯƠNG VIII: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG</b></p> <p>I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực</p> <p>II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết và nguyên nhân của nó</p> <p>III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội</p>	

### 10. Đánh giá người học

- Đánh giá quá trình học phân (40%, kể cả điểm chuyên cần)

Nội dung hoặc mục tiêu	Hình thức đánh giá				
	Quiz	Bài tập nộp	Tiểu luận	Thực hành/ Thí nghiệm	Kiểm tra quá trình
Học thuyết giá trị	13,4%				13.3%
Học thuyết giá trị thặng dư					
Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước					13.3%
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa					
Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách					

mạng xã hội chủ nghĩa
Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng


- **Đánh giá kết thúc học phần (60%)**

<b>Hình thức</b>	Vấn đáp
<b>Thời lượng</b>	Theo quy định hỏi thi vấn đáp
<b>Nội dung đánh giá</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được kiến thức cơ bản theo mục tiêu môn học</li> <li>- Đánh giá khả năng tư duy logic, biện chứng, phân tích, so sánh và tổng hợp kiến thức của sinh viên</li> <li>- Đánh giá khả năng vận dụng các vấn đề lý luận vào thực tiễn, liên hệ với Việt Nam và bản thân.</li> </ul>

*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2018*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC  
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Đã ký**

**Đã ký**

**ThS Nguyễn Thị Thu Thủy**

**ThS Nguyễn Thị Thu Thủy**

**Phần thứ hai**

## **HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA**

“Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên thì C.Mác chú ý nhiều nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Tác phẩm chính của C.Mác là bộ “*Tư bản*” được dành riêng để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại, nghĩa là xã hội tư bản chủ nghĩa.”

Học thuyết kinh tế của C.Mác là “Nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác” là kết quả vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật vào quá trình nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bộ *Tư bản* chính là công trình vĩ đại nhất của C.Mác. “Mục đích cuối cùng của bộ sách này là phát hiện ra quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại, nghĩa là của xã hội tư bản chủ nghĩa, của xã hội tư sản. Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và suy tàn của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác” mà trọng tâm của nó là *học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư*.

Học thuyết kinh tế của Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của C.Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm *học thuyết kinh tế của V.I.Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước*.

Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

## **Chương IV: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ**

### ***1. Mục đích, yêu cầu***

Học thuyết giá trị (học thuyết giá trị lao động) là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C.Mác. Trong học thuyết này, C.Mác nghiên cứu mối quan hệ giữa người với người, có liên quan với vật và biểu hiện dưới hình thái quan hệ giữa vật với vật. Cơ sở kinh tế để xác lập quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ giữa vật với vật ở đây chính là lao động, cái thực thể, yếu tố cấu thành giá trị của hàng hóa. Đó chính là trọng tâm của học thuyết này. Sự thực thì sản xuất hàng hóa và gắn liền với nó là các phạm trù: giá trị, hàng hóa, tiền tệ đã từng có trước chủ nghĩa tư bản. Nó là những điều kiện tiền đề để cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển. Dựa trên lý luận nền tảng là học thuyết giá trị, C.Mác đã xây dựng nên học thuyết giá trị thặng dư - hòn đá tảng trong toàn bộ lý luận kinh tế của ông. Vì vậy, nghiên cứu học thuyết giá trị của C.Mác cũng cần phải hiểu rằng: đó là ta đã bắt đầu nghiên cứu về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng mới chỉ ở dạng giản đơn nhất và chung nhất. Do đó, trong chương này, ***yêu cầu***: Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau:

- Điều kiện ra đời, tồn tại và ưu thế của sản xuất hàng hoá
- Hàng hóa
- Tiền tệ
- Quy luật giá trị

### ***2. Quy định hình thức học cho mỗi nội dung nhỏ***

<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức học</b>
<b>Phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa</b>	



<b>Chương IV: Học thuyết giá trị</b>	Giáo viên giảng
<b>I. Điều kiện ra đời, tồn tại, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</b>	
1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá	
2. Đặc trưng và Ưu thế của sản xuất hàng hoá	Giáo viên giảng
<b>II. Hàng hóa</b>	Giáo viên giảng
1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa	
2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá	Giáo viên giảng
3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa	SV tự nghiên cứu
<b>III. Tiền tệ</b>	Giáo viên giảng
1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ	
2. Chức năng của tiền tệ	Giáo viên giảng
<b>IV. Quy luật giá trị</b>	Giáo viên giảng
1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị	
2. Tác động của quy luật giá trị	

### **Nội dung giảng**

#### **I. Điều kiện ra đời, tồn tại và ưu thế của sản xuất hàng hoá**

##### **1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá**

*\* Khái niệm sản xuất hàng hoá*

Nền sản xuất hàng hoá là nền sản xuất mà ở đó người ta tạo ra sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán.

*Sự phát triển kinh tế của xã hội loài người đã trải qua 2 giai đoạn:*

+ Kinh tế tự nhiên: là nền sản xuất tự cung tự cấp, mà sản phẩm do lao động tạo ra để nhằm thỏa mãn trực tiếp nhu cầu của người sản xuất.

+ Kinh tế hàng hoá: là nền sản xuất hàng hoá, sản phẩm làm ra để trao đổi mua bán trên thị trường.

*\* Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá:*

- Phân công lao động xã hội:

+ Phân công lao động xã hội là sự chuyên môn hoá sản xuất, phân công lao động xã hội vào các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau.

+ Phân công lao động xã hội làm cho mỗi người, mỗi đơn vị sản xuất chỉ làm ra một hay một vài loại sản phẩm nhất định và sản phẩm làm ra đều thừa so với nhu cầu của họ, song trên thực tế cuộc sống đòi hỏi mỗi người phải có nhiều loại sản phẩm khác nhau, do đó mọi người phải cần đến sản phẩm của nhau thông qua trao đổi với nhau.

+ Phân công lao động xã hội làm cho chuyên môn hoá sản xuất, năng suất lao động tăng lên, sản phẩm thặng dư ngày càng nhiều và trao đổi ngày càng phổ biến.

*Kết luận:* Phân công lao động xã hội làm xuất hiện sự cần thiết phải trao đổi sản phẩm giữa mọi người và đơn vị sản xuất.

- Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất:

+ Với điều kiện này làm cho những người sản xuất có sự độc lập nhất định với nhau trong quá trình sản xuất, việc sản xuất cái gì, sản xuất bao nhiêu, sản xuất như thế nào là do cá nhân nhà sản xuất quyết định.

+ Nguyên nhân của sự tách biệt về mặt kinh tế giữa những người sản xuất là do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất qui định, nó làm cho sản phẩm sản xuất ra chịu sự chi phối và sở hữu của nhà sản xuất, do vậy người này muốn tiêu dùng sản phẩm của người khác phải thông qua trao đổi mua bán.

*Kết luận:* *Nền sản xuất hàng hoá muốn ra đời và tồn tại phát triển phải có đầy đủ 2 điều kiện trên, nếu thiếu 1 trong 2 điều kiện sẽ không có sản xuất hàng hoá.*

**Chú ý:** Phân công lao động làm cho người sản xuất hàng hoá mang lao động tính xã hội, sự tách biệt tương đối về kinh tế làm cho người sản xuất hàng hoá mang tính lao động tư nhân. Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội này là cơ sở mầm mống cho sự khủng hoảng sản xuất thừa.

## **2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá**

### **a. Đặc trưng cơ bản của sản xuất hàng hoá**

- Sản xuất hàng hoá là sản xuất để trao đổi, mua bán, không phải để người sản xuất ra nó tiêu dùng.

- Lao động của người sản xuất hàng hoá vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính xã hội.

- Mục đích của sản xuất hàng hoá là giá trị, là lợi nhuận chứ không phải là giá trị sử dụng.

Những đặc trưng cơ bản này được thể hiện cụ thể thông qua các giai đoạn khác nhau của sản xuất hàng hoá:

+ Sản xuất hàng hoá giản đơn: Đặc trưng cơ bản là dựa trên chế độ tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất, có quy mô nhỏ, năng suất lao động thấp.

+ Sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa: Đặc trưng cơ bản là nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí, qui mô lớn, năng suất lao động cao.

+ Sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa: Đặc trưng cơ bản là trình độ sản xuất dựa trên cơ sở lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

#### *b. Ưu thế của nền sản xuất hàng hoá*

So với nền sản xuất tự nhiên, sản xuất hàng hoá bao gồm những ưu thế sau:

- Sản xuất hàng hoá làm cho phân công lao động xã hội ngày càng sâu sắc, chuyên môn hóa, hợp tác hóa ngày càng tăng, mối liên hệ giữa các ngành, các vùng ngành càng chặt chẽ, đẩy mạnh quá trình xã hội hóa sản xuất và lao động.

- Môi trường cạnh tranh, các quy luật kinh tế tác động đến sản xuất hàng hoá là động lực cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động.

- Sản xuất hàng hoá với quy mô lớn là hình thức tổ chức kinh tế xã hội hiện đại, phù hợp với xu thế thời đại ngày nay.

- Sản xuất hàng hoá tạo ra khả năng giao lưu kinh tế, kỹ thuật giữa các vùng miền, quốc gia, từ đó là cơ sở giao lưu cả về đời sống văn hoá, tinh thần giữa các quốc gia, dân tộc.

Tuy nhiên nền sản xuất hàng hoá có hạn chế:

+ Tạo ra sự lạm phát, khủng hoảng kinh tế.

+ Phân hoá giàu nghèo.

+ Tàn phá môi trường, cạn kiệt tài nguyên...

Kết luận: *Nền sản xuất hàng hoá ra đời là sản phẩm tiến bộ của loài người khi tiến hành chúng ta phải phát huy những ưu thế và khắc phục những hạn chế của sản xuất hàng hoá.*

## **II. Hàng hóa**

### **1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa**

#### **a. Khái niệm hàng hóa**

*Hàng hoá là sản phẩm của lao động, có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.*

Khi nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, Mác bắt đầu bằng sự phân tích hàng hoá. Điều này bắt nguồn từ các lý do sau:

*Thứ nhất*, hàng hóa là hình thái biểu hiện phổ biến nhất của của cải trong xã hội tư bản. Mác viết: "Trong những xã hội do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối, thì của cải xã hội biểu hiện ra là một đồng khối lờ những hàng hóa chồng chất lại"(3).

*Thứ hai*, hàng hóa là hình thái nguyên tố của của cải, là tế bào kinh tế trong đó chứa đựng mọi mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

*Thứ ba*, phân tích hàng hóa nghĩa là phân tích giá trị - phân tích cái cơ sở của tất cả các phạm trù chính trị kinh tế học của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nếu không có sự phân tích này, sẽ không thể hiểu được, không thể phân tích được giá trị thặng dư là phạm trù cơ bản của chủ nghĩa tư bản và những phạm trù khác như lợi nhuận, lợi tức, địa tô v.v...

#### **b. Hai thuộc tính của hàng hóa**

##### **\* Giá trị sử dụng**

- Khái niệm: *Giá trị sử dụng của hàng hoá là công dụng của hàng hoá để thoả mãn nhu cầu nào đó của con người*

- Cơ sở của giá trị sử dụng của hàng hoá là những thuộc tính tự nhiên của thực thể hàng hoá đó quyết định, do đó giá trị sử dụng hàng hoá là một phạm trù vĩnh viễn.

- Cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ con người ngày càng phát hiện ra nhiều giá trị sử dụng của hàng hóa.

- Giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện khi con người tiêu dùng, sử dụng nó.

- Giá trị sử dụng của các hàng hoá là vật mang giá trị trao đổi.

\* Giá trị:

+ Muốn hiểu được giá trị của hàng hoá phải đi từ giá trị trao đổi, giá trị trao đổi là tỷ lệ về lượng của một hàng hóa này có thể trao đổi với một lượng hàng hóa khác. Ví dụ: 1 mét vải = 5 kg thóc

Tại sao 1 mét vải lại trao đổi được 5 kg thóc, mặc dù chúng có giá trị sử dụng khác nhau, và sự trao đổi này nó có tỷ lệ nhất định 1/5. Vậy giữa chúng phải có một cơ sở chung nào đó. Cơ sở chung đó là : Vải - thóc đều là sản phẩm của lao động, đều do lao động kết tinh trong đó cho nên các hàng hoá trao đổi cho nhau chẳng qua là trao đổi lao động cho nhau, lao động được ẩn dấu trong những hàng hoá đó.

- Giá trị hàng hóa là phạm trù mang tính lịch sử, nó được thực hiện khi hàng hóa được mua bán hoặc trao đổi.

*Vậy: Giá trị của hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.*

### **c. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa**

Hai thuộc tính của hàng hoá có mối quan hệ vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn với nhau:

Thống nhất: giá trị và giá trị sử dụng cùng tồn tại trong một sản phẩm hàng hoá, nếu thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm đó không trở thành hàng hoá.

Mâu thuẫn:

+ *Thứ nhất:* với tư cách là giá trị sử dụng thì các hàng hoá không đồng nhất về chất, nhưng với tư cách là giá trị thì các hàng hoá lại đồng nhất với nhau, đều là kết quả của lao động

+ *Thứ hai:* Giá trị và giá trị sử dụng cùng tồn tại trong một hàng hoá, nhưng giá trị lại được thực hiện trước trong lĩnh vực lưu thông, còn giá trị sử dụng lại

được thực hiện sau trong tiêu dùng, mâu thuẫn này là nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng sản xuất hàng hoá thừa.

## 2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

Sở dĩ hàng hoá có hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị là do lao động của người sản xuất ra hàng hoá có tính hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

C. Mác là người đầu tiên đã nêu rõ tính chất hai mặt của lao động, lao động cụ thể và lao động trừu tượng, gắn liền với hai thuộc tính của hàng hoá.

+ Tính chất cụ thể (*lao động cụ thể*).

+ Tính chất trừu tượng (*lao động trừu tượng*).

### a. Lao động cụ thể

Là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể nhất định, ở lao động này có mục đích riêng, có công cụ riêng, có phương pháp tiến hành riêng, đối tượng lao động riêng và kết quả là tạo ra sản phẩm có giá trị sử dụng riêng.

Ví dụ:

	<b>Lao động người trồng lúa</b>	<b>Lao động thợ mộc</b>
Mục đích	lương thực	đồ dùng
Công cụ	cày quốc	đồ dùng
Phương pháp	trồng trọt	bào, cưa
Đối tượng	cây lúa	tiểu thủ công nghiệp
Sản phẩm	hạt thóc	bàn ghế

Khoa học - kỹ thuật càng phát triển thì các hình thức lao động cụ thể càng đa dạng, phong phú,

nó phản ánh trình độ phát triển của phân công lao động xã hội.

- Lao động cụ thể là phạm trù vĩnh viễn.

- Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hoá.

### b. Lao động trừu tượng

- Lao động trừu tượng là lao động của người sản xuất hàng hoá đã gạt bỏ những hình thức biểu hiện cụ thể của nó để quy về cái chung đồng nhất, đó

là sự tiêu phí sức lao động, cơ bắp thần kinh của con người khi sản xuất hàng hoá.

- Lao động trừu tượng tạo ra giá trị của hàng hoá, làm cơ sở ngang bằng trong trao đổi và nó là chất của giá trị.

- Lao động trừu tượng là phạm trù lịch sử riêng có của sản xuất hàng hoá.

### *c. Chú ý*

Không phải có hai thứ lao động khác nhau mà chỉ là lao động của người sản xuất hàng hoá, nhưng lao động đó mang tính hai mặt: vừa là lao động cụ thể, vừa là lao động trừu tượng.

Nếu lao động cụ thể chỉ là một trong hai nhân tố tạo thành giá trị sử dụng, thì lao động trừu tượng là nhân tố duy nhất tạo ra giá trị của hàng hoá. Giá trị của mọi hàng hoá chỉ là sự kết tinh của lao động trừu tượng.

Việc phát hiện ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá có ý nghĩa rất to lớn về mặt lý luận; nó đem đến cho lý thuyết lao động sản xuất một cơ sở khoa học thực sự. Giúp ta giải thích được hiện tượng phức tạp diễn ra trong thực tế, như sự vận động trái ngược: khối lượng của cải vật chất ngày càng tăng lên, đi liền với khối lượng giá trị của nó giảm xuống.

*Tính chất 2 mặt của lao động sản xuất hàng hoá phản ánh tích chất tư nhân và tính chất lao động xã hội sản xuất hàng hoá, cụ thể là:* Trong nền kinh tế hàng hoá, sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? là việc riêng của mỗi người. Họ là người sản xuất độc lập, lao động của họ vì vậy có tính chất tư nhân và lao động cụ thể của họ sẽ là biểu hiện của lao động tư nhân. Tuy nhiên, lao động của mỗi người sản xuất hàng hoá, nếu xét về mặt hao phí sức lực nói chung, tức lao động trừu tượng, thì nó luôn là một bộ phận của lao động xã hội thống nhất, nằm trong hệ thống phân công lao động xã hội, nên lao động trừu tượng là biểu hiện của lao động xã hội.

Trong nền sản xuất hàng hoá, lao động tư nhân và lao động xã hội không phải là hai lao động khác nhau, mà chỉ là hai mặt đối lập của một lao động thống nhất.

Giữa lao động tư nhân và lao động xã hội có mâu thuẫn với nhau. Đó là mâu thuẫn cơ bản của “ sản xuất hàng hoá ”. Mâu thuẫn này biểu hiện:

- Sản phẩm do người sản xuất hàng hoá tạo ra có thể không ăn khớp hoặc không phù hợp với nhu cầu của xã hội.

- Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất có thể cao hơn hay thấp hơn hao phí lao động mà xã hội có thể chấp nhận.

*Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội là mầm mống của mọi mâu thuẫn trong nền sản xuất hàng hoá, nó là động lực phát triển đồng thời lại tiềm ẩn những khả năng khủng hoảng của nền sản xuất hàng hoá.*

### **3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa**

#### *a. Thước đo lượng giá trị của hàng hoá*

- Giá trị của hàng hoá có 2 mặt: mặt chất và mặt lượng

+ *Chất của giá trị*: là lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.

+ *Lượng giá trị*: là lượng lao động hao phí để sản xuất ra hàng hoá được đo bằng thời gian lao động để sản xuất ra hàng hoá, tính bằng: ngày, giờ, phút, giây...v.v

- Lượng giá trị của 1 hàng hoá do lao động trừu tượng tạo nên, người ta dùng *thời gian lao động xã hội cần thiết* để đo lượng giá trị xã hội của hàng hoá cụ thể:

+ Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian để sản xuất ra một hàng hoá nào đó trong điều kiện sản xuất bình thường, trình độ kỹ thuật và cường độ lao động trung bình trong xã hội đó.

+ Thông thường, thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một loại sản phẩm hàng hoá sẽ gắn sát với thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra đại đa số loại hàng hoá đó trên thị trường.

+ Thời gian lao động sản xã hội cần thiết là một đại lượng không cố định, nó phụ thuộc vào nhiều nhân tố.

VD: Sản xuất ra hàng hoá là quần áo để bán cho xã hội:



<b>Đơn vị sản xuất</b>	<b>Thời gian sản xuất</b>	<b>Số lượng sản phẩm (đơn vị: bộ)</b>
A	1h	200
B	1,5h	150
C	2h	100

Thời gian của từng đơn vị sản xuất ra 1 đơn vị sản phẩm là thời gian lao động cá biệt

Thời gian lao động xã hội cần thiết là mức độ trung bình, cung cấp phần lớn hàng hoá sản xuất cho xã hội.

*b. Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá*

Do thời gian lao động xã hội cần thiết luôn thay đổi, nên lượng giá trị của hàng hoá cũng là một đại lượng không cố định. Sự thay đổi này tùy thuộc vào những nhân tố như: năng suất lao động; cường độ lao động và mức độ phức tạp hay giản đơn của lao động.

- Năng suất lao động

+ *Khái niệm:* Năng suất lao động là năng lực sản xuất của người lao động. Nó được đo bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian, hoặc số lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

VD: 1 nhà máy sản xuất ô tô có năng suất lao động là :

3650 ô tô/ 1 năm.

2,4h làm ra được 1 ô tô.

+ Giá trị hàng hoá thay đổi tỷ lệ nghịch với năng suất lao động.

+ Năng suất lao động phụ thuộc vào: Trình độ kỹ thuật của người lao động, phương pháp tổ chức lao động, mức trang bị kỹ thuật cho người lao động và các điều kiện tự nhiên. Muốn tăng năng suất lao động phải hoàn thiện các yếu tố trên.

- Cường độ lao động

+ *Khái niệm*: Cường độ lao động nói lên mức độ hao phí sức lao động trong một đơn vị thời gian. Nó cho thấy mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động.

+ Tăng cường độ lao động làm cho số lượng sản phẩm được tạo ra trong đơn vị thời gian tăng lên nhưng hao phí sức lao động cũng tăng lên. Do đó tổng giá trị tăng nhưng lượng giá trị trên một đơn vị sản phẩm không đổi.

- Mức độ phức tạp của lao động : lao động giản đơn và lao động phức tạp

+ *Lao động giản đơn*: là lao động mà bất kỳ một người lao động bình thường nào không cần phải qua đào tạo cũng có thể làm được.

+ *Lao động phức tạp*: là lao động đòi hỏi phải trải qua quá trình đào tạo, huấn luyện thành lao động chuyên môn lành nghề.

Trong cùng một đơn vị thời gian: lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn, vì lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân bội lên.

+ Trong quá trình trao đổi hàng hoá, mọi lao động phức tạp đều được quy đổi thành lao động giản đơn trung bình, nó được thực hiện tự phát trên thị trường sau lưng những hoạt động sản xuất hàng hoá, hình thành những tỷ lệ nhất định.

### **c. Cấu tạo lượng giá trị hàng hoá**

Để sản xuất ra hàng hoá cần phải chi phí lao động bao gồm lao động quá khứ tồn tại trong các yếu tố như tư liệu sản xuất: máy móc, công cụ, nguyên vật liệu và lao động sống hao phí trong quá trình chế biến tư liệu sản xuất thành sản phẩm - hàng hoá mới. Sự kết tinh của lao động quá khứ trong giá trị của tư liệu sản xuất chính là giá trị cũ, còn lao động sống hao phí trong quá trình sản xuất ra sản phẩm mới chính là giá trị mới. Vì vậy, cơ cấu lượng giá trị hàng hoá bao gồm 2 bộ phận: 1) Bộ phận giá trị cũ trong sản phẩm ký hiệu là  $c$ ; 2) Bộ phận giá trị mới trong sản phẩm ký hiệu là  $v+m$ .

Giá trị hàng hoá được tính bằng công thức:  $W = c+v+m$ .

## **III. Tiền tệ**

### **1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ**

Hàng hoá là sự thống nhất của hai thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị. Về

mặt giá trị sử dụng, tức hình thái tự nhiên của hàng hoá, ta có thể nhận biết trực tiếp được bằng các giác quan. Nhưng về mặt giá trị, tức hình thái xã hội của hàng hoá, nó không có một nguyên tử vật chất nào nên dù cho người ta có lật đi lật lại mãi một hàng hóa, thì cũng không thể sờ thấy, nhìn thấy giá trị của nó. Giá trị chỉ có một tính hiện thực thuần túy xã hội, và nó chỉ biểu hiện ra cho người ta thấy được trong hành vi trao đổi, nghĩa là trong mối quan hệ giữa các hàng hóa với nhau. Chính vì vậy mà thông qua sự nghiên cứu các hình thái biểu hiện của giá trị qua các giai đoạn phát triển lịch sử, chúng ta sẽ tìm ra nguồn gốc phát sinh của tiền tệ, hình thái giá trị nổi bật và tiêu biểu nhất.

### ***a. Lịch sử phát triển các hình thái giá trị***

Tiền tệ ra đời là do đòi hỏi của việc phát triển sản xuất và trao đổi hàng hoá. Sự xuất hiện tiền tệ được thực hiện thông qua sự phát triển của các hình thái giá trị đó là:

+ *Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên*

Đây là hình thái phôi thai của giá trị, nó xuất hiện trong giai đoạn đầu của trao đổi hàng hóa, khi trao đổi mang tính ngẫu nhiên, người ta trao đổi trực tiếp vật này lấy vật khác.

**VD:** 1 con gà = 10 kg thóc

Ở đây, giá trị của gà được biểu hiện ở thóc. Còn thóc là cái được dùng làm phương tiện để biểu hiện giá trị của gà. Hình thái giá trị của 1 con gà là *hình thái tương đối* và hình thái giá trị của 10 kg thóc là *hình thái ngang giá*.

Quan hệ trao đổi này mang tính ngẫu nhiên, trực tiếp hàng lấy hàng, tỷ lệ trao đổi cũng ngẫu nhiên được hình thành.

+ *Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng*

Khi lực lượng sản xuất phát triển hơn, sau phân công lao động xã hội lần thứ nhất, chăn nuôi tách khỏi trồng trọt, trao đổi trở nên thường xuyên hơn, một hàng hóa này có thể trao đổi với nhiều hàng hóa khác một cách thông thường, phổ biến.

**VD:** 1 con cừu = 1 cái áo  
= 10 đấu chè.

= 40 đấu cà phê

= 0,2 gam vàng

Hình thái này, giá trị của một hàng hoá được thể hiện ở nhiều hàng hóa, đóng vai trò làm vật ngang giá và tỷ lệ trao đổi dần dần do lao động quy định.

Hình thái này có những nhược điểm như: *giá trị hàng hóa được biểu hiện chưa hoàn tất, thống nhất và hạn chế trong nhu cầu trao đổi.*

+ *Hình thái chung của giá trị:*

Với sự phát triển cao hơn nữa của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội, hàng hóa được đưa ra trao đổi thường xuyên, đa dạng hơn. Ở hình thái này, giá trị của mọi hàng hóa đều được biểu hiện ở một hàng hóa đóng vai trò làm vật ngang giá chung.

VD: 
$$\left. \begin{array}{l} 1 \text{ cái áo} = \\ 10 \text{ đấu chè} = \\ 40 \text{ đấu cà phê} = \\ 0,2 \text{ gam vàng} = \end{array} \right\} 20 \text{ m vải}$$

Hình thái này đã có hàng hóa là vật ngang giá chung trở thành môi giới, thành phương tiện trao đổi hàng hóa.

Tuy nhiên ở hình thái này vật ngang giá chung chưa cố định ở một hàng hóa nào cả.

+ *Hình thái tiền:*

Khi lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội phát triển cao hơn nữa, sản xuất hàng hóa và thị trường ngày càng mở rộng thì tình trạng có nhiều vật ngang giá chung làm cho trao đổi giữa các địa phương vấp phải khó khăn, do đó dẫn đến đòi hỏi khách quan phải thống nhất vật ngang giá chung. Ở hình thái này, giá trị của tất cả mọi hàng hóa đều được biểu hiện ở một hàng hóa đóng vai trò tiền tệ.

VD: 
$$\left. \begin{array}{l} 20 \text{ mét vải} = \\ 1 \text{ cái áo} = \\ 10 \text{ đấu chè} = \\ 40 \text{ đấu cà phê} = \end{array} \right\} 0,03 \text{ gam vàng}$$

Nhưng dần dần vai trò tiền tệ được chuyển sang các kim loại quý như đồng, rồi bạc và cuối cùng là vàng. Khi bạc và vàng cùng làm chức năng tiền tệ thì chế độ tiền tệ được gọi là chế độ: *song bản vị* và khi chỉ còn vàng thì gọi là chế độ: *bản vị vàng*.

Tại sao vàng và bạc lại được chọn làm tiền tệ:

- Nó cũng là hàng hóa có: + giá trị

+ giá trị sử dụng

- Nhưng nó có ưu thế từ thuộc tính tự nhiên: thuần nhất, dễ chia nhỏ, dễ bảo quản, không dễ hư hỏng và với 1 lượng và thể tích nhỏ nhưng có giá trị cao.

### **b. Bản chất của tiền**

Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả hàng hóa, nó thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.

Bản chất của tiền tệ còn được thể hiện qua năm chức năng cơ bản của hàng hóa: thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán, tiền tệ thế giới.

## **2. Chức năng của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ**

### **a. Chức năng của tiền tệ**

- *Thước đo giá trị:*

Tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của các hàng hóa khác, để thực hiện chức năng này có thể chỉ cần một lượng tiền tưởng tượng, không cần thiết phải có tiền mặt.

Khi tiền làm chức năng thước đo giá trị thì giá trị hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định, gọi là giá cả hàng hóa. Trên thị trường, giá cả hàng hóa phụ thuộc vào nhiều nhân tố: giá trị hàng hóa, giá trị của tiền, quan hệ cung - cầu về hàng hóa và tình trạng độc quyền về hàng hóa.

Để đo lường giá trị hàng hóa, bản thân tiền phải được đo lường. Lượng tiền được sử dụng làm đơn vị tính toán các lượng tiền khác gọi là tiêu chuẩn giá cả.

- *Phương tiện lưu thông*

Chức năng phương tiện lưu thông là tiền tệ được sử dụng làm môi giới cho việc trao đổi hàng hóa:

### H - T - H

Trao đổi hàng hóa lấy tiền làm môi giới gọi là lưu thông hàng hóa. Khi tiền làm chức năng phương tiện lưu thông, một mặt làm cho lưu thông hàng hóa dễ dàng hơn, mặt khác làm cho hai hành vi, hai giai đoạn mua và bán có thể tách rời nhau về mặt không gian và thời gian làm tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng kinh tế.

#### - *Phương tiện thanh toán*

Chức năng phương tiện thanh toán là tiền tệ được sử dụng để thanh toán các khoản: trả nợ, nộp thuế, trả lương...khi hàng hóa và trao đổi hàng hóa đã phát triển tới mức làm xuất hiện quan hệ mua bán chịu một cách phổ biến.

Chức năng này cho phép giảm bớt lượng tiền mặt trong lưu thông do tạo ra khả năng thanh toán bù trừ mà không dùng tiền mặt; mặt khác, nó làm cho khủng hoảng kinh tế dễ nổ ra hơn, nếu một khâu nào đó trong hệ thống mua bán chịu - hệ thống con nợ, chủ nợ không thanh toán được.

#### - *Phương tiện cất trữ*

Tiền được rút khỏi lưu thông và được cất trữ lại nên chỉ có tiền vàng, tiền bạc, các cửa cải vàng, bạc, đá quý mới thực hiện chức năng này. Qua đây tiền còn có tác dụng đặc biệt là dự trữ tiền cho lưu thông.

#### - **Tiền tệ thế giới**

Khi việc trao đổi hàng hóa vượt khỏi biên giới quốc gia, hình thành quan hệ buôn bán giữa các nước, thì chức năng tiền tệ thế giới ra đời. Chức năng này chỉ có đối với những đồng tiền có giá trị.

### **b. Quy luật lưu thông tiền tệ và vấn đề lạm phát**

*Quy luật lưu thông tiền tệ* là quy luật quy định số lượng tiền cần cho lưu thông hàng hóa ở mỗi thời kỳ nhất định.

C.Mác cho rằng, số lượng tiền tệ cần cho lưu thông do ba nhân tố quy định: số lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, giá cả trung bình của hàng hóa và tốc độ lưu thông của những đơn vị tiền tệ cùng loại. Sự tác động của ba nhân tố này đối với khối lượng tiền tệ cần cho lưu thông diễn ra theo quy luật phổ biến là: Tổng số giá cả của hàng hóa chia cho số vòng lưu thông của các đồng tiền cùng loại trong một thời gian nhất định.

+ Khi tiền mới chỉ thực hiện chức năng là phương tiện lưu thông, thì số lượng tiền cần thiết cho lưu thông được tính theo công thức:

$$M = \frac{P \cdot Q}{V}$$

Trong đó:

M: là phương tiện cần thiết cho lưu thông

P: là mức giá cả

Q: là khối lượng hàng hóa đem ra lưu thông

V: là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ

Tổng giá cả hàng hóa đem ra lưu thông

$$\text{Tức là } M = \frac{\text{Tổng giá cả hàng hóa đem ra lưu thông}}{\text{Số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ}}$$

Khi tiến thực hiện cả chức năng phương tiện thanh toán thì số lượng cần thiết cho lưu thông được xác định như sau:

$$\begin{aligned} & \begin{array}{ccccccc} & \text{Tổng giá} & & \text{Tổng} & & \text{Tổng giá} & & \text{Tổng giá cả} \\ & \text{cả HH} & - & \text{giá cả} & + & \text{cả HH} & + & \text{HH bán chịu} \\ & \text{bán ra} & & \text{HH bán} & & \text{khấu trừ} & & \text{đến kì thanh} \\ & & & \text{chịu} & & \text{cho nhau} & & \text{toán} \end{array} \\ \text{Số lượng} & = \frac{\text{Tổng giá cả HH bán ra} - \text{Tổng giá cả HH bán chịu} + \text{Tổng giá cả HH khấu trừ cho nhau} + \text{Tổng giá cả HH bán chịu đến kì thanh toán}}{\text{Số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ}} \\ \text{tiền cần} & \\ \text{thiết trong} & \\ \text{lưu thông} & \end{aligned}$$

- Lạm phát: Khi vàng và bạc được dùng làm tiền thì số lượng tiền vàng hay bạc được thích ứng một cách tự phát với số lượng tiền cần thiết cho lưu thông. Khi phát hành tiền giấy thì tình hình sẽ khác. Tiền giấy chỉ là ký hiệu của giá trị, hay thế tiền vàng hay bạc trong chức năng phương tiện lưu thông, bản thân tiền giấy không có giá trị thực, do đó số lượng tiền giấy phải bằng số lượng tiền vàng hoặc bạc mà nó tượng trưng. Khi số lượng tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng tiền vàng hay bạc mà nó đại diện thì sẽ dẫn đến hiện tượng lạm phát.

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, đó là hiện tượng khủng hoảng tiền tệ, nhưng nó là sự phản ánh và thể hiện trạng thái chung của toàn bộ nền kinh tế. Có nhiều quan niệm khác nhau về lạm phát, nhưng đều nhất trí rằng: *Lạm phát là tình trạng mức giá chung của toàn bộ nền kinh tế tăng lên trong một thời gian nhất định.*

Căn cứ vào mức giá tăng lên, có thể chia lạm phát thành: lạm phát vừa phải (chỉ số giá cả tăng dưới 10% năm), lạm phát phi mã (trên 10%/năm) và siêu lạm

phát (chỉ số giá cả tăng lên hàng trăm, hàng nghìn lần và hơn nữa). Khi lạm phát xảy ra sẽ dẫn tới sự phân phối lại 10 nguồn thu nhập giữa các tầng lớp dân cư: người nắm giữ hàng hóa, người đi vay được lời; người có thu nhập và nắm giữ tài sản bằng tiền, người cho vay bị thiệt (do sức mua của đồng tiền giảm sút); khuyến khích đầu cơ hàng hóa, cản trở sản xuất kinh doanh, các hoạt động kinh tế bị méo mó biến dạng, tâm lý người dân hoang mang...

Lạm phát là hiện tượng gây nhiều tác động tiêu cực tới kinh tế và xã hội, bởi vậy chống lạm phát được xem là một trong những mục tiêu hàng đầu của các nước trên thế giới. Để ổn định kinh tế vĩ mô, chống lạm phát, cần phải tìm hiểu đúng nguyên nhân dẫn tới lạm phát, đánh giá đúng dạng lạm phát để có cách xử lý tốt hơn.

#### **IV. Quy luật giá trị**

##### **1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị**

- Vị trí quy luật giá trị: là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa, nó yêu cầu sản xuất và trao đổi phải dựa trên cơ sở giá trị của nó, tức là trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết.

- Nội dung của quy luật giá trị:

+ *Trong sản xuất*: đòi hỏi người sản xuất phải căn cứ vào hao phí lao động xã hội cần thiết, luôn có ý thức tìm cách hạ thấp hao phí lao động cá biệt xuống nhỏ hơn hoặc bằng hao phí lao động xã hội cần thiết.

+ *Trong lưu thông*: việc trao đổi phải thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, tức là hàng hóa trao đổi phải căn cứ vào giá trị của nó.

##### **2. Tác động của quy luật giá trị**

Trong nền sản xuất hàng hóa, quy luật giá trị có ba tác động sau:

+ Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

+ Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

+ Thực hiện quá trình chọn lọc tự nhiên, từ đó dẫn tới phân hóa những người sản xuất hàng hóa thành giàu, nghèo, làm xuất hiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

#### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Khi nào xuất hiện sản xuất hàng hoá? Hãy làm rõ đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá?



2. Hàng hoá là gì ? Phân tích hai thuộc tính của hàng hoá ?
3. Hãy làm rõ tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá?
4. Lượng giá trị hàng hoá là gì? Muốn làm giảm lượng giá trị hàng hoá phải làm tốt những vấn đề cơ bản nào ?
5. Trong nền kinh tế khi nào xuất hiện tiền tệ? Hãy làm rõ bản chất và chức năng của tiền tệ ?
6. Hãy làm rõ nội dung và tác động của quy luật giá trị đối với sản xuất hàng hóa?

## **Chương V: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

Ở chương IV chúng ta đã nghiên cứu những vấn đề chung về sản xuất hàng hóa, về sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành tiền tệ. Chủ nghĩa tư bản là sự phát triển hơn nữa của sản xuất hàng hóa. Nhưng chủ nghĩa tư bản khác với sản xuất hàng hóa giản đơn không chỉ về lượng mà còn khác cả về chất nữa. Trên vũ đài kinh tế xuất hiện một loại hàng hóa mới đó là hàng hóa sức lao động. Khi sức lao động trở thành hàng hóa thì tiền tệ mang hình thái là tư bản và gắn liền với đó là một quan hệ sản xuất mới xuất hiện: quan hệ giữa nhà tư bản và công nhân làm thuê. Thực chất của mối quan hệ này là nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư của công nhân làm thuê. Giá trị thặng dư là nguồn gốc hình thành nên thu nhập của các nhà tư bản và các tập đoàn bóc lột trong chủ nghĩa tư bản. Trọng tâm học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác sẽ xoay xung quanh vấn đề này. Nghiên cứu học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác cũng có nghĩa là chúng ta nghiên cứu học thuyết giữ vị trí "hòn đá tảng" trong toàn bộ lý luận kinh tế của C.Mác.

Vì vậy, **yêu cầu:** Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau:

- Sự chuyển hoá tiến thành tư bản
- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản
- Tiền công trong chủ nghĩa tư bản
- Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản
- Quá trình lưu thông của tư bản
- Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

### **2. Quy định hình thức học cho mỗi nội dung nhỏ**

<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức học</b>
<b>Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư</b>	Giáo viên giảng
<b>I. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản</b>	

1. Công thức chung của tư bản	
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản	Giáo viên giảng
3. Hàng hoá sức lao động	Giáo viên giảng
<b>II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản</b>	Giáo viên giảng
1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư	
2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến	Giáo viên giảng
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư	Giáo viên giảng
4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch	Giáo viên giảng
5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối (cơ bản) của chủ nghĩa tư bản	Giáo viên giảng
<b>III. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản</b>	Giáo viên giảng
1. Bản chất kinh tế của tiền công	
2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản	Giáo viên giảng
3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế	Giáo viên giảng
<b>IV. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản</b>	Giáo viên giảng
1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản	
2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản	Giáo viên giảng
3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản	Giáo viên giảng
<b>V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư</b>	
1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản	
2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội	SV tự nghiên cứu
3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư	

bản	
<b>VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư</b>	Giáo viên giảng
1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận	
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất	Giáo viên giảng
3. Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất	Giáo viên giảng
4. Sự phân chia giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản	Giáo viên giảng

## Nội dung giảng

### I. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản

#### 1. Công thức chung của tư bản

Tiền trong lưu thông hàng hóa giản đơn                    H – T – H

Tiền trong sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa        T – H – T'

So sánh hai công thức:

+ Giống nhau:  $\left\{ \begin{array}{l} - \text{Đều có hai yếu tố: Tiền và hàng} \\ - \text{Đều có 2 hành vi: mua và bán} \\ - \text{Biểu hiện QHKT: giữa người mua và người bán} \end{array} \right.$

+ Khác nhau:

Nội dung so sánh	H - T - H	T - H - T'
Điểm xuất phát và kết thúc	Điểm xuất phát và kết thúc đều là H, còn T chỉ đóng vai trò trung gian, được chi tiêu hết.	Khởi đầu và kết thúc là T, T chỉ tạm thời ứng ra rồi thu về. H chỉ đóng vai trò trung gian.
Trình tự lưu thông	Bắt đầu bằng việc bán (H-T), kết thúc bằng việc mua (T-H)	Bắt đầu bằng hành vi mua, kết thúc bằng hành vi bán.
Mục đích của sự vận động	Giá trị sử dụng	Giá trị T' (T' = T + T)
Giới hạn của sự vận động	Kết thúc khi có được giá trị sử dụng	Không có giới hạn

Kết luận:

+ Mục đích của lưu thông tư bản là sự lớn lên của giá trị, là giá trị thặng dư  
(  $T' = T + t \Rightarrow m$  )

Khái niệm tư bản: là giá trị mang lại giá trị thặng dư.

Như vậy:

+ Tư bản trước hết phải là tiền, một số tiền, nhưng không phải tiền nào cũng là tư bản.

+ Tiền chỉ trở thành tư bản khi nó được sử dụng và mang lại cho chủ sở hữu số giá trị lớn hơn.

$T - H - T' \Rightarrow$  là công thức chung của tư bản. Vì mọi tư bản đều vận động dưới dạng khái quát này.

## 2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

Bản chất của công thức  $T - H - T'$  là giá trị đẻ ra giá trị thặng dư. Nhưng giá trị thặng dư do đâu mà có?

Các nhà kinh tế học tư sản đã cố tình chứng minh rằng quá trình lưu thông đẻ ra giá trị thặng dư, nhằm mục đích che dấu nguồn gốc làm giàu của các nhà tư bản.

Thực ra trong lưu thông, dù người ta trao đổi ngang giá hay không ngang giá thì cũng không tạo ra giá trị mới, do đó cũng không tạo ra giá trị thặng dư.

*Trường hợp trao đổi ngang giá:* Giá trị hàng hóa không hề thay đổi mà chỉ thay đổi hình thái giá trị. Trong trường hợp này: chỉ có thay đổi hình thái giá trị ( $T-H, H-T$ ) còn tổng giá trị cũng như phần giá trị của mỗi bên vẫn không thay đổi (khi đó  $T = T$ ). Ví dụ: khi trao đổi 1 con gà lấy 2m vải.

*Trường hợp trao đổi không ngang giá:*

+ Thứ nhất, giả sử 1 nhà tư bản bán hàng hóa cao hơn giá trị thì khi phải mua tư liệu sản xuất họ sẽ phải trả với giá đắt hơn  $\Rightarrow$  không tạo ra giá trị thặng dư.

+ Thứ hai, giả sử 1 nhà tư bản mua hàng hóa thấp hơn giá trị thì khi là người bán, số tiền do mua rẻ cũng sẽ mất đi tương ứng  $\Rightarrow$  không tạo ra giá trị thặng dư.

+ Thứ ba, giả sử có 1 nhà tư bản dùng thói bịp bợm, lừa lọc để mua rẻ, bán đắt thì xét trên tổng hàng hóa xã hội cũng không hề mất đi.

Trong thực tiễn dù có đặt đi đặt lại vấn đề này đến mấy đi nữa, thì kết quả cũng thế thôi. C. Mác đã chỉ rõ : "Lưu thông hay trao đổi hàng hóa không sáng tạo ra giá trị nào cả".

*Như vậy lưu thông đã không đẻ ra giá trị thặng dư. Vậy phải chăng giá trị thặng dư có thể đẻ ra ở ngoài lưu thông?*

Trở lại ngoài lưu thông chúng ta xem xét hai trường hợp:

- Ở ngoài lưu thông, nếu người trao đổi vẫn đứng một mình với hàng hóa của anh ta, thì giá trị của những hàng hóa ấy không hề tăng lên một chút nào. Hàng hóa phải đưa vào lưu thông thì giá trị của nó mới được thừa nhận.

- Ở ngoài lưu thông, nếu người sản xuất muốn sáng tạo thêm giá trị mới cho hàng hoá, thì phải bằng lao động của mình, Nghĩa là kết tinh thêm một lượng giá trị. Chẳng hạn, người thợ giấy đã tạo ra một giá trị mới bằng cách lấy da thuộc để làm ra giấy. Trong thực tế, đôi giấy có giá trị lớn hơn da thuộc vì nó đã thu hút nhiều lao động hơn, còn giá trị của bản thân da thuộc vẫn y như trước, không tự tăng lên.

Một khi trong và ngoài lưu thông đều không tạo ra giá trị thặng dư thì tiền không thể chuyển thành tư bản được.

Đến đây có thể nhận thấy "Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông".

Đó chính là mâu thuẫn chứa đựng trong công thức chung của tư bản. Để giải quyết những mâu thuẫn này, C. Mác chỉ rõ "phải lấy những quy luật nội tại của lưu thông hàng hóa làm cơ sở...".

### **3. Hàng hoá sức lao động**

#### ***a. Sức lao động và điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá***

- Khái niệm: Sức lao động là toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể của một con người đang sống và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó.

- Sức lao động chỉ trở thành hàng hoá khi có 2 điều kiện sau:

+ Người lao động phải tự do về thân thể của mình, phải có khả năng chi phối sức lao động ấy đến mức có thể bán sức lao động đó trong một thời gian nhất định.

+ Người lao động không có tư liệu sản xuất cần thiết để tự mình thực hiện lao động và không còn của cải gì, muốn sống chỉ còn cách bán sức lao động cho người khác sử dụng.

### **b. Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động**

Hàng hoá sức lao động cũng bao gồm hai thuộc tính: Giá trị và giá trị sử dụng.

- *Giá trị hàng hoá sức lao động:*

+ Do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động quyết định.

+ Là hàng hoá đặc biệt, nó bao gồm cả yếu tố tinh thần và lịch sử.

+ Giá trị hàng hoá sức lao động bao gồm những bộ phận chủ yếu sau:

. Giá trị những tư liệu sinh hoạt về vật chất và tinh thần cần thiết để tái sản xuất sức lao động, duy trì đời sống cá nhân.

. Phí tổn đào tạo công nhân.

. Giá trị những tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết cho gia đình.

- *Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động:*

+ Chỉ thể hiện trong quá trình tiêu dùng sức lao động, để sản xuất ra một hàng hoá, một dịch vụ nào đó.

+ Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới, lớn hơn giá trị bản thân nó, phần giá trị mới lớn hơn này là giá trị thặng dư.

+ Giá trị thặng dư do giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động tạo ra. Đây là chìa khoá để giải thích mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

## **II. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản**

### **1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư**

#### **a. Đặc điểm**

Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, hơn nữa, cũng không phải là giá trị đơn thuần mà là giá trị thặng dư. Nhưng để sản xuất giá trị thặng dư trước hết nhà tư bản phải sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó, vì giá trị sử dụng là vật mang giá trị trao đổi và giá trị thặng dư.

Vậy, quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. C. Mác viết: "Với tư cách là sự thống nhất giữa quá trình lao động và quá trình tạo ra giá trị thì quá trình sản xuất là quá trình sản xuất hàng hoá; với tư cách là sự thống nhất giữa quá trình lao động với quá trình làm tăng giá trị thì quá trình sản xuất là một quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, là hình thái tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất hàng hoá".

Quá trình sản xuất trong xí nghiệp tư bản đồng thời là quá trình nhà tư bản tiêu dùng sức lao động và tư liệu sản xuất mà nhà tư bản đã mua, nên nó có các đặc điểm:

- Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản.
- Sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà tư bản.

### ***b. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư***

Để hiểu rõ quá trình sản xuất giá trị thặng dư, chúng ta lấy việc sản xuất sợi của một nhà tư bản làm ví dụ. Nó là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình lớn lên của giá trị hay là quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

- Giả sử: Để chế tạo 1kg sợi, nhà tư bản phải ứng trước số tiền:
  - + 20.000 đơn vị để mua 1kg bông.
  - + 3.000 đơn vị cho hao phí máy móc.
  - + 5.000 đơn vị mua sức lao động công nhân trong một ngày (10h)

Giả định việc mua bán này đúng giá trị - > mỗi giờ lao động sống của công nhân tạo ra giá trị mới kết tinh vào sản phẩm là 1.000 đơn vị.

- Trong quá trình sản xuất, bằng lao động cụ thể, công nhân sử dụng máy móc để chuyển 1kg bông thành 1kg sợi theo đó giá trị của bông và hao mòn máy móc cũng được chuyển vào sợi.

Bằng lao động trừu tượng, mỗi giờ công nhân tạo thêm 1 lượng giá trị mới là: 1.000 đơn vị.

Giả định chỉ trong 5 giờ công nhân đã kéo 1kg bông thành 1kg sợi, thì giá trị 1kg sợi được tính theo các khoản như sau:

- + Giá trị 1kg bông chuyển vào = 20.000 đơn vị.
- + Hao mòn máy móc = 3.000 đơn vị.
- + Giá trị mới tạo ra (trong 5 giờ lao động phần này đủ bù đắp giá trị sức lao động) = 5.000 đơn vị
- Tổng cộng = 28.000 đơn vị

- Nếu quá trình lao động dừng ở đây, thì nhà tư bản chưa có giá trị thặng dư. Nhưng nhà tư bản đã mua sức lao động trong một ngày (10h). Vậy trong 5h tiếp theo nhà tư bản chi thêm:

+ 1kg bông = 20.000 đơn vị

+ Hao mòn máy móc = 30.000 đơn vị

+ 5h lao động sau người công nhân vẫn tạo ra 5.000 đơn vị giá trị mới và tạo ra 1kg sợi mới với giá trị là 28.000 đơn vị.

Vậy: Tổng chi phí nhà tư bản chi là:

- Tiền mua bông =  $20.000 \times 2 = 40.000$  đơn vị

- Tiền hao mòn máy móc =  $3000 \times 2 = 6.000$  đơn vị

- Tiền mua sức lao động công nhân < sản xuất trong 1 ngày là 10 h, tính đúng theo giá trị = 5.000 đơn vị

Tổng cộng = 51.000 đơn vị

Tổng giá trị 2kg sợi là  $28000 \times 2 = 56.000$  đơn vị. Như vậy lượng giá trị thặng dư thu được là  $56.000 - 51.000 = 5.000$  đơn vị.

Kết luận: Giá trị thặng dư là giá trị mới do lao động của người công nhân tạo ra ngoài giá trị sức lao động, là kết quả lao động không công của công nhân cho nhà tư bản.

## **2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến**

### **a. Bản chất của tư bản**

Các nhà kinh tế học tư sản thường cho rằng mọi công cụ lao động, mọi tư liệu sản xuất đều là tư bản. Thực ra bản thân tư liệu sản xuất không phải là tư bản, nó chỉ là yếu tố cơ bản của sản xuất trong bất cứ xã hội nào. Tư liệu sản xuất chỉ trở thành tư bản khi nó trở thành tài sản của các nhà tư bản và được dùng để bóc lột lao động làm thuê.

Ở phần trên đã định nghĩa tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư. Đó là một định nghĩa rất chung về tư bản, nó bao trùm cả tư bản cổ xưa lẫn tư bản hiện đại. Nhưng sau khi nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, có thể định nghĩa chính xác *tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động không công của công nhân làm thuê*. Như vậy bản chất của tư bản là thể hiện quan hệ sản xuất xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân sáng tạo ra.



### **b. Tư bản bất biến và tư bản khả biến**

- Để tiến hành sản xuất nhà tư bản phải ứng ra mua: *tư liệu sản xuất và sức lao động*, đem dùng vào sản xuất để thu được m.

Hai bộ phận tư bản này có vai trò khác nhau trong việc tạo ra giá trị thặng dư.

+ Trong quá trình sản xuất, giá trị của tư liệu sản xuất được lao động cụ thể của người chuyển vào sản phẩm mới. Lượng giá trị của chúng không đổi. Bộ phận tư bản này được gọi là *tư bản bất biến* (ký hiệu: C)

+ Đối với bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động thì lại khác. Trong quá trình sản xuất, bằng lao động trừu tượng của mình, người công nhân tạo ra một lượng giá trị mới, không những đủ bù đắp lại giá trị sức lao động của công nhân mà còn tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động đã có sự biến đổi về lượng trong quá trình sản xuất. Bộ phận tư bản này được gọi là *tư bản khả biến* (ký hiệu là V).

- Hiện nay, dù máy móc có hiện đại như thế nào thì giá trị của chúng cũng chỉ chuyển đủ vào sản phẩm, muốn có m phải bóc lột sức lao động sống. Vậy phương tiện hiện đại chỉ có vai trò tăng sức lao động cho nên tư bản bất biến chỉ là điều kiện, tư bản khả biến mới là phương tiện trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư.

$$\text{Giá trị hàng hóa} = C + V + m$$

### **3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư**

#### **a. Tỷ suất giá trị thặng dư**

- Khái niệm: Tỷ suất giá trị thặng dư ( $m'$ ) là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng giá trị thặng dư (m) với tư bản khả biến (V).

- Công thức:  $m' = \frac{M}{V} \times 100\%$

Hay:  $m' = \frac{t'}{t} \times 100\%$

- t là thời gian lao động tất yếu.

- t' là thời gian lao động thặng dư.

Vậy  $m'$  phản ánh mức độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân.

#### **b. Khối lượng giá trị thặng dư**

- Khái niệm: Khối lượng giá trị thặng dư (M) là số lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản thu được trong một thời gian sản xuất nhất định.

- Công thức:  $M = m' \cdot V$  hoặc  $M = \frac{m}{v} \cdot V$

Trong đó V là tổng tư bản khả biến được sử dụng trong t trên.

Vậy : M phần ánh quy mô bóc lột của nhà tư bản.

#### 4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

##### a. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

###### \* Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

Khái niệm: Là phương pháp làm tăng giá trị thặng dư do kéo dài ngày lao động, làm cho thời gian lao động thặng dư tăng lên, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

VD: 1 ngày làm việc 8h:

+ (t) Thời gian lao động tất yếu = 4h

+ (t') Thời gian lao động thặng dư = 4h

=> Tỷ suất giá trị thặng dư là :

$$m' = \frac{t'}{t} \times 100\% = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\%$$

Kéo dài ngày lao động thêm 2h nữa, mọi điều kiện khác vẫn như cũ thì:

$$m' = \frac{t'}{t} \times 100\% = \frac{6}{4} \times 100\% = 150\%$$

###### \* Sản xuất giá trị thặng dư tương đối

Khái niệm: là phương pháp làm tăng giá trị thặng dư do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ.

VD: 1 ngày lao động là 8h trong đó:

+ 4h là lao động tất yếu.

+ 4h là lao động giá trị thặng dư.

Nếu giảm thời gian lao động tất yếu đi 1h, thời gian lao động tất yếu sẽ giảm đi còn 3h và thời gian lao động giá trị thặng dư sẽ tăng lên 5h, làm cho m' từ 100% tăng lên 167%.

##### b. Giá trị thặng dư siêu ngạch

Là phần giá trị thặng dư thu được do áp dụng công nghệ mới sớm hơn các xí nghiệp khác làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường của nó.

VD:

+ Giá trị thị trường của 1 hàng hoá = 10 + 5 + 5 = 20

+ Giá trị cá biệt khi áp dụng công nghệ mới bằng = 10 + 4 + 4 = 18

vậy  $20 - 18 = 2 \Rightarrow$  giá trị thặng dư siêu ngạch.

## **5. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối (cơ bản) của chủ nghĩa tư bản**

- Nội dung của quy luật: Sản xuất ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư cho nhà tư bản bằng cách tăng cường bóc lột lao động làm thuê trên cơ sở tăng năng suất lao động và cường độ lao động.

- Sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản vì:

+ Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa là giá trị thặng dư.

+ Sản xuất giá trị thặng dư vạch rõ phương tiện, thủ đoạn mà các nhà tư bản sử dụng để đạt được mục đích đó là tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.

+ Phản ánh mối quan hệ bản chất của chủ nghĩa tư bản.

+ Chi phối mọi hoạt động của các quy luật kinh tế khác.

+ Quyết định sự phát sinh, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Việc theo đuổi giá trị thặng dư đã chi phối sự vận động của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trên cả 2 mặt:

Thúc đẩy: Cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động => Lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.

Làm suy thoái: Xuất hiện các vấn đề: ô nhiễm môi trường, sản xuất vũ khí, chiến tranh... => Mâu thuẫn giai cấp, dân tộc => Cách mạng vô sản.

- Đặc điểm mới của quá trình sản xuất giá trị thặng dư:

+ Do áp dụng kĩ thuật và công nghệ hiện đại nên chi phí lao động sống trong một đơn vị sản phẩm giảm đi.

+ Lao động trí tuệ, có trình độ cao ngày càng có vai trò quyết định trong việc sản xuất ra giá trị thặng dư.

+ Các nước tư bản tăng cường bóc lột các nước chậm phát triển mâu thuẫn này ngày càng trở nên gay gắt.

### **III. Tiên công trong chủ nghĩa tư bản**

Bản chất, nguồn gốc và những thủ đoạn chiếm đoạt giá trị thặng dư đã được phân tích nhưng giá trị thặng dư lại có mối liên hệ chặt chẽ với tiên công, vì vậy sự nghiên cứu về tiên công của Mác một mặt có tác dụng hoàn chỉnh lý luận giá trị thặng dư, nhưng mặt khác lại góp phần tạo ra một lý luận độc lập về tiên công.

## 1. Bản chất kinh tế của tiền công

Biểu hiện bề ngoài của đời sống xã hội tư bản, công nhân làm việc cho nhà tư bản một thời gian nhất định, sản xuất ra một lượng hàng hoá hay hoàn thành một số công việc nào đó thì nhà tư bản trả cho công nhân một số tiền nhất định gọi là tiền công. Hiện tượng đó làm cho người ta lầm tưởng rằng tiền công là giá cả của lao động. Sự thật thì tiền công không phải là giá trị hay giá cả của lao động, vì lao động không phải là hàng hoá. Sở dĩ như vậy là vì:

- Nếu lao động là hàng hoá, thì nó phải có trước, phải được vật hoá trong một hình thức cụ thể nào đó. Tiền đề để cho lao động vật hoá được là phải có tư liệu sản xuất. Nhưng nếu người lao động có tư liệu sản xuất, thì họ sẽ bán hàng hoá do mình sản xuất ra, chứ không bán "lao động".

- Việc thừa nhận lao động là hàng hoá dẫn tới một trong hai mâu thuẫn về lý luận sau đây:

*Thứ nhất*, nếu lao động là hàng hoá và nó được trao đổi ngang giá, thì nhà tư bản không thu được lợi nhuận (giá trị thặng dư); điều này phủ nhận sự tồn tại thực tế của quy luật giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản.

*Thứ hai*, còn nếu "hàng hoá lao động" được trao đổi không ngang giá để có giá trị thặng dư cho nhà tư bản, thì phải phủ nhận quy luật giá trị.

- Nếu lao động là hàng hoá, thì hàng hoá đó cũng phải có giá trị. Nhưng lao động là thực thể và là thước đo nội tại của giá trị, nhưng bản thân lao động thì không có giá trị. Vì thế, lao động không phải là hàng hoá, cái mà công nhân bán cho nhà tư bản chính là sức lao động. Do đó tiền công mà nhà tư bản trả cho công nhân là giá cả của sức lao động.

*Vậy bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa sức lao động, hay còn được gọi là giá cả của hàng hóa sức lao động, nhưng lại biểu hiện ra bề ngoài thành giá cả của lao động.*

Hình thức biểu hiện đó đã gây ra sự nhầm lẫn. Điều đó là do những thực tế sau đây:

*Thứ nhất*, đặc điểm của hàng hoá sức lao động là không bao giờ tách khỏi người bán, nó chỉ nhận được giá cả khi đã cung cấp giá trị sử dụng cho người

mua, tức là lao động cho nhà tư bản, do đó bên ngoài chỉ thấy nhà tư bản trả giá trị cho lao động.

*Thứ hai*, đối với công nhân, toàn bộ lao động trong cả ngày là phương tiện để có tiền sinh sống, do đó bản thân công nhân cũng tưởng rằng mình bán lao động. Còn đối với nhà tư bản bỏ tiền ra là để có lao động, nên cũng nghĩ rằng cái mà họ mua là lao động.

*Thứ ba*, lượng của tiền công phụ thuộc vào thời gian lao động hoặc số lượng sản phẩm sản xuất ra, điều đó làm cho người ta lầm tưởng rằng tiền công là giá cả lao động.

Tiền công đã che đậy mọi dấu vết của sự phân chia ngày lao động thành thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư, thành lao động được trả công và lao động không được trả công, do đó tiền công che đậy mất bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

## **2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản**

Tiền công có hai hình thức cơ bản là tiền công tính theo thời gian và tiền công tính theo sản phẩm.

Tiền công tính theo thời gian, là hình thức tiền công mà số lượng của nó ít hay nhiều tùy theo thời gian lao động của công nhân (giờ, ngày, tháng) dài hay ngắn.

Cần phân biệt tiền công giờ, tiền công ngày, tiền công tuần, tiền công tháng. Tiền công ngày và tiền công tuần chưa nói rõ được mức tiền công đó cao hay là thấp, vì nó còn tùy theo ngày lao động dài hay ngắn. Do đó muốn đánh giá chính xác mức tiền công không chỉ căn cứ vào tiền công ngày, mà phải căn cứ vào độ dài của ngày lao động và cường độ lao động. Giá cả của một giờ lao động là thước đo chính xác mức tiền công tính theo thời gian.

*Tiền công tính theo sản phẩm*, là hình thức tiền công mà số lượng của nó phụ thuộc vào số lượng sản phẩm hay số lượng những bộ phận của sản phẩm mà công nhân đã sản xuất ra hoặc là số lượng công việc đã hoàn thành.

Mỗi sản phẩm được trả công theo một đơn giá nhất định. Đơn giá tiền công được xác định bằng thương số giữa tiền công trung bình của công nhân trong một

ngày với số lượng sản phẩm trung bình mà một công nhân sản xuất ra trong một ngày, do đó về thực chất, đơn giá tiền công là tiền công trả cho thời gian cần thiết sản xuất ra một sản phẩm. Vì thế tiền công tính theo sản phẩm là hình thức chuyển hoá của tiền công tính theo thời gian.

Thực hiện tiền công tính theo sản phẩm, một mặt, giúp cho nhà tư bản trong việc quản lý, giám sát quá trình lao động của công nhân dễ dàng hơn; mặt khác, kích thích công nhân lao động tích cực, khẩn trương tạo ra nhiều sản phẩm để nhận được tiền công cao hơn.

### **3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế**

*Tiền công danh nghĩa* là số tiền mà người công nhân nhận được do bán sức lao động của mình cho nhà tư bản. Tiền công được sử dụng để tái sản xuất sức lao động, nên tiền công danh nghĩa phải được chuyển hoá thành tiền công thực tế.

*Tiền công thực tế* là tiền công được biểu hiện bằng số lượng hàng hoá tiêu dùng và dịch vụ mà công nhân mua được bằng tiền công danh nghĩa của mình.

Tiền công danh nghĩa là giá cả sức lao động, nên nó có thể tăng lên hay giảm xuống tùy theo sự biến động của quan hệ cung - cầu về hàng hoá sức lao động trên thị trường. Trong một thời gian nào đó, nếu tiền công danh nghĩa không thay đổi, nhưng giá cả tư liệu tiêu dùng và dịch vụ tăng lên hoặc giảm xuống, thì tiền công thực tế sẽ giảm xuống hay tăng lên.

Tiền công là giá cả của sức lao động, nên sự vận động của nó gắn liền với sự biến đổi của giá trị sức lao động. Lượng giá trị sức lao động chịu ảnh hưởng của các nhân tố tác động ngược chiều nhau. Nhân tố tác động làm tăng giá trị sức lao động như: sự nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, sự tăng cường độ lao động và sự tăng lên của nhu cầu cùng với sự phát triển của xã hội. Nhân tố tác động làm giảm giá trị sức lao động, đó là sự tăng năng suất lao động làm cho giá cả tư liệu tiêu dùng rẻ đi. Sự tác động qua lại của các nhân tố đó dẫn tới quá trình phức tạp của sự biến đổi giá trị sức lao động, do đó dẫn tới sự biến đổi phức tạp của tiền công thực tế.

Tuy nhiên, C.Mác đã vạch ra rằng xu hướng chung của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là nâng cao mức tiền công trung bình mà là hạ thấp mức tiền

công ấy. Bởi lẽ trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, tiền công danh nghĩa có xu hướng tăng lên, nhưng mức tăng của nó nhiều khi không theo kịp mức tăng giá cả tư liệu tiêu dùng và dịch vụ; đồng thời thất nghiệp là hiện tượng thường xuyên, khiến cho cung về lao động làm thuê vượt quá cầu về lao động, điều đó cho phép nhà tư bản mua sức lao động dưới giá trị của nó, vì vậy tiền công thực tế của giai cấp công nhân có xu hướng hạ thấp.

Nhưng sự hạ thấp của tiền công thực tế chỉ diễn ra như một xu hướng, vì có những nhân tố chống lại sự hạ thấp tiền công. Một mặt, đó là cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đòi tăng tiền công. Mặt khác, trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản ngày nay, do sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ nên nhu cầu về sức lao động có chất lượng cao ngày càng tăng đã buộc giai cấp tư sản phải cải tiến tổ chức lao động cũng như kích thích người lao động bằng lợi ích vật chất. Đó cũng là một nhân tố cản trở xu hướng hạ thấp tiền công.

#### **IV. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản**

##### **1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản**

###### **a. Giá trị thặng dư - nguồn gốc của tích lũy tư bản**

- Khái niệm: *Thực chất của tích lũy tư bản là sự chuyển hoá một phần giá trị thặng dư trở lại thành tư bản, hay là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư.*

Phân tích ví dụ: Năm thứ nhất quy mô sản xuất là  $80c + 20v + 20m$ . Giả định 20m không bị nhà tư bản tiêu dùng tất cả cho cá nhân, mà được phân thành 10m dành cho tích lũy và 10m dành cho tiêu dùng cá nhân của nhà tư bản. Phần 10m dành cho tích lũy được phân thành  $8c + 2v$ , khi đó quy mô sản xuất của năm sau sẽ là  $88c + 22v + 22m$  nếu m' vẫn như cũ). Như vậy, vào năm thứ 2, quy mô tư bản bất biến và tư bản khả biến đều tăng lên, giá trị thặng dư cũng tăng lên tương ứng.

- Ý nghĩa của việc nghiên cứu:

+ Nguồn gốc duy nhất của tư bản tích lũy là giá trị thặng dư và tư bản tích lũy chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong toàn bộ tư bản.

+ Quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa biến thành quyền chiếm đoạt tư bản chủ nghĩa.

- Động cơ thúc đẩy tích lũy và tái sản xuất mở rộng: Dưới sự tác động mạnh mẽ của quy luật giá trị thặng dư và quy luật cạnh tranh, các nhà tư bản không ngừng tích lũy để mở rộng sản xuất, làm cho tư bản cá biệt của mình tăng lên.

### ***b. Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản***

- Với khối lượng M nhất định thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia giữa tích lũy và tiêu dùng.

- Nếu tỷ lệ này được xác định thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào khối lượng M. Có 4 nhân tố ảnh hưởng đến khối lượng M.

*Trình độ bóc lột giá trị thặng dư*

+ Các nhà tư bản nâng cao trình độ bóc lột sức lao động bằng cách cắt xén tiền công.

+ Các nhà tư bản nâng cao trình độ bóc lột bằng cách tăng cường độ lao động và kéo dài ngày lao động để tăng khối lượng giá trị thặng dư, nhờ đó tăng tích lũy tư bản.

*Năng suất lao động*

+ Năng suất lao động tăng lên dẫn tới giá cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng giảm:

Khối lượng giá trị thặng dư nhất định, phần dành cho tích lũy có thể lấn sang phần tiêu dùng, trong khi sự tiêu dùng của nhà tư bản không giảm mà vẫn có thể bằng hoặc cao hơn trước.

Một lượng giá trị thặng dư nhất định giành cho tích lũy cũng có thể chuyển hoá thành khối lượng tư liệu sản xuất và sức lao động phụ thêm nhiều hơn trước.

+ Ngày nay sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ đã làm cho năng suất lao động ngày một cao, làm cho giá trị của tư bản cũ tái hiện dưới hình thái hữu dụng mới càng nhanh do đó cùng làm tăng qui mô của tích lũy tư bản.

*Chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng*

+ Tư bản sử dụng: là khối lượng giá trị những tư liệu lao động mà toàn bộ quy mô hiện vật của chúng đều hoạt động trong quá trình sản xuất sản phẩm.

+ Tư bản tiêu dùng: là phần giá trị những tư liệu lao động ấy được chuyển vào sản phẩm theo từng chu kỳ sản xuất dưới dạng khấu hao.

+ Sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng là thước đo sự tiến độ của lực lượng sản xuất. Sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng thể hiện tuổi thọ và sự tối ưu hóa của tư liệu sản xuất. Máy móc càng hiện đại, tuổi thọ càng cao, càng giảm thiểu được sự hao mòn vô hình và hữu hình, thì sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng càng lớn.

+ Kỹ thuật càng hiện đại, sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng càng lớn, thì sự phục vụ không công của tư liệu lao động càng nhiều, do đó giá trị thặng dư thu được càng cao.



### *Đại lượng tư bản ứng trước*

Đại lượng này càng lớn thì quy mô sản xuất càng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

$$\text{Vì: } M = m' \cdot V$$

Nếu  $m'$  không đổi thì  $M$  phụ thuộc vào  $V$  theo một tỷ lệ nhất định  $c/v$ . Do đó, muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư phải tăng quy mô tư bản trước.

*Kết luận: Để nâng cao qui mô tích lũy, cần khai thác tốt nhất lực lượng lao động xã hội, tăng năng suất lao động, sử dụng triệt để năng lực sản xuất của máy móc, thiết bị và tăng quy mô vốn đầu tư ban đầu.*

## **2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản**

- Khái niệm:

+ Tích tụ tư bản: là việc tăng quy mô tư bản cá biệt bằng tích lũy của từng tư bản riêng rẽ, qua việc tư bản hoá giá trị thặng dư.

+ Tập trung tư bản: là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội thành một tư bản khác cá biệt lớn hơn.

- Giữa tích tụ tư bản và tập trung tư bản có những điểm giống và khác nhau:

+ Giống nhau: đều làm tăng quy mô của tư bản cá biệt.

+ Khác nhau:

	<b>Tích tụ tư bản</b>	<b>Tập trung tư bản</b>
<b>Nguồn gốc</b>	Giá trị thặng dư	Những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội
<b>Phản ánh quan hệ</b>	Phản ánh trực tiếp mối quan hệ bóc lột giữa nhà tư bản và người lao động	Phản ánh trực tiếp quan hệ cạnh tranh trong nội bộ giai cấp các nhà tư bản, đồng thời nó cũng tác động đến mối quan hệ giữa tư bản và lao động
<b>Tư bản xã hội</b>	Làm tăng quy mô	Không làm tăng quy mô

- Mối quan hệ giữa tích tụ và tập trung tư bản:

+ Tích tụ tư bản làm tăng quy mô và sức mạnh của tư bản cá biệt, dẫn tới cạnh tranh nên tập trung nhanh hơn.

+ Tập trung tư bản tạo điều kiện bóc lột giá trị thặng dư nên đẩy nhanh tích tụ tư bản.

## **3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản**

- Tư bản tồn tại dưới dạng vật chất và giá trị, cấu tạo của tư bản gồm: *cấu tạo kỹ thuật* và *cấu tạo giá trị*

+ Cấu tạo kỹ thuật của tư bản: là tỷ lệ giữa khối lượng tư liệu sản xuất với số lượng lao động cần thiết để sử dụng các tư liệu đó và phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội.

+ Cấu tạo giá trị của tư bản: là tỷ lệ giữa số lượng giá trị của tư bản bất biến và số lượng giá trị của tư bản khả biến.

+ Cấu tạo hữu cơ của tư bản: là cấu tạo giá trị của tư bản, do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật tư bản.

+ Dưới tác động thường xuyên của tiến độ khoa học công nghệ, cấu tạo hữu cơ của tư bản không ngừng biến đổi ngày càng tăng theo hướng bộ phận tư bản bất biến tăng nhanh hơn bộ phận tư bản khả biến.

## V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

### 1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

#### a. Tuần hoàn của tư bản

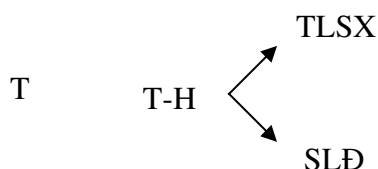
Mọi tư bản sản xuất trong quá trình vận động đều trải qua ba giai đoạn, tồn tại 3 hình thái và thực hiện 3 chức năng:

#### Giai đoạn 1:

##### **Tư bản**

- Mang hình thái tiền tệ.
- Thực hiện chức năng mua các yếu tố sản xuất: Tư liệu sản xuất và sức lao động.

Quá trình lưu thông được biểu thị :



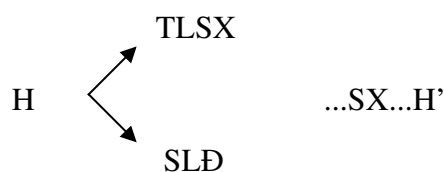
#### Giai đoạn 2:

##### **Tư bản:**

Mang hình thái tư bản sản xuất.

Thực hiện chức năng sản xuất ra hàng hoá và tạo ra giá trị thặng dư.

Sự vận động của tư bản giai đoạn này được biểu thị như sau:



### Giai đoạn 3:

#### **Tư bản:**

Mang hình thái tư bản hàng hoá.

Thực hiện chức năng giá trị và giá trị thặng dư.

Công thức vận động được biểu hiện:

$$H' - T'$$

#### **Kết luận:**

+ Tổng hợp quá trình vận động của tư bản trong cả ba giai đoạn, có công thức sau:

$$T - H \quad : \text{SLĐ} \quad \dots \text{sản xuất} \dots H' - T' \\ : \text{TLSX}$$

+ **Tuần hoàn tư bản:** là sự vận động của tư bản trải qua 3 giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái, thực hiện 3 chức năng, rồi quay về hình thái ban đầu với giá trị không chỉ được toàn mà còn tăng lên.

+ Phù hợp với ba giai đoạn của tuần hoàn tư bản, có ba hình thái của tư bản chủ nghĩa. Trong quá trình vận động của tư bản, nó chứa đựng khả năng tách rời của ba hình thái tư bản, là cơ sở để xuất hiện tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay, từ đó hình thành các tập đoàn khác trong giai cấp tư bản: Chủ công nghiệp, nhà buôn, chủ ngân hàng chia nhau giá trị thặng dư.

#### **b. Chu chuyển của tư bản**

- **Khái niệm:** Chu chuyển tư bản là sự tuần hoàn tư bản được lặp đi lặp lại một cách định kỳ và không ngừng đổi mới.

- **Vai trò:** Chu chuyển tư bản nói lên thời gian và tốc độ vận động của tư bản nhanh hay chậm.

- **Thời gian chu chuyển tư bản bao gồm:** thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

**Thời gian sản xuất:** Là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực sản xuất bao gồm:

- + Thời gian lao động.
- + Thời gian gián đoạn lao động.
- + Thời gian dự trữ sản xuất.

Thời gian sản xuất dài hay ngắn phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- + Tính chất và tổ chức của ngành sản xuất.
- + Quy mô hoặc chất lượng sản phẩm.

- + Vật sản xuất chịu tác động của quá trình tự nhiên dài hay ngắn.
- + Năng xuất lao động cao hay thấp.
- + Dự trữ sản xuất đủ hay thiếu.

Thời gian lưu thông: là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực lưu thông, thời gian lưu thông dài hay ngắn phụ thuộc vào:

- + Thị trường xấu hay tốt.
- + Khoảng cách đến thị trường xa hay gần.
- + Trình độ phát triển của giao thông vận tải.

Tốc độ chu chuyển của tư bản được tính theo công thức sau:

$$n = \frac{CH}{ch}$$

n : số vòng chu chuyển tư bản.

CH : thời gian trong năm (12 tháng).

ch: thời gian cho 1 vòng chu chuyển của tư bản.

VD: Một tư bản có t chu chuyển tư bản là 6 tháng, tốc độ chu chuyển trong năm là:

$$n = \frac{12}{6} = 2 \text{ vòng (1 năm quay 2 vòng).}$$

### **c. Tư bản cố định và tư bản lưu động**

- Khi tham gia vào quá trình chu chuyển của tư bản, thì các loại tư bản hoạt động không giống nhau, do đó căn cứ vào tính chất chu chuyển của từng loại tư bản, Mác đã chia thành: tư bản cố định và tư bản lưu động.

Tư bản cố định: là bộ phận chủ yếu của tư bản sản xuất (máy móc, thiết bị, nhà xưởng...v.v) tham gia vào toàn bộ quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó được chuyển dần từng phần vào giá trị sản phẩm.

Tư bản cố định được sử dụng lâu dài trong nhiều kỳ sản xuất và nó bị hao mòn dần trong quá trình sản xuất, có 2 loại hao mòn:

+ *Hao mòn hữu hình*: là hao mòn về vật chất và hao mòn về giá trị sử dụng, do quá trình sử dụng và sự tác động của tự nhiên làm cho các bộ phận của tư bản cố định dần hao mòn đi tới hỏng, phải thay thế.

+ *Hao mòn vô hình*: là hao mòn thuần túy vì mặt giá trị, nó xảy ra có khi máy móc còn tốt, nhưng bị mất giá vì xuất hiện các máy móc mới, hiện đại, công suất cao hơn mà giá cả vẫn như cũ, thậm chí thấp hơn.

Tư bản lưu động

Tư bản lưu động là bộ phận của tư bản sản xuất (nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và sức lao động...) được tiêu dùng hoàn toàn trong một chu kỳ sản xuất và giá trị của nó được chuyển toàn bộ vào sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Tư bản lưu động chu chuyển nhanh hơn tư bản cố định, việc tăng tốc độ chu chuyển của tư bản lưu động có ý nghĩa quan trọng vì:

+ Nó sẽ làm tăng lượng tư bản lưu động được sử dụng trong năm do đó sẽ tiết kiệm được tư bản ứng trước.

+ Tốc độ chu chuyển tư bản lưu động (bộ phận tư bản khả biến) làm cho tỷ suất giá trị thặng dư hàng năm tăng lên.

## **2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội**

### **a. Một số khái niệm cơ bản của tái sản xuất tư bản xã hội**

- *Tổng sản phẩm xã hội*

*Tổng sản phẩm xã hội là toàn bộ sản phẩm mà xã hội sản xuất ra một thời kỳ nhất định, thường là một năm.* Tổng sản phẩm xã hội được xét cả về hai mặt: giá trị và hiện vật.

Về mặt giá trị, tổng sản phẩm xã hội được cấu thành bởi ba bộ phận:

+ Phần thứ nhất là giá trị bù đắp cho tư bản bất biến (c), hay những giá trị tư liệu sản xuất đã tiêu hao trong sản xuất, bộ phận này được dùng để bù đắp các tư liệu sản xuất đã hao phí trong chu kỳ sản xuất.

+ Phần thứ hai là giá trị bù đắp cho tư bản khả biến (v), hay là giá trị của toàn bộ sức lao động xã hội đã tiêu hao. Khoản giá trị này ngang bằng với tổng số tiền công trả cho sức lao động tham gia vào quá trình sản xuất.

+ Phần thứ ba là giá trị của sản phẩm thặng dư (m). Khoản giá trị này do lao động thặng dư của xã hội tạo nên.

Giá trị của tư liệu sản xuất đã tiêu hao được gọi là "giá trị cũ chuyển dịch". Giá trị sức lao động và giá trị sản phẩm thặng dư được gọi là bộ phận "giá trị mới". Như vậy, giá trị của tổng sản phẩm xã hội cũng như giá trị của một hàng hoá được phân giải thành:  $c + v + m$ .

Về mặt hiện vật, tổng sản phẩm xã hội gồm có tư liệu sản xuất và tư liệu sản phẩm do hình thức tự nhiên của nó quyết định. Ví dụ: sắt, thép chỉ có thể dùng làm nguyên liệu cho sản xuất, bánh mì chỉ dùng để ăn. Như vậy, mỗi vật phẩm

đều được dùng hoặc để tiêu dùng cho sản xuất (các tư liệu sản xuất) hoặc cho các cá nhân (các tư liệu tiêu dùng). Có những vật phẩm vừa có thể tiêu dùng cho sản xuất và có thể tiêu dùng cho cá nhân, nhưng nhất định mỗi vật chỉ có thể dùng vào một trong hai mục đích đó.

- Hai khu vực của nền sản xuất xã hội

Xuất phát từ tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá, C.Mác coi hai mặt giá trị và hiện vật của tổng sản phẩm xã hội là hai tiền đề lý luận quan trọng để nghiên cứu tái sản xuất tư bản xã hội.

Nếu trong tái sản xuất ở các doanh nghiệp cá biệt, mặt giá trị có vai trò quan trọng thì trong tái sản xuất tư bản xã hội, với tư cách tổng hoà hành vi tái sản xuất của các doanh nghiệp cá biệt, mặt hiện vật của tổng sản phẩm xã hội lại có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Là hiện vật, tổng sản phẩm xã hội được C.Mác phân chia thành hai loại: tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, và do đó nền sản xuất xã hội được chia thành hai khu vực:

Khu vực I: Sản xuất tư liệu sản xuất

Khu vực II: Sản xuất tư liệu tiêu dùng.

Trên thực tế, ranh giới giữa khu vực I và II không phải lúc nào cũng rõ ràng, có thể một số ngành than vừa sản xuất để luyện thép vừa sản xuất để cho tiêu dùng hàng ngày của nhân dân; hay là ngành nông nghiệp, xét về mặt sản xuất ra lúa, gạo, thịt, sữa... trực tiếp phục vụ cho tiêu dùng của con người thì thuộc khu vực II, nhưng nếu xét về mặt sản xuất ra nguyên liệu, phục vụ cho công nghiệp chế biến, thì nói lại thuộc khu vực I.

- *Tư bản xã hội*: Tư bản xã hội là tổng hợp các tư bản cá biệt của xã hội vận động đan xen nhau, liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Tham gia vận động của tư bản xã hội có cả tư bản công nghiệp, tư bản thương nghiệp, tư bản ngân hàng... Nhưng ở đây nghiên cứu trừu tượng về tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội, nên C.Mác đã khẳng định tư bản công nghiệp vẫn là một thể thống nhất, chưa xét từng loại tư bản cụ thể.

- *Những giả định của Mác khi nghiên cứu tái sản xuất tư bản xã hội*

Khi nghiên cứu tái sản xuất tư bản xã hội, C.Mác đã nêu ra 5 giả định sau đây:

+ Toàn bộ nền kinh tế trong nước là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thuần túy,

nghĩa là mối quan hệ kinh tế trong xã hội chỉ gồm có mối quan hệ giữa nhà tư bản với công nhân.

+ Hàng hoá luôn được mua và bán theo đúng giá trị, giá cả phù hợp với giá trị.

+ Cấu tạo hữu cơ tư bản không đổi.

+ Toàn bộ tư bản cố định đều chuyển hết giá trị của nó vào sản phẩm trong một năm.

+ Không xét đến ngoại thương.

Những giả định đó chỉ nhằm mục đích đơn giản hoá việc tính toán, chứ không hề xuyên tạc bản chất của vấn đề nghiên cứu, vì vậy, đó là những giả định khoa học.

### ***b. Điều kiện thực hiện trong tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng tư bản xã hội***

- Điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn.

Trong tái sản xuất giản đơn, toàn bộ giá trị thặng dư được sử dụng hết cho tiêu dùng cá nhân của nhà tư bản. Vì vậy, để nghiên cứu điều kiện thực hiện tổng sản phẩm xã hội, quan hệ giữa tổng cung và tổng cầu về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng trong tái sản xuất giản đơn, C.Mác đưa ra mô hình sau:

*Khu vực I:*  $4000c + 1000v + 1000m = 6000$  (tư liệu sản xuất)

*Khu vực II:*  $2000c + 500v + 500m = 3000$  (tư liệu tiêu dùng)

Tổng sản phẩm xã hội là 9000.

Điều kiện cơ bản để thực hiện trong tái sản xuất giản đơn tư bản xã hội sẽ là:

$$I(v + m) = IIc$$

- Điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội trong tái sản xuất mở rộng

Muốn có tái sản xuất mở rộng phải biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản bất biến phụ thêm (c) và tư bản khả biến phụ thêm (v), nhưng các bộ phận giá trị phụ thêm đó phải tìm được những nguồn cung về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng phụ thêm dưới hình thái vật chất tương ứng với nhu cầu của nó. Muốn có thêm tư liệu sản xuất thì khu vực I phải cung ứng lượng tư liệu sản xuất nhiều hơn trong tái sản xuất giản đơn, để không những phụ thêm tư liệu sản xuất cho khu vực I mà cả cho khu vực II. Ngược lại, khu vực II cũng phải sản xuất ra lượng tư liệu tiêu dùng nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng thêm của cả

hai khu vực. Điều đó làm cơ cấu sản xuất xã hội có những thay đổi.

Do việc cung cấp tăng thêm số lượng tư liệu sản xuất có vai trò quyết định nhất đối với tái sản xuất mở rộng, nên C.Mác đã đưa ra mô hình của tái sản xuất mở rộng tư bản xã hội như sau:

*Khu vực I:*  $4000c + 1000v + 1000m = 6000$  (tư liệu sản xuất).

*Khu vực II:*  $1500c + 750v + 750m = 3000$  (tư liệu tiêu dùng).

Điều kiện cơ bản để thực hiện trong tái sản xuất mở rộng tư bản xã hội là:

$$I(v + m) > IIc$$

### ***c. Sự phát triển của V.I.Lênin đối với lý luận tái sản xuất tư bản xã hội của C.Mác***

V.I.Lênin đã áp dụng lý luận của C.Mác về tái sản xuất tư bản xã hội để nghiên cứu sự hình thành thị trường tư bản chủ nghĩa do kết quả trực tiếp của việc phát triển lực lượng sản xuất dưới tác động của tiến bộ kỹ thuật. V.I.Lênin đã chú ý đến sự tăng lên của cấu tạo hữu cơ tư bản. Trong cả hai khu vực, cấu tạo hữu cơ của tư bản đều tăng lên, nhưng cấu tạo hữu cơ khu vực I tăng nhanh hơn khu vực II. Căn cứ vào thực tế đó phân tích sự phát triển của tư bản xã hội trong nhiều năm, cuối cùng Lênin đã nêu lên một biểu so sánh về sự tăng lên của các bộ phận khác nhau của tổng sản phẩm xã hội và kết luận:

"Sản xuất tư liệu sản xuất để tạo ra tư liệu sản xuất nhanh nhất, sau đến sản xuất tư liệu sản xuất để tạo ra tư liệu tiêu dùng; và cuối cùng chậm nhất là sự phát triển của sản xuất tư liệu tiêu dùng". Đó cũng là nội dung của quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất. Quy luật này là quy luật kinh tế của tái sản xuất tư bản mở rộng trong điều kiện kỹ thuật ngày càng tiến bộ.

### **3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản**

#### ***a. Bản chất và nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản***

Nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa bắt nguồn từ chính mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Đó là mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hoá cao của lực lượng sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Mâu thuẫn này biểu hiện ra thành



các mâu thuẫn sau:

- Mâu thuẫn giữa tính tổ chức, tính kế hoạch trong từng xí nghiệp rất chặt chẽ và khoa học với khuynh hướng tự phát vô Chính phủ trong toàn xã hội.

- Mâu thuẫn giữa khuynh hướng tích lũy, mở rộng không có giới hạn của tư bản bản với sức mua ngày càng eo hẹp của quần chúng do bị bản cùng hoá.

- Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp tư bản và giai cấp lao động làm thuê.

Cuộc khủng hoảng kinh tế đầu tiên nổ ra vào năm 1825 ở nước Anh và cuộc khủng hoảng đầu tiên diễn ra trên quy mô thế giới nổ ra vào năm 1847.

### ***b. Tính chu kỳ của khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản***

Khủng hoảng kinh tế xuất hiện làm cho quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa tư bản mang tính chu kỳ. Trong giai đoạn tự do cạnh tranh của chủ nghĩa, tư bản, cứ khoảng từ 8 đến 12 năm nền kinh tế tư bản chủ nghĩa lại phải trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế. Chu kỳ kinh tế của chủ nghĩa tư bản là khoảng thời gian nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vận động từ đầu cuộc khủng hoảng này đến đầu cuộc khủng hoảng sau. Chu kỳ kinh tế gồm bốn giai đoạn: khủng hoảng, tiêu điều, phục hồi và hưng thịnh.

- *Khủng hoảng* là giai đoạn khởi điểm của chu kỳ kinh tế mới. Ở giai đoạn này, hàng hoá ế thừa, ứ đọng, giá cả giảm mạnh, sản xuất đình trệ, xí nghiệp đóng cửa, công nhân thất nghiệp hàng loạt, tiền công hạ xuống. Tư bản mất khả năng thanh toán các khoản nợ, phá sản, lực lượng sản xuất bị phá hoại nghiêm trọng. Đây là giai đoạn mà các mâu thuẫn biểu hiện dưới hình thức xung đột dữ dội.

- *Tiêu điều*: đặc điểm ở giai đoạn này là sản xuất ở trạng thái trì trệ, không còn tiếp tục đi xuống nhưng cũng không tăng lên, thương nghiệp vẫn đình đốn, hàng hoá được đem bán hạ giá, tư bản để rồi nhiều vì không có nơi đầu tư. Trong giai đoạn này để thoát khỏi tình trạng bế tắc, các nhà tư bản còn trụ lại được tìm cách giảm chi phí bằng cách hạ thấp tiền công, tăng cường độ và thời gian lao động của công nhân, đổi mới tăng cường độ và thời gian lao động của công nhân, đổi mới tư bản cố định làm cho sản xuất vẫn còn lợi trong tình hình hạ giá. Việc đổi mới tư bản cố định làm tăng nhu cầu về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng,

tạo điều kiện cho sự phục hồi chung của nền kinh tế.

- *Phục hồi*: là giai đoạn mà các xí nghiệp được khôi phục và mở rộng sản xuất. Công nhân lại được thu hút vào việc làm; mức sản xuất đạt đến quy mô cũ, vật giá tăng lên, lợi nhuận của tư bản do đó cũng tăng lên.

- *Hưng thịnh*: là giai đoạn sản xuất phát triển vượt quá điểm cao nhất mà chu kỳ trước đã đạt được. Nhu cầu và khả năng tiêu thụ hàng hoá tăng, xí nghiệp được mở rộng và xây dựng thêm. Nhu cầu tín dụng tăng, ngân hàng tung tiền cho vay, năng lực sản xuất lại vượt quá sức mua của xã hội. Do đó, lại tạo điều kiện cho một cuộc khủng hoảng kinh tế mới.

Khủng hoảng kinh tế không chỉ diễn ra trong công nghiệp mà trong cả nông nghiệp. Nhưng khủng hoảng trong nông nghiệp thường kéo dài hơn khủng hoảng trong công nghiệp. Sở dĩ như vậy là do chế độ độc quyền tư hữu về ruộng đất đã cản trở việc đổi mới tư bản cố định để thoát khỏi khủng hoảng. Mặt khác, trong nông nghiệp vẫn còn một bộ phận không nhỏ những người tiểu nông, điều kiện sống duy nhất của họ là tạo ra nông phẩm hàng hoá trên đất canh tác của mình, vì vậy họ phải duy trì sản xuất ngay cả trong thời kỳ khủng hoảng.

Trong chủ nghĩa tư bản hiện nay, khủng hoảng kinh tế vẫn không tránh khỏi, nhưng có sự can thiệp tích cực của Nhà nước tư sản vào quá trình kinh tế. Sự can thiệp này mặc dù không triệt tiêu được khủng hoảng và chu kỳ trong nền kinh tế nhưng đã làm cho tác động phá hoại của khủng hoảng bị hạn chế bớt.

## **VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư**

### **1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận**

#### ***a. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa***

- Giá trị hàng hoá bao gồm

$G = c + v + m$  đây là những chi phí lao động thực tế của xã hội để sản xuất ra hàng hoá.

- Đối với nhà tư bản họ chỉ cần chi phí một lượng tư bản để:

+ Mua sức lao động:  $v$

+ Mua tư liệu sản xuất:  $c$

Hai yếu tố này kết hợp với nhau tạo ra những quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa.



Về chất:  $m'$  là biểu hiện mức độ bóc lột của nhà tư bản đối với lao động,  $p'$  chỉ nói lên mức doanh lợi của việc đầu tư tư bản.

#### ***d. Những nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận***

- *Tỷ suất giá trị thặng dư*: Tỷ suất giá trị thặng dư càng cao thì tỷ suất lợi nhuận càng lớn và ngược lại.

- *Cấu tạo hữu cơ của tư bản*: Trong điều kiện tỷ suất giá trị thặng dư không đổi, nếu cấu tạo hữu cơ tư bản càng cao thì tỷ suất lợi nhuận càng giảm và ngược lại.

- *Tốc độ chu chuyển của tư bản*: Nếu tốc độ chu chuyển của tư bản càng lớn, thì tần suất sản sinh ra giá trị thặng dư trong năm của tư bản ứng trước càng nhiều lần, giá trị thặng dư theo đó mà tăng lên làm cho tỷ suất lợi nhuận cũng càng tăng.

- *Tiết kiệm tư bản bất biến*: Trong điều kiện tỷ suất giá trị thặng dư và tư bản khả biến không đổi, nếu tư bản bất biến càng nhỏ thì tỷ suất lợi nhuận càng lớn.

Vì theo công thức:

$$p' = \frac{m}{c+v} \times 100\%$$

Rõ ràng khi  $m$  và  $v$  không đổi, nếu  $c$  càng nhỏ thì  $p'$  càng lớn.

Bốn nhân tố trên đây đều được các nhà tư bản sử dụng khai thác một cách triệt để, để đạt được tỷ suất lợi nhuận cao nhất. Song, với những đặc điểm, điều kiện khác nhau, nên cùng một lượng tư bản như nhau đầu tư vào các ngành sản xuất khác nhau, thì tỷ suất lợi nhuận đạt được lại khác nhau. Vì vậy, các nhà tư bản ra sức cạnh tranh kịch liệt với nhau và dẫn tới việc hình thành lợi nhuận bình quân.

## **2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất**

### ***a. Cạnh tranh trong nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường***

Cạnh tranh xuất hiện và gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá. Cạnh tranh là sự ganh đua, sự đấu tranh gay gắt giữa những người sản xuất, kinh doanh hàng hoá nhằm giành giật những điều kiện có lợi về sản xuất và tiêu thụ hàng hoá, để thu lợi nhuận cao nhất.

Trong sản xuất tư bản chủ nghĩa, tồn tại hai loại cạnh tranh là: cạnh tranh trong nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành.

Cạnh tranh trong nội bộ ngành là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong cùng một ngành, cùng sản xuất ra một loại hàng hoá nhằm giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hoá có lợi hơn để thu lợi nhuận siêu ngạch.

Biện pháp cạnh tranh: các nhà tư bản thường xuyên cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá xí nghiệp sản xuất ra thấp hơn giá trị xã hội của hàng hoá đó để thu được lợi nhuận siêu ngạch.

Kết quả của cạnh tranh nội bộ ngành là hình thành nên giá trị xã hội (giá trị thị trường) của từng loại hàng hoá. Điều kiện sản xuất trung bình trong một ngành thay đổi do kỹ thuật sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên, giá trị xã hội (giá trị thị trường) của hàng hoá giảm xuống.

Chúng ta biết rằng, trong các đơn vị sản xuất khác nhau, do điều kiện sản xuất (điều kiện kỹ thuật, tổ chức sản xuất, trình độ tay nghề công nhân...) khác nhau, cho nên hàng hoá có giá trị cá biệt khác nhau, nhưng trên thị trường các hàng hoá phải bán theo giá trị xã hội - giá trị thị trường.

**b. Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân**

\* *Cạnh tranh giữa các ngành:*

- *Khái niệm:* là cạnh tranh giữa các xí nghiệp kinh doanh trong các ngành sản xuất khác nhau, nhằm mục đích tìm nơi đầu tư có lợi hơn.

- *Biện pháp:* tự do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác, tức là phân phối tư bản (c và v) vào các ngành sản xuất khác nhau.

- *Kết quả:* của cuộc cạnh tranh này hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, và giá cả hàng hóa chuyển thành giá trị sản xuất.

\* *Tỷ suất lợi nhuận bình quân:*

Chúng ta điều biết, ở các ngành sản xuất có những điều kiện tự nhiên, kinh tế, kỹ thuật và tổ chức quản lý khác nhau, nên tỷ suất lợi nhuận khác nhau.

Ví dụ:

	Chi phí sản xuất = 1000		Tỷ suất giá trị thặng	Giá trị hàn g	Khối lượng giá trị thặng	Tỷ suất lợi nhuận	Tỷ suất lợi nhu	Lợi nhu bình	Giá cả sản xuất
	c	v							

			dư m' (%)	hóa	dư M	p' (%)	ận bình quâ n p' (%)	quâ n $\bar{p}$	
C ơ kh í	90 0	100	100	110 0	100	10	20	200	1200
D ệt	80 0	200	100	120 0	200	20	20	200	1200
D a	70 0	300	100	130 0	300	30	20	200	1200
	= 3000				=600	=60 %			

Sự di chuyển tư bản giữa các ngành chỉ tạm dừng khi tỷ suất lợi nhuận ở tất cả các ngành đều tương tự như nhau, đó là tỷ suất lợi nhuận bình quân.

Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ số tính theo % giữa tổng giá trị thặng dư và tổng số tư bản xã hội đã đầu tư vào các ngành của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, ký hiệu là  $(\bar{P}')$ .

$$\bar{P}' = \frac{m}{(c+v)} \times 100\%$$

C.Mác viết: ... Những tỷ suất lợi nhuận hình thành trong những ngành sản xuất khác nhau, lúc đầu rất khác nhau. Do ảnh hưởng của cạnh tranh, những tỷ suất lợi nhuận khác nhau đó san bằng thành tỷ suất lợi nhuận chung, đó là con số trung bình của tất cả những tỷ suất lợi nhuận khác nhau.

Khi hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân thì lượng lợi nhuận của tư bản ở các ngành sản xuất khác nhau đều tính theo tỷ suất lợi nhuận bình quân và do đó, nếu lượng tư bản ứng ra bằng nhau, dù đầu tư vào ngành nào cũng đều thu được lợi nhuận bằng nhau, gọi là lợi nhuận bình quân.

Vậy, lợi nhuận bình quân là lượng lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau, đầu tư vào những ngành khác nhau, bất kể cấu tạo hữu cơ của tư bản như thế nào. Ký hiệu là  $\bar{p}$ .

$$\bar{P} = \bar{p}' \times k$$

Như vậy, trong giai đoạn cạnh tranh tự do của chủ nghĩa tư bản giá trị thặng dư biểu hiện thành lợi nhuận bình quân và quy luật giá trị thặng dư cũng biểu hiện thành quy luật lợi nhuận bình quân.

Sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân đã che giấu hơn nữa thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân ( $\bar{p}'$ ) và lợi nhuận bình quân ( $\bar{p}$ ) góp phần vào điều tiết nền kinh tế, chứ không làm chấm dứt quá trình cạnh tranh trong xã hội tư bản, trái lại cạnh tranh vẫn tiếp diễn.

### **3. Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất**

- **Khái niệm:** Giá sản xuất là giá cả tính bằng chi phí sản xuất cộng với lợi nhuận bình quân.

- **Công thức:** Giá cả sản xuất =  $K + \bar{p}$

- **Giá cả sản xuất có thể thay đổi theo ba trường hợp sau:**

+  $\bar{p}'$  thay đổi còn giá trị hàng hoá không đổi.

+  $\bar{p}'$  không đổi còn giá trị hàng hoá thay đổi.

+ Cả hai đều thay đổi,  $\bar{p}'$  và giá trị hàng hoá.

*Ý nghĩa:*

- Thấy được quan hệ cạnh tranh giữa các nhà tư bản với nhau, qua đó tiếp tục phát triển lý luận giá trị và lý luận m của Mác đi theo tiến trình từ trừu tượng đến cụ thể.

- Lý luận về lợi nhuận, lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất chỉ cho chúng ta thấy sự bóc lột của giai cấp tư sản với toàn bộ giai cấp công nhân làm thuê.

### **4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản**

#### **a. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp**

- **Khái niệm:** Tư bản thương nghiệp là tư bản hoạt động trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa.

- Nguồn gốc tư bản thương nghiệp: là tư bản chức năng, một bộ phận của tư bản công nghiệp được tách ra đảm nhiệm chức năng lưu thông hàng hoá cho tư bản công nghiệp.

- Vai trò:

+ Làm giảm lượng tư bản ứng vào lưu thông và chi phí lưu thông.

+ Làm cho người sản xuất tập trung vào sản xuất, giảm dự trữ sản xuất, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng giá trị thặng dư.

+ Rút ngắn thời gian lưu thông, tăng nhanh thời gian luân chuyển tư bản, nhờ đó tăng tỷ suất và khối lượng m hàng năm.

- Nguồn gốc lợi nhuận thương nghiệp: là một phần giá trị m được tạo ra trong quá trình sản xuất mà tư bản công nghiệp nhường cho tư bản thương nghiệp, để tư bản thương nghiệp bán hàng hoá cho mình.

- Kết luận: Lợi nhuận thương nghiệp cũng là một hình thức biến tướng của giá trị m, sự phân chia lợi nhuận giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp theo quy luật lợi nhuận bình quân.

### ***b. Tư bản cho vay và lợi tức cho vay***

- Khái niệm: *Tư bản cho vay là tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi, mà người chủ của nó cho nhà tư bản khác sử dụng trong thời gian nhất định để nhận số tiền lời nào đó (gọi là lợi tức).*

- Đặc điểm của tư bản cho vay:

+ Quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng.

+ Là một loại hàng hoá đặc biệt, vì người bán không mất quyền sở hữu, còn người mua chỉ được quyền sử dụng.

+ Là tư bản được sùng bái nhất, vì nó vận động theo công thức  $T - T'$ , trong đó  $T' = T + z$ . Nhìn vào công thức này, sự vận động của tư bản cho vay chỉ biểu hiện mối quan hệ giữa nhà tư bản cho vay và nhà tư bản đi vay. Do đó quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa được che giấu một cách kín đáo nhất; tư bản cho vay trở nên thần bí và được sùng bái nhất.

- *Lợi tức và tỷ suất lợi tức*

*Lợi tức:* Để làm rõ nguồn gốc và bản chất của lợi tức cần phải xem xét dòng lưu chuyển của đồng tiền từ nhà tư bản cho vay đến nhà tư bản đi vay và ngược lại.

Do có tư bản tiền tệ để rỗi nên nhà tư bản cho vay đã chuyển tiền của mình cho nhà tư bản đi vay sử dụng. Tiền nhàn rỗi khi vào tay nhà tư bản đi vay sẽ trở thành tư bản hoạt động. Trong quá trình vận động, tư bản hoạt động sẽ thu được lợi nhuận bình quân. Nhưng vì để có tư bản hoạt động, trước đó anh ta đã phải đi vay, nên nhà tư bản đi vay (tức tư bản hoạt động) không được hưởng toàn bộ lợi nhuận bình quân, mà trong số lợi nhuận bình quân có một phần được trích ra để



trả cho nhà tư bản cho vay dưới hình thức lợi tức. Phần còn lại của lợi nhuận bình quân chính là thu nhập của nhà tư bản đi vay (tư bản hoạt động) còn được gọi là lợi nhuận doanh nghiệp.

Như vậy, lợi tức ( $z$ ) chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho nhà tư bản đi vay sử dụng.

Nguồn gốc của lợi tức cũng chính là từ giá trị thặng dư do công nhân làm thuê sáng tạo ra từ trong lĩnh vực sản xuất. Vì vậy có thể khẳng định tư bản cho vay cũng gián tiếp bóc lột công nhân làm thuê thông qua nhà tư bản đi vay.

Vì là một phần của lợi nhuận bình quân, nên thông thường, giới hạn của lợi tức phải ở trong khoảng:

$$0 < z < \bar{p}$$

*Tỷ suất lợi tức:* Tỷ suất lợi tức là tỷ lệ tính theo phần trăm giữa tổng số lợi tức và số tư bản tiền tệ cho vay (thường tính theo tháng, quý, năm ...).

Nếu ký hiệu tỷ suất lợi tức là  $z'$  ta có:

$$z' = \frac{Z}{\text{Tổng tư bản cho vay}} \times 100\%$$

Từ giới hạn của lợi tức, có thể suy ra giới hạn của tỷ suất lợi tức cũng phải ở trong khoảng:  $0 < z' < \bar{p}$

Thông thường, tỷ suất lợi tức phải nhỏ hơn tỷ suất lợi nhuận bình quân (trừ trường hợp khủng hoảng) và phải lớn hơn số 0. Trong giới hạn đó tỷ suất lợi tức lên xuống theo quan hệ cung cầu về tư bản cho vay và biến động theo chu kỳ vận động của tư bản công nghiệp. Cụ thể là tỷ suất lợi tức phụ thuộc vào các nhân tố sau đây:

*Một là, tỷ suất lợi nhuận bình quân.*

*Hai là, tỷ lệ phân chia lợi nhuận bình quân thành lợi tức và lợi nhuận của nhà tư bản hoạt động.*

*Ba là, quan hệ cung cầu về tư bản cho vay.*

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản tỷ suất lợi tức có xu hướng giảm vì tỷ

suất lợi nhuận có xu hướng giảm và cung về tư bản cho vay có xu hướng tăng nhanh hơn cầu về tư bản cho vay.

***c. Quan hệ tín dụng tư bản chủ nghĩa. Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng***

*- Quan hệ tín dụng tư bản chủ nghĩa*

Chủ nghĩa tư bản không thể phát triển mạnh mẽ nếu như không có quan hệ tín dụng ngày càng mở rộng. Tín dụng tư bản chủ nghĩa là hình thức vận động của tư bản cho vay. Dưới chủ nghĩa tư bản có 2 hình thức tín dụng cơ bản là tín dụng thương nghiệp và tín dụng ngân hàng.

*Tín dụng thương nghiệp:* là hình thức tín dụng giữa các nhà tư bản trực tiếp kinh doanh, mua bán chịu hàng hóa với nhau.

Việc mua bán chịu hàng hóa giữa các nhà tư bản có nghĩa là nhà tư bản này đã cho nhà tư bản kia vay một giá trị tư bản tương ứng với giá trị chứa đựng trong hàng hóa đó. Bởi vậy, người cho vay đòi hỏi phải được trả lợi tức. Giá hàng hóa bán chịu bao giờ cũng cao hơn giá hàng hóa trả tiền ngay bởi vì còn bao gồm cả phần lợi tức trong đó. Tuy nhiên, mục đích chủ yếu của tín dụng thương nghiệp lại không phải là để thu lợi tức, mà là để thực hiện giá trị hàng hóa và thúc đẩy lưu thông hàng hóa.

Sự vận động của tín dụng thương nghiệp gắn liền với sự vận động của tư bản hàng hóa, vì đối tượng của tín dụng thương nghiệp là hàng hóa.

*Tín dụng ngân hàng:* là quan hệ vay mượn thông qua ngân hàng làm môi giới. Đây là hình thức tín dụng giữa ngân hàng với các nhà tư bản trực tiếp kinh doanh và các tầng lớp dân cư khác trong xã hội.

Sự vận động của tín dụng ngân hàng gắn liền với sự vận động của tư bản tiền tệ, vì đối tượng của tín dụng ngân hàng là tiền tệ.

*- Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng*

Ngân hàng tư bản chủ nghĩa là tổ chức kinh doanh tư bản tiền tệ, làm môi giới giữa người đi vay và người cho vay.

Ngân hàng có 2 nghiệp vụ: nhận gửi và cho vay.

Trong nghiệp vụ nhận gửi, ngân hàng trả lợi tức cho người gửi tiền; còn trong nghiệp vụ cho vay, ngân hàng thu lợi tức của người đi vay. Về nguyên tắc lợi tức cho vay phải cao hơn lợi tức nhận gửi.

Chênh lệch giữa lợi tức cho vay và lợi tức nhận gửi sau khi trừ đi những chi phí về nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng cộng với các thu nhập khác về kinh doanh tư bản tiền tệ hình thành nên lợi nhuận ngân hàng.

Trong cạnh tranh, rốt cuộc lợi nhuận ngân hàng cũng ngang bằng với lợi nhuận bình quân, nếu không sẽ lại diễn ra sự tự do di chuyển tư bản vào các ngành khác nhau.

Nhờ có ngân hàng mà các nhà tư bản có điều kiện mở rộng sản xuất nhanh chóng hơn, có điều kiện tự do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác dễ dàng hơn, giảm được chi phí lưu thông, giảm lượng tiền mặt trong lưu thông, đẩy nhanh tốc độ quay vòng của đồng tiền.

*- Phân biệt tư bản ngân hàng với tư bản cho vay*

Tư bản ngân hàng có điểm khác biệt về căn bản so với tư bản cho vay, thể hiện ở điểm sau đây.

+ Tư bản cho vay là tư bản tiềm thế, tư bản tài sản, là tư bản không hoạt động. Vì vậy tư bản cho vay không tham gia vào quá trình bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận. Lợi tức – thu nhập của tư bản cho vay chỉ là một phần của lợi nhuận bình quân.

+ Tư bản ngân hàng là tư bản chức năng, tư bản hoạt động nên tư bản ngân hàng cũng có tham gia vào quá trình bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận. Trong tự do cạnh tranh, lợi nhuận ngân hàng cũng ngang bằng lợi nhuận bình quân.

#### ***d. Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán***

*Công ty cổ phần*

- Khái niệm: Công ty cổ phần là loại xí nghiệp mà vốn của nó được hình thành từ sự đóng góp của nhiều người thông qua việc phát hành cổ phiếu.

- Cổ phiếu: Là một loại chứng khoán có giá, đảm bảo cho người sở hữu nó được quyền nhận một phần thu nhập của công ty dưới hình thức: lợi tức cổ phiếu (cổ tức).

Lợi tức cổ phiếu:

+ Phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Nó có nhiều loại: Cổ phiếu thường, cổ phiếu đặc quyền, cổ phiếu ghi tên người mua, cổ phiếu không ghi tên người mua.

- Thị giá cổ phiếu: Là giá cả cổ phiếu được mua bán trên thị trường, phụ thuộc vào lợi tức cổ phiếu và tỷ suất lợi tức tiền gửi ngân hàng.

Lợi tức cổ phiếu

Công thức: Thị giá cổ phiếu = \_\_\_\_\_

Tỷ suất lợi tức ngân hàng

- Cổ đông: Là những người mua cổ phiếu.

Về mặt tổ chức và quản lý đại hội, cổ đông là cơ quan tối cao bầu ra:

+ Hội đồng quản trị.

+ Quyết định phương hướng kinh doanh của công ty.

+ Quyết định đến các việc khác quan trọng của công ty.

Dưới chủ nghĩa tư bản: Người nắm cổ phiếu đáng kể sẽ khống chế và thao túng toàn bộ công ty.

- Trái phiếu: là hình thức vay tiền do công ty hoặc ngân hàng phát hành.

Tư bản giả : là tư bản tồn tại dưới hình thức chứng khoán có giá, nó mang lại thu nhập cho người chủ sở hữu nó.

- Tư bản giả có hai loại: + Cổ phiếu : công ty cổ phần.

+ Trái phiếu: : công ty cổ phần.

: Ngân hàng.

: Nhà nước.

- Tư bản giả có đặc điểm sau:

+ Có thể mang lại thu nhập cho người sở hữu nó.

+ Có thể mua bán được.

+ Bản thân tư bản giả không có giá trị.

Thị trường chứng khoán

- Thị trường chứng khoán: là thị trường mua bán các loại chứng khoán có giá, bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu, công trái, kỳ phiếu, tín phiếu, văn tự cầm cố.

- Thị trường chứng khoán có đặc điểm là thị trường rất nhạy cảm với các biến động về: kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự ..v.v...

- Thị trường chứng khoán có vai trò thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng, giá cả chứng khoán biểu hiện sự phát triển hay sa sút của nền kinh tế.

### ***e. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa***

#### *Sự hình thành tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp*

- Trong nông nghiệp quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành theo 2 con đường:

+ *Một là*: Thông qua cải cách dần dần chuyển kinh tế địa chủ phong kiến sang kinh doanh theo phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, như: (Đức, Ý, Nga, Nhật).

+ *Hai là*: Thông qua cách mạng dân chủ tư sản, xoá bỏ kinh tế địa chủ phong kiến, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa (Pháp).

- Quan hệ xã hội đối với ruộng đất trong chủ nghĩa tư bản bao gồm ba giai cấp:

+ Địa chủ (độc quyền sở hữu ruộng đất).

+ Tư bản kinh doanh nông nghiệp (độc quyền kinh doanh nông nghiệp).

+ Giai cấp công nhân nông nghiệp.

#### *Bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa*

Là bộ phận lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân của tư bản đầu tư trong nông nghiệp, do công nhân nông nghiệp tạo ra mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho địa chủ với tư cách là kẻ sở hữu ruộng đất.

#### *Các hình thức địa tô tư bản chủ nghĩa*

- *Địa tô chênh lệch*: là phần lợi nhuận siêu ngạch, ngoài lợi nhuận bình quân thu được trên những ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi hơn. Nó là số chênh lệch giữa giá cả sản xuất chung, được quyết định bởi điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất và giá cả sản xuất cá biệt trên ruộng đất tốt và trung bình.

Địa tô chênh lệch có hai loại:

+ *Địa tô chênh lệch I*: là địa tô thu được trên những ruộng đất tốt trung bình hoặc ở vị trí thuận lợi.

+ *Địa tô chênh lệch II*: là loại địa tô thu được do thâm canh mà có.

- *Địa tô tuyệt đối*: là số lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân mà bất cứ nhà tư bản nào thuê đất đều phải nộp cho địa chủ.

- *Địa tô độc quyền*: là hình thức đặc biệt của địa tô tư bản chủ nghĩa, nó có thể tồn tại trong: Nông nghiệp, công nghiệp khai thác và các khu đất thành phố.

#### *Giá cả ruộng đất*

Ruộng đất trong xã hội tư bản không chỉ cho thuê mà còn được bán. Giá cả ruộng đất là một phạm trù kinh tế bất hợp lý, nhưng nó ẩn dấu một quan hệ kinh

tế hiện thực. Giá cả ruộng đất là hình thức địa tô tư bản hoá. Bởi ruộng đất đem lại địa tô, tức là đem lại một thu nhập ổn định bằng tiền nên nó được xem như một loại tư bản đặc biệt. Còn địa tô chính là lợi tức của tư bản đó. Do vậy giá cả ruộng đất chỉ là giá mua địa tô do ruộng đất mang lại theo tỷ suất lợi tức hiện hành. Nó tỷ lệ thuận với địa tô và tỷ lệ nghịch với tỷ suất lợi tức tư bản gửi vào ngân hàng.

Ví dụ: Một mảnh đất hàng năm đem lại một địa tô là 200 đô la, tỷ suất lợi tức tiền gửi ngân hàng là 5%, thì giá cả mảnh đất là:

$$\frac{200 \times 100}{5} = 4000 \text{ đô la}$$

Vì với số tiền 4000 đô la đó đem gửi ngân hàng với lãi suất 5%/năm cũng thu được một lợi tức 200 đô la ngang bằng địa tô thu được khi cho thuê ruộng đất.

*Lý luận địa tô tư bản chủ nghĩa của C. Mác không chỉ vạch rõ bản chất của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp mà còn là cơ sở khoa học để xây dựng các chính sách thuế đối với nông nghiệp và các ngành khác có liên quan đến đất đai có hiệu quả hơn.*

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản ?
2. Bản chất của giá trị thặng dư ?
3. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản ?
4. Quá trình lưu thông tư bản và khủng hoảng kinh tế ?
5. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư ?

## **Chương VI : HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

Tiếp theo giai đoạn cạnh tranh tự do, chủ nghĩa tư bản phát triển lên giai đoạn cao hơn là giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền và sau đó là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Thực chất, đây là những nấc thang mới trong quá trình phát triển và điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất để thích ứng với những biến động mới trong tình hình kinh tế và chính trị thế giới từ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đến nay. Vì vậy, trong chương này, *yêu cầu*: Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau:

- Chủ nghĩa tư bản độc quyền
- Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
- Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

### **2. Quy định hình thức học cho mỗi nội dung nhỏ**

<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức học</b>
<b>Chương VI: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</b>	Giáo viên giảng
<b>I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền</b>	
1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do sang độc quyền	Giáo viên giảng
2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền	Giáo viên giảng
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền	Giáo viên giảng
<b>II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</b>	Giáo viên giảng

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	Giáo viên giảng
2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	Giáo viên giảng
<b>III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại</b>	Giáo viên giảng
1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất	Giáo viên giảng
2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức	
3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp	Giáo viên giảng
4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn	
5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường	
6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế	Giáo viên giảng
7. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường	
<b>IV. Vai trò , hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản</b>	SV tự nghiên cứu
1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội	
2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản	
3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	SV tự nghiên cứu

## Nội dung giảng

### I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền



# 1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do sang độc quyền

## a. Nguyên nhân

Chủ nghĩa tư bản độc quyền là: giai đoạn phát triển cao của Chủ nghĩa tư bản, nó xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền được ra đời do: “Tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này khi phát triển đến một mức độ lại dẫn tới độc quyền”.

Quá trình mang tính chất quy luật nói trên diễn ra do các nguyên nhân chủ yếu sau, hay nói cách khác, sự hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- *Một là:* Sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác dụng của tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, làm xuất hiện những ngành sản xuất mới. Ngay từ đầu nó đã là những ngành có trình độ tích tụ cao, đó là những xí nghiệp lớn, đòi hỏi những hình thức kinh tế tổ chức mới.

- *Hai là:* Cạnh tranh tự do tác động mạnh đến tích tụ và tập trung tư bản, một mặt buộc các nhà tư bản phải cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô tích lũy. Mặt khác đã dẫn đến nhiều doanh nghiệp nhỏ, trình độ kỹ thuật kém, hoặc bị các đối thủ mạnh hơn thôn tính, hoặc phải liên kết với nhau để đứng vững trong cạnh tranh, vì vậy xuất hiện một số các xí nghiệp tư bản lớn nắm địa vị thống trị một ngành hay một số ngành sản xuất công nghiệp.

- *Ba là :* Khủng hoảng kinh tế dẫn đến nhiều xí nghiệp nhỏ và vừa bị phá sản, một số sống sót phải đổi mới kỹ thuật để thoát khỏi khủng hoảng, do đó thúc đẩy quá trình tập trung sản xuất.

- *Bốn là :* Tín dụng tư bản phát triển rộng rãi, tạo thành đòn bẩy mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình tập trung sản xuất. Tác động này đưa đến sự ra đời của các công ty cổ phần, tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức độc quyền.

- *Năm là:* Những xí nghiệp và công ty lớn có tiềm lực kinh tế mạnh tiếp tục cạnh tranh với nhau ngày càng khốc liệt khó phân thắng bại, vì thế nảy sinh xu hướng thoả hiệp, từ đó hình thành các tổ chức độc quyền.

## b. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền

Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời từ cạnh tranh, độc quyền loại bỏ sự thống trị cạnh tranh, nhưng độc quyền không thủ tiêu được cạnh tranh, mà ngược lại càng làm cho cạnh tranh gay gắt. Chủ nghĩa tư bản vẫn dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Nhưng khác với giai đoạn

trước, giai đoạn này các doanh nghiệp độc quyền, những doanh nghiệp do tập thể các nhà tư bản đầu tư, thống trị. Với sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản càng thêm sâu sắc.

## 2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

### a. Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền

+ Sự tích tụ và tập trung sản xuất cao dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền

*Đây là đặc trưng kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc.*

+ Khái niệm tổ chức độc quyền: Là liên minh giữa những nhà tư bản để tập trung vào trong tay một phần lớn “thậm chí toàn bộ” sản phẩm của một ngành, cho phép liên minh này phát huy ảnh hưởng quyết định đến quá trình sản xuất và lưu thông của ngành đó.

+ Những liên minh độc quyền: Liên kết ngang; liên kết dọc

*Liên kết ngang:* Là sự liên kết những doanh nghiệp trong cùng ngành dưới những hình thức: Cácten, Xanhdica, Tờrốt.

*Cácten:* Liên minh xí nghiệp. Thoả thuận về giá cả, quy mô, sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán, còn sản xuất và thương nghiệp do mỗi xí nghiệp đảm nhiệm.

*Xanhdica:* Mua và bán đều do một ban quản trị đảm nhiệm.  
còn sản xuất là công việc độc lập của mỗi xí nghiệp.

*Tờ rốt:* Thống nhất cả việc sản xuất và thương nghiệp vào ban quản trị chung, các xí nghiệp trở thành các cổ đông.

*Liên kết dọc:* Là sự liên kết không chỉ những xí nghiệp lớn mà cả những: Xanhdica, Tờrốt => Thuộc các ngành khác nhau nhưng có liên quan với nhau về kinh tế và kỹ thuật => Hình thành nên các Congxoocxiom.

Giữa thế kỷ XX phát triển một kiểu liên kết mới – liên kết đa ngành. Hình thành lên các: Côn-glô-mi-rát, conson... Thâu tóm nhiều công ty, xí nghiệp thuộc các ngành khác nhau, đồng thời bao hàm cả vận tải, thương nghiệp, ngân hàng và các dịch vụ khác nhau.

Nhờ nắm được địa vị thống trị trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông mà các tổ chức độc quyền có khả năng định ra giá cả độc quyền.

- *Giá cả độc quyền:* Là giá cả hàng hoá có sự chênh lệch rất lớn so với giá sản xuất. Họ định ra giá cả độc quyền cao hơn giá sản xuất đối với những hàng hoá mà họ bán ra và giá cả độc quyền thấp dưới giá sản xuất đối với những hàng

hoá mà họ mua vào, trước hết là nguyên liệu, qua đó thu được lợi nhuận độc quyền.

### ***b. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính***

+ Tích tụ và tập trung tư bản trong ngân hàng dẫn đến sự hình thành các tổ chức độc quyền trong ngân hàng. Từ chỗ làm trung gian trong việc thanh toán, tín dụng, nay do nắm được phần lớn tư bản tiền tệ trong xã hội, ngân hàng đã trở thành người có quyền lực vận hành chi phối các hoạt động kinh tế – xã hội.

+ Các tổ chức độc quyền ngân hàng cho các tổ chức độc quyền công nghiệp vay và nhận gửi nhiều số tiền lớn trong thời gian dài nên chúng có lợi ích xoắn xít và quyền chặt với nhau, chúng tìm cách quan tâm và thâm nhập vào nhau, hình thành một loại tư bản mới gọi là tư bản tài chính.

Tư bản tài chính: là sự thâm nhập và dung hợp vào nhau giữa tư bản độc quyền trong ngân hàng và tư bản độc quyền trong công nghiệp.

Bọn đầu sỏ tài chính: là sự thống trị của tư bản tài chính vào trong lĩnh vực sản xuất.

### ***c. Xuất khẩu tư bản***

- Nguyên nhân: Các nước tư bản công nghiệp phát triển đã tích lũy được một khối lượng tư bản lớn và nảy sinh tình trạng “thừa tư bản”.

- Xuất khẩu tư bản được thực hiện dưới hai hình thức chủ yếu: xuất khẩu tư bản hoạt động (đầu tư trực tiếp) và xuất khẩu tư bản cho vay (đầu tư gián tiếp).

+ Xuất khẩu tư bản hoạt động (đầu tư trực tiếp) là hình thức xuất khẩu tư bản để xây dựng những xí nghiệp mới hoặc mua lại những xí nghiệp đang hoạt động ở nước nhận đầu tư, biến nó thành một chi nhánh của công ty mẹ ở chính quốc. Các xí nghiệp mới hình thành thường tồn tại dưới dạng hỗn hợp song phương hoặc đa phương, nhưng cũng có những xí nghiệp toàn bộ vốn của công ty nước ngoài.

+ Xuất khẩu tư bản cho vay (đầu tư gián tiếp) là hình thức xuất khẩu tư bản được thực hiện dưới hình thức cho chính phủ, thành phố, hay một ngân hàng ở nước ngoài vay tư bản tiền tệ có thu lãi.

- Thực hiện các hình thức xuất khẩu tư bản trên, xét về chủ sở hữu tư bản, có thể phân tích thành xuất khẩu tư bản tư nhân và xuất khẩu tư bản nhà nước.

+ Xuất khẩu tư bản nhà nước là nhà nước tư bản độc quyền dùng nguồn vốn từ ngân quỹ của mình để đầu tư vào nước nhập khẩu tư bản; hoặc viện trợ có hoàn lại hay không hoàn lại để thực hiện những mục tiêu về kinh tế, chính trị và quân sự.

Về kinh tế, xuất khẩu tư bản nhà nước thường hướng vào các ngành thuộc kết cấu hạ tầng để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư của tư bản tư nhân. Nhà nước tư bản viện trợ không hoàn lại cho nước nhập khẩu tư bản để ký được những hiệp định thương mại và đầu tư có lợi...

Về chính trị, viện trợ của nhà nước tư bản thường nhằm duy trì và bảo vệ chế độ chính trị "thân cận" đã bị lung lay ở các nước nhập khẩu tư bản, tăng cường sự phụ thuộc của các nước đó vào các nước đế quốc, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, tạo điều kiện cho tư nhân xuất khẩu tư bản.

Về quân sự, viện trợ của tư bản nhà nước nhằm lôi kéo các nước phụ thuộc vào khối quân sự hoặc buộc các nước nhận viện trợ phải cho các nước xuất khẩu lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình...

+ Xuất khẩu tư bản tư nhân là hình thức xuất khẩu tư bản tư nhân thực hiện. Hình thức này có đặc điểm cơ bản là nó thường được đầu tư vào những ngành kinh tế có vòng quay tư bản ngắn và thu được lợi nhuận độc quyền cao, dưới hình thức các hoạt động cấm nhánh của các công ty xuyên quốc gia.

Việc xuất khẩu tư bản là sự mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị, bóc lột, nô dịch của tư bản tài chính trên phạm vi toàn thế giới.

#### ***d. Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền***

Quá trình tích tụ và tập trung tư bản phát triển, việc xuất khẩu tư bản tăng lên cả về quy mô và phạm vi tất yếu dẫn tới sự phân chia thế giới về mặt kinh tế giữa các tập đoàn tư bản độc quyền và hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế.

Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản đã chứng tỏ thị trường trong nước luôn luôn gắn với thị trường ngoài nước. Đặc biệt trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, thị trường ngoài nước còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các nước đế quốc. Một mặt, do lực lượng sản xuất phát triển cao đòi hỏi ngày

càng phải có nhiều nguồn nguyên liệu và nơi tiêu thụ; mặt khác, do thèm khát lợi nhuận siêu ngạch thúc đẩy tư bản độc quyền tăng cường bành trướng ra nước ngoài, cần có thị trường ổn định thường xuyên V.I. Lênin nhận xét: "Bọn tư bản chia nhau thế giới, không phải do tính độc ác đặc biệt của chúng, mà do sự tập trung đã tới mức độ buộc chúng phải đi vào con đường ấy để kiếm lời".

Sử dụng độ trên trường quốc tế giữa các tổ chức độc quyền quốc gia có sức mạnh kinh tế hùng hậu lại được sự ủng hộ của nhà nước "của mình" và các cuộc cạnh tranh khốc liệt giữa chúng tất yếu dẫn đến xu hướng thoả hiệp, ký kết các hiệp định, để củng cố địa vị độc quyền của chúng trong những lĩnh vực và những thị trường nhất định. Từ đó hình thành các liên minh độc quyền quốc tế dưới dạng cácten, xanhdica, tởrớt quốc tế...

#### ***e. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc***

Sự phân chia thế giới về kinh tế được củng cố và tăng cường bằng việc phân chia thế giới về lãnh thổ. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: "chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay gắt và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới càng ráo riết, thì cuộc đấu tranh để chiếm thuộc địa càng quyết liệt hơn".

Các cường quốc đế quốc ra sức xâm chiếm thuộc địa, bởi vì thuộc địa là nơi bảo đảm nguồn nguyên liệu và thị trường thường xuyên, là nơi tương đối an toàn trong cạnh tranh, bảo đảm thực hiện đồng thời những mục đích về kinh tế, quân sự và chính trị. Từ sau năm 1880, những cuộc xâm chiếm thuộc địa bắt đầu phát triển mạnh. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nước đế quốc đã hoàn thành việc phân chia lãnh thổ thế giới. Đế Quốc Anh chiếm được nhiều thuộc địa nhất, sau đó đến Nga (Nga Hoàng) và Pháp. Số dân thuộc địa của Pháp lại nhiều hơn số dân thuộc địa của ba nước Đức, Mỹ, Nhật cộng lại.

Sự phân chia lãnh thổ và phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản tất yếu dẫn đến cuộc đấu tranh đòi chia lại thế giới. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến các cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 – 1918. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai 1939 -1945 cũng là do nguyên nhân này.

V.I. Lênin viết: "Khi nói đến chính sách thực dân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, thì cần chú ý rằng tư bản tài chính và chính sách quốc tế thích ứng với nó... đã tạo nên hàng loạt hình thức lệ thuộc có tính chất quá độ của các nước. Tiêu biểu cho thời đại đó, không những chỉ có hai loại nước chủ yếu: những nước chiếm thuộc địa và những thuộc địa, mà còn có nhiều nước phụ thuộc với những hình thức khác nhau, nhưng nước này trên hình thức thì được độc lập về chính trị, nhưng thực tế lại mắc vào cái lưới phụ thuộc về tài chính và ngoại giao".

Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc có liên quan chặt chẽ với nhau, nói lên bản chất của chủ nghĩa đế quốc về mặt kinh tế là sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền, về mặt chính trị là hiếu chiến, xâm lược.

#### Kết luận:

*Chủ nghĩa đế quốc* về mặt kinh tế là sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền, về mặt chính trị là sự xâm lược nước ngoài, là hệ thống thuộc địa nảy sinh từ yêu cầu kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền.

#### *Đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc*

+ Sự tập trung sản xuất và tư bản đạt tới một sự phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có vai trò quyết định trong hoạt động kinh tế.

+ Sự dung hợp giữa tư bản độc quyền ngân hàng với tư bản độc quyền công nghiệp làm xuất hiện "tư bản tài chính" và bọn trùm sỏ tài chính.

+ Việc xuất khẩu tư bản khác với việc xuất khẩu hàng hoá, mang một ý nghĩa quan trọng.

+ Sự hình thành các liên minh độc quyền quốc tế và bọn tư bản chia nhau thị trường thế giới.

+ Các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn chia nhau đất đai trên thế giới và những xung đột đòi chia lại giữa các thế lực tư bản độc quyền.

### **3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền**

#### ***a. Quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền***

Độc quyền sinh ra từ cạnh tranh tự do, độc quyền đối lập với cạnh tranh tự do. Nhưng sự xuất hiện của độc quyền không thủ tiêu được cạnh tranh, trái lại

với nó còn làm cho cạnh tranh trở nên đa dạng, gay gắt và có sức phá hoại to lớn hơn.

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, không chỉ tồn tại sự cạnh tranh giữa những người sản xuất nhỏ, giữa những nhà tư bản vừa và nhỏ như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, mà còn có thêm các loại cạnh tranh sau:

*Một là:* cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với các xí nghiệp ngoài độc quyền. Các tổ chức độc quyền tìm mọi cách chèn ép, chi phối, thôn tính các xí nghiệp ngoài độc quyền bằng nhiều biện pháp như: độc chiếm nguồn nguyên liệu, nguồn nhân công, phương tiện vận tải, tín dụng, hạ giá có hệ thống... để đánh bại đối thủ.

*Hai là:* cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với nhau. Loại cạnh tranh này có nhiều hình thức: cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền trong một ngành, kết thúc bằng một sự thoả hiệp hoặc bằng sự phá sản của một bên; cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền khác ngành có liên quan với nhau về nguồn nguyên liệu, kỹ thuật...

*Ba là:* cạnh tranh trong nội bộ các tổ chức độc quyền. Những nhà tư bản tham gia các-ten, xanh-đi-ca cạnh tranh với nhau để giành thị trường tiêu thụ có lợi hoặc giành tỷ lệ sản xuất cao hơn. Các thành viên của tờ-rốt và công-xoóc-xi-om cạnh tranh với nhau để chiếm cổ phiếu khống chế, từ đó chiếm địa vị lãnh đạo và phân chia lợi nhuận có lợi hơn.

***b. Biểu hiện hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền***

Các tổ chức độc quyền hình thành do chính sự vận động nội tại của chủ nghĩa tư bản sinh ra. Độc quyền là biểu hiện mới, mang những quan hệ mới nhưng nó không vượt ra khỏi các quy luật của chủ nghĩa tư bản, mà chỉ là sự tiếp tục mở rộng, phát triển những xu thế sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản và của nền sản xuất hàng hoá nói chung, làm cho các quy luật kinh tế của nền sản xuất hàng hoá và của chủ nghĩa tư bản có những biểu hiện mới.

- Do chiếm được vị trí độc quyền nên các tổ chức độc quyền đã áp đặt giá cả độc quyền; giá cả độc quyền thấp khi mua, giá cả độc quyền cao khi bán. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền quy luật giá trị không còn hoạt động. Về thực chất, giá cả độc quyền vẫn không thoát ly và không phủ định cơ sở của nó là giá trị. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền chẳng qua là chiếm đoạt một phần giá trị và giá trị thặng dư của những người khác. Nếu xem xét trong toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thì tổng số giá cả vẫn bằng tổng số giá trị. Như vậy, nếu như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất, thì trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền.

- Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân. Bước sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, các tổ chức độc quyền thao túng nền kinh tế bằng giá cả độc quyền và thu được lợi nhuận độc quyền cao. Do đó quy luật lợi nhuận độc quyền cao là hình thức biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Nguồn gốc của lợi nhuận độc quyền cao là lao động không công của công nhân ở các xí nghiệp độc quyền; một phần lao động không công của nhân công ở các xí nghiệp không độc quyền; một phần giá trị thặng dư của các nhà tư bản vừa và nhỏ bị mất đi do thua thiệt trong cuộc cạnh tranh; lao động thặng dư và đôi khi cả một phần lao động tất yếu của những người sản xuất nhỏ, nhân dân lao động ở các nước tư bản và các nước thuộc địa, phụ thuộc.

Như vậy, trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành quy luật lợi nhuận độc quyền cao. Quy luật này phản ánh quan hệ thống trị và bóc lột của tư bản độc quyền trong tất cả các ngành kinh tế của xã hội tư bản và trên toàn thế giới.

## **II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**



## **1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

### ***a. Nguyên nhân***

Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước bắt nguồn từ những mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá và trình độ cao của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, được thể hiện ở chỗ.

+ *Một là*: Tích tụ tư bản và tập trung tư bản càng lớn thì tích tụ sản xuất và tập trung sản xuất càng cao, do đó đẻ ra những cơ cấu kinh tế lớn đòi hỏi sự điều tiết xã hội đối với sản xuất và phân phối từ một trung tâm. Nói cách khác, lực lượng sản xuất ngày càng được xã hội hóa dẫn đến điều kiện khách quan là nhà nước cần phải đại diện cho toàn xã hội để quản lý sản xuất. Hơn nữa, lực lượng sản xuất xã hội hoá ngày càng cao, mâu thuẫn gay gắt với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, tất yếu đòi hỏi phải có hình thức mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa để lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển trong điều kiện còn sự thống trị của tư bản chủ nghĩa.

+ *Hai là*: Sự phát triển của phân công lao động xã hội đã làm xuất hiện một số ngành mà các tổ chức độc quyền tư bản tư nhân không thể hoặc không môn kinh doanh vì đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm và ít lợi nhuận. Do đó nhà nước tư sản phải đảm nhiệm kinh doanh những ngành như: Giao thông vận tải, nghiên cứu khoa học v.v... Qua đó nhà nước tư sản tạo điều kiện cho các tổ chức độc quyền tư nhân kinh doanh các ngành khác có lợi hơn.

+ *Ba là*: Sự thống trị của độc quyền đã làm sâu sắc thêm sự đối kháng giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Nhà nước phải có những chính sách để xoa dịu những mâu thuẫn đó như: Trợ cấp thất nghiệp, điều tiết thu nhập quốc dân, phát triển phúc lợi xã hội.v.v...

+ *Bốn là*: Cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự điều tiết các quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế. Nhà nước tư sản có vai trò quan trọng để giải quyết các vấn đề đó.

Ngoài ra, việc thi hành Chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cuộc đấu tranh với Chủ nghĩa xã hội hiện thực và tác động của cách mạng khoa học công nghệ cũng đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào đời sống kinh tế.

### ***b. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước***

Là sự kết hợp sức mạnh các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một thiết chế và một thể chế thống nhất nhằm phục vụ lợi ích các tổ chức độc quyền và cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản.

## **2. Những biểu hiện hình thức chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

Sự vận động của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước được biểu hiện dưới 3 hình thức chủ yếu sau:

### ***a. Sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước tư sản***

Sự kết hợp này diễn ra dưới nhiều hình thức, song chủ yếu là: Sự thâm nhập của các nhà tư bản độc quyền vào bộ máy nhà nước và ngược lại, là sự tham gia của những nhân viên cao cấp trong bộ máy Nhà nước vào công ty tư bản độc quyền .

### ***b. Sự hình thành và phát triển của sở hữu TB độc quyền nhà nước***

Sở hữu tư bản độc quyền nhà nước là sở hữu tập thể của giai cấp tư sản độc quyền.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước xâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, những nét nổi bật nhất là sự xuất hiện sở hữu nhà nước.

Sở hữu tư bản độc quyền nhà nước được hình thành qua 4 hình thức sau:

- + Xây dựng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn của ngân sách.
- + Quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân bằng cách mua lại.
- + Nhà nước mua cổ phiếu của các doanh nghiệp tư nhân.
- + Mở rộng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn tích lũy của các doanh nghiệp tư nhân.

### ***c. Sự điều tiết kinh tế của các nhà nước tư sản***

Sự điều tiết kinh tế của các nhà nước tư sản đã có cả những mặt tích cực và tiêu cực. Khi cơ chế thị trường trở nên bất lực trong điều tiết một nền kinh tế thì chủ nghĩa tư bản buộc phải bổ xung vào đó cơ chế điều tiết của nhà nước nên:

Hệ thống điều chỉnh kinh tế của nhà nước tư sản là hệ thống dung hợp được những ưu điểm của 3 cơ chế: thị trường, độc quyền, và điều tiết của nhà nước, nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của từng cơ chế, nhưng xét về bản chất, hệ thống điều tiết này phục vụ cho chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước .

Phân tích: Trong hệ thống này chức năng kinh tế của nhà nước được mở rộng và nhà nước sử dụng các công cụ để điều tiết như: giá cả, tỷ giá hối đoái, tổ chức

kinh doanh, hệ thống pháp luật, tài chính, tiền tệ.v.v...=> để tổ chức và điều hành các quá trình kinh tế vĩ mô.

### **III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại**

#### **1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất**

- Cách mạng công nghệ thông tin và công nghệ cao phát triển mạnh mẽ đã mở ra không gian rộng lớn mới cho sự phát triển của sức sản xuất.
- Giáo dục được tăng cường và tố chất của người lao động được nâng cao rõ rệt, đặt nền móng cho việc nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh.
- Kinh tế tăng trưởng nhanh, năng suất lao động được nâng cao hơn nữa. Thành quả khoa học – kỹ thuật nhanh chóng được áp dụng vào sản xuất, kinh doanh.

#### **2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế trí thức**

- Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất thúc đẩy kinh tế từ nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp; cách mạng công nghệ thông tin hiện nay đang thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế trí thức.

- Trong kinh tế trí thức, vai trò của kinh tế trí thức và kỹ thuật đã cao hơn các yếu tố như nguồn tài nguyên tự nhiên và nguồn vốn, trở thành yếu tố quan trọng nhất.

- Sáng tạo kỹ thuật và sáng tạo cơ chế đóng vai trò then chốt trong phát triển kinh tế trí thức.

- Cùng với sự chuyển đổi loại hình kinh tế, kết cấu ngành nghề của chủ nghĩa tư bản cũng được điều chỉnh và nâng cấp hơn, chuyển sang dịch vụ hóa và công nghệ cao.

#### **3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp**

- Quan hệ sở hữu có những thay đổi, biểu hiện nổi bật là sự phân tán quyền nắm cổ phiếu tăng lên.

- Kết cấu giai cấp cũng đã có những biến đổi lớn. Các giai cấp, tầng lớp, đoàn thể xã hội và tập đoàn cùng tồn tại, tác động qua lại lẫn nhau.

- Thu nhập bằng tiền lương của người lao động cũng có được mức tăng trưởng khá hơn.

#### **4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn**

- Doanh nghiệp cải cách cơ chế quản lý, thiết lập cơ cấu tổ chức hàng ngang và mạng lưới.

- Dùng công nghệ cao cải cách cơ chế quản lý sản xuất.

- Thực hiện cải cách quản lý lao động, lấy con người làm gốc, yêu cầu công nhân phải có kỹ năng và tri thức.

- Thay đổi hình thức tổ chức doanh nghiệp, xuất hiện hai hình thức lớn hóa và nhỏ hóa cùng hỗ trợ nhau tồn tại.

### **5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường**

- Kịp thời điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế, nhằm nâng cao sức mạnh tổng thể của quốc gia.

- Lựa chọn chính sách thực dụng làm xoa dịu những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản hiện nay.

- Vận dụng linh hoạt chính sách tài chính và chính sách tiền tệ để kịp thời điều chỉnh mâu thuẫn cung cầu trong xã hội và mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội khác nhau.

### **6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế**

- Thúc đẩy toàn cầu hóa sản xuất và nguồn vốn; thúc đẩy mạnh mẽ phân công lao động; buôn bán quốc tế phát triển nhanh.

- Truyền bá khoa học – kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý trên phạm vi toàn cầu để phát triển lực lượng sản xuất và điều chỉnh quan hệ sản xuất.

- Chiếm đoạt thị trường, xuất khẩu vốn và hàng hóa trên quy mô lớn, thu về nhiều ngoại tệ, phát triển thực lực trong nước, tăng cường kiểm soát trên phạm vi toàn cầu.

- Tạo cơ hội và cả những thách thức cho các nước đang phát triển.

- Ảnh hưởng lớn tới lĩnh vực tài chính và tiền tệ.

### **7. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường**

- Chú trọng phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô nên những xung đột kinh tế giữa các nước phương Tây đã giảm xuống.

- Việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước phương Tây đã áp dụng hình thức thỏa hiệp.

- Phối hợp, hợp tác quốc tế được tăng cường rõ rệt, hiệu quả kinh tế không ngừng được tăng cao.

#### **IV. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản**

V.I. Lênin nhận xét: sự phát triển nhanh chóng và sự trì trệ thối nát là hai xu thế cùng song song tồn tại trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đó cũng chính là một biểu hiện quan trọng thuộc bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Hai xu thế phát triển nhanh chóng và trì trệ thối nát được thể hiện rất rõ qua vai trò và hạn chế của chủ nghĩa tư bản.

##### **1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội**

Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa tư bản đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với loài người, nhưng nó vẫn có những mặt tích cực đối với sản xuất, đó là:

- + Phát triển lực lượng sản xuất.
- + Thực hiện xã hội hoá sản xuất.
- + Thiết lập nền đại công nghiệp.
- + Thiết lập nền dân chủ tư sản.

##### **2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản**

Bên cạnh những thành tựu, chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát sinh, phát triển của nó đã gây ra không ít hậu quả tai hại cho nhân loại:

+ chủ nghĩa tư bản là thủ phạm gây ra hàng trăm cuộc chiến tranh giành thuộc địa, đáng kể nhất là 2 cuộc chiến tranh thế giới: Chiến tranh thế giới lần I ( 1914 – 1918 ), chiến tranh thế giới lần II (1939 – 1945).

+ Trong quá trình công nghiệp hoá và chạy đua vũ trang, chủ nghĩa tư bản là thủ phạm chính làm cho môi trường ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên.

+ chủ nghĩa tư bản chịu trách nhiệm về nạn nghèo đói, bệnh tật của hàng trăm triệu con người, nhất là ở những nước chưa phát triển.

Hạn chế của chủ nghĩa tư bản bắt nguồn từ mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hoá cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân Tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Mặc dù ngày nay chủ nghĩa tư bản đã có sự điều chỉnh để thích nghi nhưng không thể khắc phục được, Mâu thuẫn cơ bản nói trên được biểu hiện ra bằng các mâu thuẫn cụ thể sau:

- + Mâu thuẫn giữa tư bản với lao động.

+ Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với các nước chậm phát triển ngày càng gay gắt hơn.

+ Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau.

+ Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

### **3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản**

Những thành tựu và hạn chế trên đây của chủ nghĩa tư bản bắt nguồn từ mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản: mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hoá cao của lực lượng sản xuất với quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, tính chất và trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất ngày càng cao thì quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất ngày càng trở nên chật hẹp so với nội dung vật chất ngày càng lớn lên của nó. Mặc dù chủ nghĩa tư bản ngày nay đã có điều chỉnh nhất định trong quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối, và ở một chừng mực nhất định, sự điều chỉnh đó cũng đã phần nào làm giảm bớt tính gay gắt của mâu thuẫn này. Song tất cả những điều chỉnh ấy vẫn không vượt qua khỏi khuôn khổ của sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Vì vậy mâu thuẫn vẫn không bị thủ tiêu. Theo sự phân tích của C. Mác và V.I. Lênin, đến một chừng mực nhất định, quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sẽ bị phá vỡ và thay vào đó là một quan hệ sở hữu mới – sở hữu xã hội (sở hữu công cộng) về tư liệu sản xuất được xác lập để đáp ứng yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Điều đó cũng có nghĩa là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sẽ bị thủ tiêu và một phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa sẽ ra đời và phủ định phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Tuy nhiên, phải nhận thức rằng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không tự tiêu vong và phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa cũng không tự phát hình thành mà phải được thực hiện thông qua cuộc cách mạng xã hội, trong đó giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội này chính là giai cấp công nhân.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền là gì ? Hãy làm rõ những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền ?
2. Hãy làm rõ sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản độc quyền ?
3. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước là gì ? Hãy làm rõ những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước ?
4. Những biểu hiện hình thức chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ?
5. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản ?

### **Phần thứ ba**

#### **LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Trong chủ nghĩa Mác – Lênin, học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cùng với bộ lý luận triết học là những cơ sở lý luận tất yếu và trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học – học thuyết Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, theo nghĩa rộng nhất chủ nghĩa xã hội khoa học chính là chủ nghĩa Mác – Lênin, còn theo nghĩa hẹp thì nó là một bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác –

Lênin – bộ phận lý luận về chủ nghĩa xã hội, đó là bộ phận nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và cộng sản chủ nghĩa.

## **Chương VII: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

Trên cơ sở phân tích quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng duy nhất có sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng thực hiện bước chuyển biến lịch sử này chính là *giai cấp công nhân*. Cuộc *cách mạng xã hội chủ nghĩa* là cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, nó xóa bỏ mọi chế độ áp bức và bóc lột, xây dựng thành công *xã hội cộng sản chủ nghĩa* mà giai đoạn đầu của xã hội ấy chính là *chủ nghĩa xã hội*, kết quả trực tiếp của thời kỳ cải biến cách mạng lâu dài, khó khăn và gian khổ - *thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

Từ vấn đề nêu trên, **yêu cầu**: Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau:

- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
- Vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa

### **2. Quy định hình thức học cho mỗi nội dung nhỏ**

<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức học</b>
<b>Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội</b> <b>Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa</b>	Giáo viên giảng



<b>I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</b>	
1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	Giáo viên giảng
2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	Giáo viên giảng
3. Vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	Giáo viên giảng
<b>II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</b>	Giáo viên giảng
1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó	
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa	Giáo viên giảng
3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa	Giáo viên giảng
<b>III. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa</b>	Giáo viên giảng
1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa	
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa	Giáo viên giảng

## **Nội dung giảng**

### **I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

#### **1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

##### **a. Khái niệm giai cấp công nhân**

Khi sử dụng khái niệm *giai cấp công nhân* C.Mác và Ph. Ăngghen đã dùng một số thuật ngữ khác nhau để biểu đạt khái niệm đó như: Giai cấp vô sản, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp... Mặc dù vậy, về cơ bản những thuật ngữ này đều biểu thị một khái niệm thống nhất, đó là chỉ giai cấp công nhân hiện đại, con đẻ của nền sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại.

Về cơ bản, có thể khái quát hai đặc trưng cơ bản của giai cấp này.

*Thứ nhất, về phương thức lao động, phương thức sản xuất.*

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công vụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, ngày càng có trình độ xã hội hoá, quốc tế cao. Đây là một đặc trưng cơ bản phân biệt người công nhân hiện đại với người thợ thủ công thời trung cổ, với những người thợ trong công trường thủ công. Giai cấp công nhân có một quá trình phát triển từ những người thợ thủ công thời kỳ trung cổ đến những người thợ trong công trường thủ công và cuối cùng đến những người công nhân trong công nghiệp hiện đại. “Trong công trường thủ công và trong nghề nghiệp thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình, còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc”

*Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong hệ thống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.*

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa người công nhân không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống. C.Mác và Ph.Ăngghen đặc biệt chú ý phân tích đặc trưng này, vì chính nó là đặc trưng khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp vô sản, giai cấp làm thuê cho giai cấp tư sản và trở thành lực lượng đối kháng với giai cấp tư sản.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* C.Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại - tức là giai cấp chỉ có thể sống với điều kiện kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản – cũng phát triển theo. Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường như nhau”.

Căn cứ hai tiêu chí trên chúng ta có thể coi những người lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp là công nhân. Còn những người làm công ăn lương phục vụ trong các ngành y tế, giáo dục, văn hoá, dịch vụ là những người lao động nói chung, không phải là công nhân.

*Khái niệm giai cấp công nhân:* giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hoá ngày càng cao, là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã

hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu, là giai cấp lãnh đạo xã hội chủ yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### ***b. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân***

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiến bộ, đại biểu cho xu hướng phát triển của phương thức sản xuất tương lai. Do vậy về mặt khách quan nó là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, khi nói về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một lực lượng bị buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy, nếu không sẽ bị diệt vong” và “thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại”

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải trải qua hai bước: Bước thứ nhất, “Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước”; Bước thứ hai, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động tiến hành cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực. Hai bước này quan hệ chặt chẽ với nhau: Giai cấp công nhân không thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

## **2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

### ***a. Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa***

- Địa vị kinh tế - xã hội khách quan của giai cấp công nhân chỉ ra rằng giai cấp công nhân là giai cấp gắn với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất dưới chủ

nghĩa tư bản. Và, với tính chất như vậy, nó là lực lượng quyết định phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

***Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân, đại biểu cho sự tiến hoá tất yếu của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.***

- Cụ thể:

+ Về kinh tế: là con đẻ của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, giai cấp công nhân được nền công nghiệp hiện đại rèn luyện, đoàn kết và tổ chức lại thành một lực lượng xã hội hùng mạnh, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến mang tính chất xã hội hoá cao.

+ Về xã hội: trong chủ nghĩa tư bản giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản áp bức bóc lột. Vì sự sống còn của mình giai cấp công nhân phải vùng dậy đấu tranh chống giai cấp tư sản, lật đổ chủ nghĩa tư bản. Điều này một cách khách quan đã tạo ra khả năng để giai cấp công nhân đoàn kết các giai cấp khác, khả năng đi đầu trong cuộc đấu tranh.

C. Mác: *Làm cách mạng giai cấp công nhân không mất gì ngoài xiềng xích trói buộc mà lại được cả thế giới về mình.*

### ***b. Những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân***

Địa vị kinh tế - xã hội khách quan còn tạo ra những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân. Những đặc điểm này tạo khả năng để giai cấp công nhân hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình. Đó là:

- Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất
- Giai cấp công nhân có hệ tư tưởng riêng
- Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để nhất
- Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật nhất
- Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế

Trong chủ nghĩa tư bản, các mâu thuẫn cơ bản hình thành một cách khách quan. Về mặt kinh tế, đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; về mặt xã hội, đó là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Hai mâu thuẫn này không thể giải quyết triệt để trong chủ nghĩa tư bản tất yếu dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân tổ chức và lãnh đạo.

Tóm lại, những đặc điểm trên chỉ ra rằng, giai cấp công nhân là lực lượng xã hội có tính năng động, lịch sử, có khả năng đấu tranh tự giải phóng mình đồng

thời giải phóng toàn thể những người lao động thoát khỏi chế độ áp bức, bóc lột và bảo đảm cho mọi người sống trong hoà bình, tự do và hạnh phúc.

### **3. Vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

#### ***a. Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính Đảng của giai cấp công nhân***

Đảng Cộng sản là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Ngay từ khi ra đời giai cấp công nhân đã tiến hành các cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản. Cuộc đấu tranh đã trải qua các giai đoạn từ thấp đến cao, đấu tranh vì những lợi ích kinh tế hàng ngày đến đấu tranh chính trị. Yếu tố đó có tính chất quyết định đảm bảo cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân có bước phát triển nhảy vọt về chất (từ tự phát lên tự giác) là sự thâm nhập chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân.

Quy luật: Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

$$\text{ĐCS} = \text{CNM} + \text{PTCN}$$

Trong thời đại ngày nay: ở một số nước Đảng Cộng sản ra đời còn có thể là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

$$\text{ĐCS} = \text{CNMLN} + \text{PTCN} + \text{PTYN}$$

Chỉ có Đảng Cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân mới chuyển từ đấu tranh tự phát lên đấu tranh tự giác.

Trong thực tế lịch sử, phong trào của công nhân chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra ngay từ khi chủ nghĩa tư bản hình thành và phát triển, theo quy luật có áp bức có đấu tranh. Mặc dù phong trào công nhân có thể phát triển về số lượng, quy mô cuộc đấu tranh có thể được mở rộng nhưng cuối cùng đều bị thất bại vì không có một hệ thống lý luận soi đường. Chỉ khi nào giai cấp công nhân đạt đến trình độ tự giác bằng cách tiếp thu lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin thì lúc đó phong trào cách mạng của giai cấp này mới thật sự là phong trào mang tính chất chính trị.

#### ***b. Mối quan hệ giữa Đảng cộng sản với giai cấp công nhân***

Đảng chính trị là tổ chức cao nhất, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp. Đối với giai cấp công nhân đó là Đảng Cộng sản, chẳng

những đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động và dân tộc.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội – giai cấp của đảng, là nguồn bổ sung lực lượng của đảng, đảng là đội tiên phong chiến đấu, bộ tham mưu của giai cấp, biểu hiện tập trung lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân và của cả dân tộc. Giữa đảng và giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ không thể tách rời. Những đảng viên đảng Cộng sản có thể không phải là công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này.

## **II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa**

### **1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó**

#### ***a. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa***

Cách mạng xã hội chủ nghĩa: Là một cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ cũ nhất là chế độ Tư bản chủ nghĩa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa, trong cuộc cách mạng đó giai cấp công nhân là người lãnh đạo cùng với quần chúng lao động khác xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Theo nghĩa rộng: Cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình cải biến một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Theo nghĩa hẹp: Cách mạng xã hội chủ nghĩa được hiểu là một cuộc cách mạng chính trị, kết thúc bằng việc giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động giành

#### ***b. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa***

Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội chủ nghĩa là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tất cả các cuộc cách mạng diễn ra trong lịch sử đều bắt nguồn từ một nhu cầu khách quan giải phóng lực lượng sản xuất khỏi sự kìm hãm của quan hệ sản xuất đã lỗi thời.

C.Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội”.

Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

Những mâu thuẫn kinh tế - xã hội đó ngày càng phát triển gay gắt làm cho chủ nghĩa tư bản luôn tiềm ẩn khả năng nổ bùng cách mạng xã hội chủ nghĩa.

## 2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

### a. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Giải phóng xã hội, giải phóng con người là mục tiêu của giai cấp công nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cho nên có thể nói chủ nghĩa xã hội mang tính nhân văn sâu sắc. Chủ nghĩa xã hội không chỉ dừng ở ý thức, ở khẩu hiệu giải phóng con người mà từng bước hiện thực hoá sự nghiệp giải phóng con người khỏi chế độ áp bức, bóc lột giữa người với người và tiến tới thực hiện mục tiêu cao cả nhất: “Biến con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do”, tạo nên một tập thể liên hiệp “trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”.

Mục tiêu cao cả nhất đó phải được hiện thực hoá qua từng chặng đường, từng bước đi, thông qua quá trình lao động đầy nhiệt huyết và sáng tạo của quần chúng nhân dân lao động, bằng công tác tổ chức xã hội một cách khoa học trên tất cả các lĩnh vực của nhà nước xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

*Giai đoạn thứ nhất, mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, là “giai đoạn giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, là giai đoạn giành lấy dân chủ”.*

Giai đoạn thứ hai, mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa là "xoá bỏ chế độ người bóc lột người... nhằm đưa lại đời sống ấm no cho toàn dân".

### b. Động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

“Tất cả những phong trào lịch sử từ trước đến nay đều là do thiếu số thực hiện, hoặc là mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số”.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục đích giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động ra khỏi tình trạng bị áp bức bóc lột, đưa lại cuộc sống ấm no hạnh phúc nhân dân lao động, do vậy thu hút được sự tham gia của quần chúng nhân dân lao động trong suốt quá trình cách mạng.

Giai cấp công nhân vừa là giai cấp lãnh đạo, vừa là động lực chủ yếu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền sản xuất đại công nghiệp, do vậy ngày càng tăng lên về số lượng, nâng cao về chất lượng trong xã hội hiện đại.

Giai cấp nông dân có nhiều lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp công nhân, giai cấp này trở thành động lực to lớn trong cách mạng xã hội chủ

nghĩa. Trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, giai cấp công nhân chỉ giành được thắng lợi khi lôi kéo được giai cấp công nhân đi theo mình.

Trí thức là lực lượng quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đấu tranh giành chính quyền những người trí thức được giác ngộ lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin là lực lượng quan trọng trong công tác truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào của quần chúng nhân dân lao động. Các lực lượng tiến bộ khác trong xã hội liên kết chặt chẽ với nhau tạo thành một động lực tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đó là lực lượng của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, bảo vệ môi trường, tái tạo tài nguyên, sinh thái, chống bùng nổ dân số, phòng chống bệnh tật hiểm nghèo...

Động lực tổng hợp của cách mạng là khối liên minh công - nông - trí thức đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân.

### ***c. Nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa***

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

*Trên lĩnh vực chính trị:* đưa nhân dân lao động từ địa vị bị áp bức bóc lột lên địa vị làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội, để từ đó họ hoạt động như một chủ thể tự giác xây dựng xã hội mới, đó là nội dung chính trị căn bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của ĐCS đập tan ách thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, thiết lập chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Xây dựng và ngày càng hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thu hút nhân dân lao động tham gia ngày càng đông đảo vào việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

*Trên lĩnh vực kinh tế:* Những cuộc cách mạng trước đây về thực chất chỉ là cuộc cách mạng chính trị, bởi vì, về căn bản nó được kết thúc bằng việc lật đổ ách thống trị của giai cấp này, thay thế bằng sự thống trị của giai cấp khác. Cách mạng xã hội chủ nghĩa, về thực chất là có tính chất kinh tế. Việc giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động mới chỉ là bước đầu. Nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa phải là phát triển kinh tế.

Thay thế chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới những hình thức thích hợp.



Phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, từng bước thoả mãn nhu cầu chính đáng ngày càng tăng lên của người lao động.

Trên lĩnh vực văn hoá: kế thừa và nâng cao các giá trị văn hoá tiên tiến của thời đại, xây dựng từng bước thế giới quan và nhân sinh quan mới, xây dựng nền văn hoá và thể hệ những con người mới xã hội chủ nghĩa thực hiện việc giải phóng những người lao động về mặt tinh thần.

Đưa toàn bộ những phương tiện, tư liệu chủ yếu phục vụ cho việc sáng tạo các giá trị tinh thần từ tay giai cấp bóc lột về tay những người lao động.

Đưa những người lao động lên địa vị người chủ thực sự, vừa sáng tạo nên các giá trị tinh thần vừa hưởng thụ các giá trị tinh thần ấy.

*Cả ba nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra đồng thời và có quan hệ mật thiết, tác động, thúc đẩy lẫn nhau.*

### **3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn giành được thắng lợi, giai cấp công nhân phải thực hiện được sự liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân.

***a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa***

Tính tất yếu của liên giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Khi tổng kết kinh nghiệm thực tiễn lịch sử, trong tác phẩm “*Đấu tranh giai cấp ở Pháp*”, C.Mác đã chỉ ra rằng: “Công nhân Pháp không thể tiến lên được một bước nào và cũng không thể đặng đến một sợi tóc của chế độ tư sản, trước khi đông đảo nhân dân nằm giữa giai cấp vô sản và giai cấp vô sản, tức là nông dân và giai cấp tiểu tư sản, nổi dậy chống chế độ tư sản”. Một trong những nguyên nhân thất bại của công xã Pari là vì giai cấp công nhân chưa lôi kéo được người bạn đồng minh là giai cấp nông dân đi theo.

Mục tiêu cuối cùng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa không phải là duy trì giai cấp, duy trì nhà nước mà tiến lên xây dựng một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước. Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở xây dựng khối liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác

Cơ sở khách quan của việc xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng khối liên minh công – nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa có những cơ sở khách quan chủ yếu sau đây.

*Thứ nhất*, dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân đều là những người lao động, đều bị áp bức bóc lột. Giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân bằng giá trị thặng dư, còn bóc lột giai cấp nông dân bằng thuế khoá. Do vậy giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dễ dàng thông cảm, dễ dàng liên minh với nhau để chống kẻ thù chung là giai cấp tư sản.

*Thứ hai*, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất chính trong xã hội. Nếu không có sự liên minh chặt chẽ giữa công nhân và nông dân thì hai ngành kinh tế này không thể phát triển được. Công nghiệp tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nông nghiệp và các ngành nghề khác. Nông nghiệp tạo ra lương thực, thực phẩm phục vụ toàn xã hội, tạo ra nông sản phục vụ cho công nghiệp.

*Thứ ba*, xét về mặt chính trị - xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và những người lao động khác là lực lượng chính trị to lớn trong xây dựng bảo vệ chính quyền nhà nước, trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Do vậy có thể nói giai cấp nông dân là người bạn “tự nhiên”, tất yếu của giai cấp công nhân.

***b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa***

- *Nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.*

*Liên minh về chính trị* giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền là nhằm giành lấy chính quyền về tay công nhân cùng với nhân dân lao động.

*Liên minh về kinh tế* giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác là một nội dung đặc biệt quan trọng.

Đây là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất, vì có liên minh về kinh tế chặt chẽ mới thực hiện được sự liên minh trong các lĩnh vực khác.

*Nội dung văn hoá, xã hội* của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân là một nội dung quan trọng trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

- *Những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân*

*Một là, phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp trong khối liên minh công – nông.*

*Hai là, phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện.*

*Ba là, kết hợp đúng đắn các lợi ích của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.*

### **III. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa**

#### **1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa**

Tính mâu thuẫn gay gắt trong lĩnh vực kinh tế của chủ nghĩa tư bản biểu hiện trên lĩnh vực chính trị - xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động với giai cấp tư sản ngày càng trở nên quyết liệt.

Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ khi chủ nghĩa tư bản hình thành, ngày càng trở nên căng thẳng. Qua thực tiễn cuộc đấu tranh đã dẫn tới giai cấp công nhân nhận thức được muốn giành thắng lợi phải tiếp thu chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành chính đảng của giai cấp mình. Khi Đảng Cộng sản ra đời toàn bộ hoạt động của Đảng đều hướng vào lật đổ nhà nước của giai cấp tư sản xác lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là sự mở đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

#### **2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa**

##### ***a. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội***

*- Tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin quan niệm việc xây dựng hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa là một việc làm lâu dài và phải trải qua 2 giai đoạn: giai đoạn thấp – chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao – chủ nghĩa cộng sản. Trong quá trình lịch sử đó theo các ông phải có một giai đoạn đặc biệt là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

*- Khái niệm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:* là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền Nhà nước cho đến khi tạo ra được những cơ sở của chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, C. Mác viết “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội xã hội chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia thích ứng với thời kỳ ấy là thời kỳ quá độ về chính trị và nhà

nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản ”.

- *Phân loại*: Có hai kiểu quá độ tùy thuộc vào điểm xuất phát của các nước khi đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Quá độ trực tiếp: từ xã hội tư bản chủ nghĩa ở mức trung bình lên chủ nghĩa xã hội – Quá độ đặc biệt.

+ Quá độ gián tiếp: từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa – Quá độ đặc biệt của đặc biệt. Kiểu quá độ này tất nhiên phải trải qua rất nhiều khó khăn, phức tạp, lâu dài, chủ yếu vì chưa qua “trường học dân chủ tư sản” và chưa có cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại). Những nước thuộc các kiểu “quá độ bỏ qua” đương nhiên phải có đảng cộng sản lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, có đường lối xây dựng và bảo vệ đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa; tận dụng được những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của chủ nghĩa tư bản và cả của nhân loại để quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, theo C.Mác và Ph. Ăngghen, V.I.Lênin, dù có sự phân kỳ như vậy, nhưng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đã bắt đầu từ thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản. Và dù quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển hay các kiểu quá độ gián tiếp (quá độ bỏ qua) cũng đều nằm trong quy luật và xu hướng tất yếu của lịch sử nhân loại trong thời đại ngày nay.

- *Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.*

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Nội dung kinh tế, chính trị và văn hoá, xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

*Trong lĩnh vực kinh tế*

Nội dung cơ bản trên lĩnh vực kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện việc sắp xếp, phối trí lại các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội; cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới theo hướng tạo ra sự

phát triển cân đối của nền kinh tế, đảm bảo phục vụ ngày càng tốt đời sống nhân dân lao động.

*Trong lĩnh vực chính trị*

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những thế lực thù địch, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; tiến hành xây dựng, củng cố nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, đảm bảo quyền làm chủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội của nhân dân lao động; xây dựng các tổ chức chính trị, xã hội thực sự là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động; xây dựng đảng cộng sản ngày càng trong sạch, vững mạnh ngang tầm với các nhiệm vụ của mỗi thời kỳ lịch sử.

*Trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá*

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: Thực hiện tuyên truyền phổ biến những tư tưởng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin trong toàn xã hội khắc phục những tư tưởng và tâm lý ảnh hưởng tiêu cực đối với tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu những giá trị tinh hoa của các nền văn hoá trên thế giới.

*Trong lĩnh vực xã hội*

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải thực hiện việc khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng xã hội; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người theo mục tiêu lý tưởng tự do của người này là điều kiện, tiền đề cho sự tự do của người khác.

**b. Xã hội xã hội chủ nghĩa**

- Khái niệm xã hội xã hội chủ nghĩa: là một xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản, một xã hội có đặc điểm là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; không có tình trạng người áp bức bóc lột người; nền sản xuất được kế hoạch hoá trên phạm vi toàn xã hội; là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Phương pháp luận nhận thức xã hội xã hội chủ nghĩa:

+ Xã hội xã hội chủ nghĩa không phải là một chế độ xã hội trái ngược với chủ nghĩa tư bản mà phải là một chế độ xã hội phủ định biện chứng chủ nghĩa tư bản: kế thừa những ưu điểm và khắc phục những hạn chế của chủ nghĩa tư bản.

+ Xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội phát triển tiến bộ hơn chủ nghĩa tư bản: giàu có và tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản, thay thế chủ nghĩa tư bản.

+ Xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội khác về chất so với chủ nghĩa tư bản trên cả ba lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội

- *Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa*

Xã hội xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa xã hội – giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản) là một xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội hoá xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Thứ ba, xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội tạo ra được cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới.

Thứ tư, xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối lao động, coi đó là nguyên tắc cơ bản nhất.

Thứ năm, xã hội chủ nghĩa là một xã hội mà ở đó nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân.

Thứ sáu, xã hội chủ nghĩa là một xã hội đã thực hiện được sự giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột; thực hiện bình đẳng xã hội, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện.

### ***c. Giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa***

C.Mác trên cơ sở nghiên cứu quá trình phát triển lực lượng sản xuất của xã hội loài người đã có những dự báo về sự xuất hiện chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- *Về mặt kinh tế*

Trong chủ nghĩa cộng sản con người không còn bị lệ thuộc một cách phiến diện và cứng nhắc vào sự phân công lao động, còn lao động không chỉ là phương tiện sinh sống mà trở thành nhu cầu bậc nhất của cuộc sống.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất tạo ra một năng suất lao động ngày càng tăng, sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa nông thôn và thành thị không còn; xã hội có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để thực hiện nguyên tắc: “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Trong xã hội đó, sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do tất cả mọi người.

- *Về mặt xã hội*

Theo V.I. Lênin, “khi bọn tư bản đã tiêu tan đi rồi và không còn có giai cấp nữa (nghĩa là giữa các thành viên trong xã hội không còn có sự phân biệt nào nữa về những quan hệ của họ đối với những tư liệu sản xuất xã hội), chỉ lúc đó “nhà nước mới không còn nữa và mới có thể nói đến tự do”. Chỉ lúc đó, chế độ dân chủ mới bắt đầu tiêu vong vì lý do đơn giản là một khi thoát khỏi chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi những sự khủng khiếp, những sự dã man... thì người ta sẽ dần dần quen với việc tôn trọng các quy tắc sơ thiểu của đời sống chung trong xã hội”.

Như vậy, tới giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, con người sẽ được giải phóng hoàn toàn và được phát triển một cách thực sự toàn diện. Khi đó, nhân loại có quyền chuyển từ “vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do”, có điều kiện phát triển toàn diện năng lực, mang hết tài năng và trí tuệ cống hiến cho xã hội.

Để có giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, đòi hỏi giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải nỗ lực phấn đấu, phải không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất, cải tạo quan hệ sản xuất theo chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao ý thức của con người, phải kiểm soát thật nghiêm ngặt mức độ lao động và tiêu dùng. Có thực hiện như vậy mới từng bước xây dựng được kỷ luật tự giác trong xã hội, từng bước xây dựng được thói quen tự nguyện tuân thủ những quy định trong dân cư.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Phân tích khái niệm giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? ý nghĩa của việc phát hiện ra phạm trù: “ Sứ mệnh lịch sử” của giai cấp công nhân hiện đại?
2. Phân tích để làm rõ: Vì sao Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân có tính tất yếu khách quan trong quá trình phát triển của xã hội loài người?
3. Tại sao: Đảng Cộng sản là nhân tố đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình?
4. Hãy làm sáng tỏ: Mục tiêu, động lực, nội dung của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa?
5. Phân tích tính tất yếu và nội dung của liên minh công nhân – nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?
6. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và về sự ra đời hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa
7. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa?

## Chương VIII

# NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### 1. Mục đích, yêu cầu

Tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tiến trình lịch sử lâu dài, khó khăn và gian khổ với mục đích cuối cùng là bảo đảm thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong tiến trình đó tất yếu xuất hiện các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội cần phải được giải quyết một cách khoa học trên lập trường thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong các điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc ở những thời kỳ nhất định. Đó là những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, trong chương này, **yêu cầu**: Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
- Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa
- Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

### 2. Quy định hình thức học cho mỗi nội dung nhỏ

Nội dung	Hình thức học
<b>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa</b> <b>I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</b>	Giáo viên giảng



1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	
2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa	Giáo viên giảng
<b>II. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</b>	Giáo viên giảng
1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	
2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa	Giáo viên giảng
3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	Giáo viên giảng
<b>III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo</b>	Giáo viên giảng
1. Vấn đề dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc	
2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo	Giáo viên giảng

### **Nội dung giảng**

#### **I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa**

##### **1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

###### ***a. Khái niệm về dân chủ và nền dân chủ***

- Nguyên nghĩa (Demokratia): Demos karatos = quyền lực (chính trị) của nhân dân, thuộc về nhân dân.

- Khái lược lịch sử vấn đề dân chủ

Lịch sử đã từng có các chế độ: dân chủ chủ nô, dân chủ tư sản. Sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa (mở đầu là cách mạng tháng 10 Nga 1917) nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được hình thành. Trong Chủ nghĩa cộng sản, dân chủ sẽ mất đi khi nhà nước tiêu vong.

V.I. Lênin: con đường biện chứng của quá trình phát triển dân chủ là "Từ chuyên chế đến dân chủ tư sản; từ dân chủ tư sản đến dân chủ vô sản; từ dân chủ vô sản đến không còn dân chủ nữa" (V.I. Lênin Toàn tập t33, Nxb Tiến Bộ, Matxcơva 1976, tr206).

- Chủ nghĩa Mác - Lênin quan niệm về dân chủ

Khái niệm: *Dân chủ* là hình thức tổ chức Nhà nước mà đặc trưng cơ bản là thừa nhận quyền lực chính trị của nhân dân, quyền tự do bình đẳng của công dân, thực hiện nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số.

Dân chủ là một phạm trù chính trị, bởi vì nó ra đời phát triển gắn liền với sự xuất hiện giai cấp, nhà nước, gắn liền với bản chất của giai cấp thống trị xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Dân chủ sẽ mất đi khi xã hội không còn giai cấp.

Dân chủ là một phạm trù lịch sử, bởi vì nó là thành quả đấu tranh của nhân dân lao động chống áp bức bóc lột đòi quyền tự do, dân chủ, đòi quyền làm chủ của mình.

Trong các xã hội có giai cấp đối kháng quyền lực Nhà nước thuộc về giai cấp thống trị, nên dân chủ mang bản chất của giai cấp thống trị.

Thước đo mức độ thực hiện dân chủ của một chế độ xã hội là mức độ và khả năng thu hút quần chúng nhân dân tham gia vào các công việc Nhà nước và xã hội.

*Nền dân chủ* hay chế độ dân chủ là hình thái dân chủ gắn với bản chất, tính chất của nhà nước; là trạng thái được xác định trong những điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội có giai cấp. Nền dân chủ do giai cấp thống trị đặt ra, được thể chế hóa bằng pháp luật.

V.I.Lênin cho rằng: “Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Cho nên, cũng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta”(V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, t33, tr123). Do đó, nền dân chủ luôn gắn với nhà nước như là cơ chế để thực thi dân chủ và mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị.

### ***b. Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa***

Sự hình thành dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất của phát triển các nền dân chủ trong lịch sử. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ hình thành cho tuyệt đại đa số nhân dân. Vì vậy, dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình hình thành và phát triển, dân chủ xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản sau:

*Một là*, với tư cách là chế độ nhà nước được sáng tạo bởi quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là thiết chế chủ yếu thực thi dân chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính đảng của

nó. Nhà nước đảm bảo thoả mãn ngày càng cao các nhu cầu và lợi ích của nhân dân, trong đó có lợi ích của giai cấp công nhân. Đây chính là đặc trưng chính trị của dân chủ xã hội chủ nghĩa. Điều đó cho thấy dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

*Hai là*, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội. Chế độ sở hữu đó phù hợp với quá trình xã hội hoá ngày càng cao của sản xuất nhằm thoả mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về vật chất và tinh thần của tất cả quần chúng nhân dân lao động. Đây là đặc trưng kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng này được hình thành và bộc lộ ngày càng đầy đủ cùng với quá trình hình thành và hoàn thiện của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đó là quá trình cải tạo và xây dựng lâu dài kể từ khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cho đến khi chủ nghĩa xã hội thực sự trưởng thành.

*Ba là*, trên cơ sở của sự kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội (do nhà nước của giai cấp công nhân hiện đại diện), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Trong nền dân chủ xã hội, tất cả các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và mọi công dân đều được tham gia vào công việc của nhà nước (bằng thảo luận, góp ý kiến xây dựng chính sách, hiến pháp, pháp luật...) Mọi công dân đều được bầu cử, ứng cử và đề cử vào các cơ quan nhà nước các cấp.

*Bốn là*, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cần có và phải có những điều kiện tồn tại với tư cách là một nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử nhưng vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp. Thực hiện dân chủ rộng rãi với đông đảo quần chúng nhân dân. đồng thời hạn chế dân chủ và thực hiện trấn áp với thiểu số giai cấp áp bức, bóc lột và phản động. Trong nền dân chủ đó, chuyên chính và dân chủ là hai mặt, hai yếu tố quy định lẫn nhau, tác động, bổ sung cho nhau. Đây chính là chuyên chính kiểu mới và dân chủ theo lối mới trong lịch sử.

### ***c. Tính tất yếu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa***

Nhiệm vụ của chuyên chính vô sản là sau khi giành được chính quyền, phải biết sử dụng có hiệu lực quyền lực nhà nước đó để xây dựng thiết chế kinh tế, chính trị - xã hội mới, ở đó, nhân dân, trước hết là nhân dân lao động từng bước trở thành người chủ của xã hội: là chủ thể tối cao và duy nhất của mọi quyền lực. Vì vậy, có thể nói: tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bao gồm:

- Xây dựng nền dân chủ vì động lực của quá trình phát triển xã hội, của quá trình xây dựng CNXH là dân chủ. Dân chủ phải được mở rộng để phát huy cao độ tính tích cực, sáng tạo của nhân dân, để nhân dân tham gia vào công việc quản lý đất nước, quản lý và phát triển xã hội

- Xây dựng nền dân chủ XHCN là quy luật của sự hình thành và tự hoàn thiện của hệ thống chuyên chính vô sản, hệ thống chính trị XHCN. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng XHCN.

- Xây dựng nền dân chủ XHCN là quá trình vận động và thực hành dân chủ, là quá trình vận động biến dân chủ từ khả năng thành hiện thực trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, là quá trình đưa các giá trị, chuẩn mực nguyên tắc của dân chủ vào thực tiễn xây dựng cuộc sống mới

- Xây dựng nền dân chủ XHCN là quá trình tất yếu diễn ra nhằm xây dựng, phát triển hoàn thiện dân chủ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân

- Xây dựng nền dân chủ XHCN là quá trình thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng cộng sản.

## **2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa**

### ***a. Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa***

- Khái niệm nhà nước và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Lênin nhận định: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn không thể điều hoà được. Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào về mặt khách quan mà nói, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được thì nhà nước xuất hiện. Và ngược lại, sự tồn tại của nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hoà được”

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra rằng:

**Nhà nước** là công cụ chuyên chính của một giai cấp, nó ra đời không phải để điều hoà mâu thuẫn giai cấp mà là do mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà.

*"Nhà nước chẳng qua chỉ là một bộ máy của một giai cấp này dùng để trấn áp một giai cấp khác"* (C. Mác – Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 1995, T22, Tr. 290 - 291).

Trong lịch sử đã từng tồn tại các kiểu nhà nước: nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến và nhà nước tư sản; các hình thức nhà nước (chính thể): quân chủ, cộng hoà, dân chủ

- Bản chất của bất kỳ nhà nước nào cũng mang bản chất của giai cấp thống trị xã hội. Không có và không thể có nhà nước đứng trên các giai cấp hoặc nhà nước chung của nhiều giai cấp.

- Chức năng của một nhà nước bao gồm

Theo tính chất của quyền lực nhà nước có: chức năng công cụ thống trị của giai cấp (bạo lực trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức xây dựng).

Theo phạm vi tác động của quyền lực có: chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ chuyên chính của giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức mà thông qua đó, Đảng của giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội; là một tổ chức chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng dựa trên cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội; đó là một nhà nước kiểu mới, thay thế nhà nước tư sản nhờ kết quả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; là hình thức chuyên chính vô sản được thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### ***b. Đặc trưng, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa***

Ăngghen nhận định bất kỳ nhà nước nào cũng có ba đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, nhà nước quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định

Thứ hai, có một hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên chính mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội

Thứ ba, hình thành hệ thống thuế khoá để nuôi bộ máy nhà nước

*Đặc trưng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa*

*Một là*, nhà nước xã hội chủ nghĩa không phải là công cụ để đàn áp một giai cấp nào đó. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện một chính sách giai cấp vì lợi ích của tất cả những người lao động nhưng đồng thời vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính Đảng của nó đối với nhà nước vẫn được duy trì.

*Hai là*, nhà nước xã hội chủ nghĩa có đặc trưng về nguyên tắc khác hẳn với nhà nước tư sản. Cũng là công cụ của chuyên chính giai cấp, nhưng vì lợi ích của tất cả những người lao động tức là tuyệt đại đa số nhân dân, nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện sự trấn áp những kẻ chống đối phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, trong khi nhấn mạnh sự cần thiết của bạo lực và trấn áp, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn xem mặt tổ chức xây dựng là đặc trưng cơ

bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa, của chuyên chính vô sản. V.I.Lênin cho rằng, chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực đối với bọn bóc lột và cũng không phải chủ yếu là bạo lực mà mặt cơ bản của nó là tổ chức xây dựng toàn diện xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

*Bốn là*, nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong dân chủ xã hội chủ nghĩa, và theo V.I.Lênin, con đường vận động, phát triển của nó là: Ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân, mở rộng dân chủ nhằm lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

*Năm là*, nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước đặc biệt, “nhà nước không còn nguyên nghĩa”, là “nửa nhà nước”. Sau khi những cơ sở kinh tế - xã hội cho sự tồn tại của nhà nước mất đi thì nhà nước cũng không còn nhà nước “tự tiêu vong”. Đây cũng là một đặc trưng nổi bật của nhà nước vô sản.

#### *Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Nhà nước xã hội chủ nghĩa có hai chức năng cơ bản là bạo lực trấn áp và tổ chức xây dựng, trong đó chức năng tổ chức xây dựng là chức năng cơ bản nhất:

Chức năng tổ chức xây dựng của nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện tập trung ở việc quản lý tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội chủ yếu bằng pháp luật, chính sách, pháp chế xã hội chủ nghĩa và thông qua hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

Chức năng bạo lực trấn áp (chuyên chính) của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thực hiện đối với mọi tội phạm và mọi kẻ thù để bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo ra những điều kiện cơ bản để mở rộng dân chủ trong nhân dân.

Nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Quản lý kinh tế: xây dựng và phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cao của chủ nghĩa xã hội để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Quản lý văn hoá, xã hội: xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân...

- Mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị, bình đẳng tin cậy lẫn nhau, cùng có lợi vì sự phát triển và tiến bộ xã hội đối với nhân dân các nước trên thế giới.

- Trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù trong và ngoài nước, bảo vệ những thành quả cách mạng.

#### *c. Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Sự cần thiết tất yếu phải xác lập chuyên chính vô sản, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa là vì:

- Giai cấp công nhân khi thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người và mọi sự tha hóa của con người do chế độ tư hữu sản sinh ra thì trước hết họ phải cùng với nhân dân lao động “phá hủy nhà nước tư sản” chiếm lấy chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản.

- Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân phải nắm vững công cụ chuyên chính, xây dựng nhà nước XHCN vững mạnh, trở thành một công cụ trấn áp các thế lực đi ngược lại lợi ích của nhân dân để bảo vệ thành quả cách mạng nhằm xây dựng thành công CNXH.

- Để mở rộng dân chủ tới mức tối đa với mọi tầng lớp nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi đi ngược lại những chuẩn mực dân chủ, vi phạm những giá trị dân chủ chân chính của nhân dân, đòi hỏi phải có một thiết chế nhà nước thích hợp.

- Xây dựng CNXH là quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng. Với ý nghĩa đó, nhà nước XHCN là phương thức, phương tiện, là một công cụ chủ yếu của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

## **II. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa**

### **1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

#### ***a. Khái niệm văn hoá và nền văn hoá***

- Văn hoá: là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người và loài người sáng tạo ra nhờ lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình.

"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá" (*HỒ Chí Minh: toàn tập t3, Nxb CTQG, HN 1995, tr431*).

Văn hoá biểu hiện trình độ phát triển mà xã hội đạt được trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

*Theo nghĩa rộng:* văn hoá bao gồm cả văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần; theo nghĩa hẹp, văn hoá được hiểu chủ yếu là văn hoá tinh thần (và đây là đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học).

Văn hoá vật chất là năng lực sáng tạo của con người được thể hiện và kết tinh trong sản phẩm vật chất.

*Theo nghĩa hẹp:* văn hóa được hiểu chủ yếu là văn hoá tinh thần.

Văn hoá tinh thần là tổng thể các tư tưởng, lý luận và giá trị được sáng tạo ra trong đời sống tinh thần và hoạt động tinh thần của con người. Đó là những giá trị cần thiết cho hoạt động tinh thần, những tiêu chí, nguyên tắc chi phối hoạt động nói chung và hoạt động tinh thần nói riêng, chi phối hoạt động ứng xử, những tri thức kỹ năng, giá trị khoa học, nghệ thuật được con người sáng tạo và tích lũy trong lịch sử của mình. Là nhu cầu tinh thần, thị hiếu của con người và những phương thức thoả mãn nhu cầu đó.

### ***b. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa***

Cũng như mọi hiện tượng xã hội khác, văn hoá luôn trong quá trình phát triển và có sự biến đổi không ngừng theo quy luật vận động, phát triển từ thấp đến cao. Sự thay đổi từ một nền văn hoá này bằng một nền văn hoá khác luôn diễn ra và là một hiện tượng thường xuyên trong lịch sử xã hội. Sự ra đời của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là một tất yếu trong quá trình của lịch sử.

Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là sự phát triển tự nhiên, hợp quy luật khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã lỗi thời và phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa đã hình thành. Theo V.I.Lênin, “văn hoá vô sản không phải bỗng nhiên mà có, nó không phải do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hoá vô sản phát minh ra. Văn hoá vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu”.

### ***c. Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa***

Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản sau đây:

*Một là,* chủ nghĩa Mác – Lênin với tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, giữ vai trò chủ đạo và là nền tảng tư tưởng, quyết định phương hướng phát triển nội dung của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng, ý thức là cốt lõi của mọi nền văn hoá. Trong mọi thời đại, tư tưởng của giai cấp thống trị là tư tưởng thống trị của thời đại đó. Chính vì vậy, sau khi giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền của xã hội là một tất yếu. Vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là điều kiện quyết định đưa nhân dân lao động thực sự trở thành chủ thể tự giác sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của xã hội mới.



*Hai là, nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là nền văn hoá có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc. Đặc trưng này thể hiện mục đích và động lực nội tại của quá trình xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, quá trình xây dựng xã hội mới. Trong các xã hội cũ, giai cấp thống trị bóc lột độc quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất và trên cơ sở đó cũng độc quyền chi phối đời sống tinh thần, nền văn hoá xã hội. Chúng độc quyền mọi phương tiện sáng tạo và sản phẩm của hoạt động tinh thần nhằm một mặt tạo ra cái gọi là “văn hoá thượng lưu” phục vụ giai cấp thống trị, áp bức bóc lột; mặt khác nhằm nô dịch tinh thần, ý thức của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giam hãm họ trong tình trạng ngu tối và nô lệ.*

*Ba là, Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là nền văn hoá được hình thành phát triển một cách tự giác, đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua tổ chức Đảng cộng sản, có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa.*

## **2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa**

Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa xuất phát từ những căn cứ sau đây:

*Thứ nhất, tính triệt để, toàn diện của cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải thay đổi phương thức sản xuất tinh thần, làm cho phương thức sản xuất tinh thần phù hợp với phương thức sản xuất mới của xã hội xã hội chủ nghĩa.*

*Thứ hai, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là tất yếu trong quá trình cải tạo tâm lý, ý thức và đời sống tinh thần của chế độ cũ để lại nhằm giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng, ý thức của xã hội cũ lạc hậu. Mặt khác, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa còn là một yêu cầu cần thiết trong việc đưa quần chúng nhân dân thực sự trở thành chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa tinh thần. Về thực chất, đây là cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực văn hóa, đấu tranh giữa hai hệ tư tưởng tư sản và hệ tư tưởng vô sản trong quá trình phát triển xã hội.*

*Thứ ba, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là tất yếu trong quá trình nâng cao trình độ văn hóa cho quần chúng nhân dân lao động. Đây là điều kiện cần thiết để đông đảo nhân dân lao động chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, nâng cao trình độ và nhu cầu văn hóa của quần chúng.*

*Thứ tư, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, bởi vì văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa tạo ra những tiền đề quan trọng, nâng cao phẩm chất, năng lực, học vấn, giác ngộ chính trị cho quần chúng nhân dân lao

động, tạo cơ sở nâng cao năng suất lao động... Văn hóa xã hội chủ nghĩa với nền tảng là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trở thành điều kiện tinh thần cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và là động lực, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

### **3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa**

#### ***a. Những nội dung cơ bản của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa***

Việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa bao gồm những nội dung chính sau đây:

*Một là*, cần phải nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ trí thức của xã hội mới. Quần chúng nhân dân càng được chuẩn bị tốt về tinh thần, trí lực, tư tưởng... càng có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ trí thức mới trở thành nội dung cơ bản của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đây vừa là nhu cầu cấp bách, vừa là nhu cầu lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, xây dựng con người mới phát triển toàn diện. Khi giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền thì việc xây dựng con người mới đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành một yêu cầu tất yếu. Do đó, xây dựng con người mới phát triển toàn diện của xã hội mới là một trong những nội dung cơ bản của văn hóa vô sản, của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa. Lối sống là biểu thị sự khác biệt giữa những cộng đồng người khác nhau; là tổng thể các hình thái hoạt động của con người, phản ánh điều kiện vật chất, tinh thần và xã hội của con người; là sản phẩm tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội và có tác động đến hình thái kinh tế - xã hội đó. Lối sống mới xã hội chủ nghĩa là một đặc trưng có tính nguyên tắc của xã hội xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng lối sống mới tất yếu trở thành một nội dung của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

*Bốn là*, xây dựng gia đình văn hoá xã hội chủ nghĩa. Gia đình là một hình thức cộng đồng đặc biệt, ở đó con người chung sống với nhau bởi hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Gia đình là một giá trị văn hóa của xã hội. Văn hóa gia đình luôn gắn bó, tương tác với văn hóa cộng đồng dân tộc, giai cấp và tầng lớp xã hội trong mỗi thời kỳ lịch sử nhất định của mỗi quốc gia dân tộc. Thực chất của việc xây dựng gia đình văn hóa mới xã hội chủ nghĩa là nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

#### ***b. Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa***

Để thực hiện được những nội dung chính yếu của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện các phương thức cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, giữ vững và tăng cường vai trò chủ đạo của hệ tư tưởng giai cấp công nhân trong đời sống tinh thần của xã hội.

*Thứ hai*, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và vai trò quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với hoạt động văn hoá.

*Thứ ba*, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa phải theo phương thức kết hợp việc kế thừa những giá trị trong di sản văn hoá dân tộc với tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn hoá nhân loại.

*Thứ tư*, tổ chức và lôi cuốn quần chúng nhân dân vào các hoạt động và sáng tạo văn hoá.

### **III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo**

#### **1. Vấn đề dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc**

##### ***a. Khái niệm dân tộc***

Dân tộc là một hình thức tổ chức cộng đồng người có tính chất ổn định được hình thành trong lịch sử, là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử xã hội.

Trước khi dân tộc xuất hiện loài người đã trải qua nhiều hình thức cộng đồng người từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc...

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa:

- *Nghĩa hẹp*: Dân tộc chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế giống nhau, có ngôn ngữ riêng, có những nét đặc thù về văn hoá; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; kế thừa phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó.

Theo nghĩa này dân tộc là một bộ phận của quốc gia, là dân tộc - tộc người (Ethnie).

- *Nghĩa rộng*: Dân tộc chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Theo nghĩa này dân tộc là dân cư của một quốc gia nhất định, là quốc gia - dân tộc (Nation).

***b. Hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội***

Nghiên cứu vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản V.I. Lênin đã phát hiện hai xu hướng khác quan:

**Xu hướng thứ nhất:** Do sự chín muồi của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này thể hiện nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản đưa đến sự ra đời của các dân tộc. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, xu hướng này biểu hiện thành phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức.

**Xu hướng thứ hai:** Các dân tộc ở từng quốc gia, kể cả các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản làm xuất hiện nhu cầu xoá bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia, quốc tế giữa các dân tộc làm cho các dân tộc xích lại gần nhau tạo nên sự thống nhất của thị trường tư bản.

- Trong thời đại ngày nay hai xu hướng này biểu hiện khác nhau trong từng nước và trên thế giới.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, hai xu hướng tác dụng cùng chiều, bổ sung, hỗ trợ cho nhau và diễn ra trong từng dân tộc, trong cả quốc gia và đụng chạm đến tất cả các quan hệ dân tộc (về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...)

Trên phạm vi thế giới, sự thức tỉnh ý thức dân tộc đã làm bùng lên phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức, đấu tranh chống kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc. Trong thời đại ngày nay, các dân tộc còn bị cuốn hút vào xu hướng liên minh, liên kết quốc tế và khu vực vì các lợi ích kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật... Mở cửa, hoà nhập cũng là một xu thế chủ yếu trong mối quan hệ giữa các dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại" là nguyên tắc thống nhất của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta (Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb CTQG, HN 1996, tr84).

***c. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc***

- *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.* Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc (kể cả các cộng đồng bộ tộc và chủng tộc). Tất cả các dân tộc, dù đông người hay ít người, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, không có đặc quyền đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hoá, ngôn ngữ cho bất cứ dân tộc nào.

- *Các dân tộc có quyền tự quyết.* Về thực chất quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc, quyền tự quyết định con đường phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của dân tộc mình. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập (vì lợi ích của các dân tộc, chứ không phải vì mưu đồ và lợi ích của một nhóm người nào) và quyền tự nguyện liên hiệp lại với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

- *Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.* Giai cấp công nhân thuộc các dân tộc khác nhau đều thống nhất, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là nội dung cơ bản nhất trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân.

Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Đảm bảo cho phong trào giải phóng dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.

Là điều kiện thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, do đó, là cơ sở để giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giải phóng các dân tộc bị áp bức.

## **2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo**

### ***a. Khái niệm tôn giáo***

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hoang đường và hư ảo hiện thực khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo mọi sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí.

Xét về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực, ra đời và tồn tại trong một điều kiện lịch sử nhất định, vì:

Hệ tư tưởng và thế giới quan tôn giáo là duy tâm, hoàn toàn đối lập với hệ tư tưởng và thế giới quan Mác - Lênin khoa học và cách mạng.

Tôn giáo đã giải thích không đúng bản chất các hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, cũng như nguyên nhân nỗi khổ của người lao động.

Tôn giáo hướng con người tới hạnh phúc hư ảo, niềm hy vọng hảo huyền, làm tiêu tan nghị lực, nhạt ý chí đấu tranh, hạn chế quá trình vươn lên làm chủ của con người.

Ở một mức độ nhất định tôn giáo có vai trò tích cực trong văn hoá, đạo đức xã hội như: đoàn kết, hướng thiện, quan tâm đến con người.... Tôn giáo là niềm an ủi, chỗ dựa tinh thần của quần chúng lao động.

C.Mác: “Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, là tinh thần của trạng thái không có tinh thần, tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”.

### ***b. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội***

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tôn giáo vẫn còn tồn tại. Có nhiều nguyên nhân cho sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau:

- *Nguyên nhân nhận thức*: Trong chủ nghĩa xã hội, nhất là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, con người trong những chừng mực nhất định vẫn còn bị những lực lượng tự phát của tự nhiên chi phối. Các hiện tượng bão lụt, diễn biến bất thường của các hiện tượng tự nhiên, biến đổi của môi trường sinh thái khoa học chưa lý giải được hết.

- *Nguyên nhân tâm lý*: Tôn giáo mang tính quần chúng, tính nhân đạo, nhân văn, hướng thiện... Ở một mức độ nào đó, nó đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của một bộ phận nhân dân.

Xét về bản chất, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội bảo thủ, lạc hậu. Do vậy, nó ăn sâu vào tình cảm, tâm lý của con người từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- *Nguyên nhân kinh tế - xã hội*: Những biến động trong đời sống xã hội vẫn tồn tại và tác động tiêu cực đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân như: những bất bình đẳng tiêu cực xã hội, bệnh tật hiểm nghèo, sự may rủi trong sản xuất hàng hoá nhiều khi đẩy con người ta vào tuyệt vọng, bế tắc.

- *Nguyên nhân chính trị - xã hội*:

+Thứ nhất là: Tôn giáo có những điểm còn phù hợp với XH XHCN, với đường lối, chính sách của Đảng cộng sản và Nhà nước XHCN nên tín ngưỡng, tôn giáo còn tiếp tục được chấp nhận; đồng thời, dưới CNXH, tôn giáo cũng có khả năng tự biến đổi để thích nghi với điều kiện chính trị - xã hội mới.

+ Thứ hai là: Ngày nay, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn, lật đổ... còn xảy ra ở nhiều nơi. Nỗi lo sợ về chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo... cùng với những mối đe dọa khác trong cuộc sống là điều kiện thuận lợi để tôn giáo tiếp tục tồn tại và phát triển.

+ Thứ ba là: Cuộc đấu tranh giai cấp vẫn đang diễn ra dưới nhiều hình thức vô cùng phức tạp, trong đó, các thế lực thù địch với CNXH vẫn chưa từ bỏ âm mưu lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mục đích chính trị của mình

- *Nguyên nhân văn hóa*: Sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo vẫn còn khả năng đáp ứng ở một mức độ nào đó nhu cầu văn hoá tinh thần của một bộ phận nhân dân và vẫn còn có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức, giáo dục cộng đồng, đạo đức, phong cách, lối sống. Vì vậy, việc tôn trọng, kế thừa có chọn lọc, có định hướng những giá trị văn hoá của tôn giáo là cần thiết.

### ***c. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo***

*Một là*, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đó là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, khi tín ngưỡng tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân thì nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân. Công dân có tôn giáo hay không có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Cần phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

*Ba là*, thực hiện đoàn kết những người có tôn giáo với những người không có tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết những người theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ cộng đồng vì lý do tín ngưỡng tôn giáo.

*Bốn là*, phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện sự tín ngưỡng trong tôn giáo. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục mặt này là việc làm thường xuyên, lâu dài. Mặt chính trị là sự lợi dụng tôn giáo của những phần tử phản động nhằm chống lại sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên, vừa phải kiên trì, kiên quyết, vừa phải thận trọng và phải có sách lược phù hợp với thực tế.

*Năm là*, phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò và sự tác động của từng tôn giáo đối

với đời sống xã hội cũng khác nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực, các vấn đề của xã hội có sự khác biệt. Do đó, cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo. “Người macxit phải chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể” đó là điều mà V.I.Lênin đã từng nhắc nhở khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cần phải có quan điểm và phương thức ứng xử phù hợp với từng trường hợp cụ thể khi giải quyết các vấn đề tôn giáo.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Phân tích tính tất yếu và nội dung của liên minh công nhân – nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?
2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và về sự ra đời hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa
3. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa?
4. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?
5. Những vấn đề cơ bản về nền văn hoá XHCN
6. Vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo theo quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin?

## **Chương IX**

### **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG**

#### **1. Mục đích, yêu cầu**

Với sự ra đời của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa xã hội đã từ những lý thuyết không tưởng trở thành một lý luận khoa học. Quá trình thâm nhập lý luận khoa học đó vào đời sống thực tiễn phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã dẫn đến sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội hiện thực: từ một nước đến nhiều nước và trở thành một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh trên phạm vi quốc tế ở thế kỷ XX với nhiều thành tựu vĩ đại, in đậm dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử phát triển của xã hội loài người.

Thế nhưng, vào những thập niên cuối thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tạm thời lâm vào tình trạng thoái trào. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, đã tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và tiếp tục phát triển. Thực tế, lịch sử đó đã đặt ra một vấn đề lớn về tương lai của chủ nghĩa xã hội. Lời giải đáp khoa học chân chính cho câu hỏi này



chỉ có thể có được trên cơ sở nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng sáng tạo những nguyên lý đó vào việc phân tích bối cảnh cụ thể của thời đại ngày nay.

Vì vậy, trong chương này, **yêu cầu:** Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau:

- Chủ nghĩa xã hội hiện thực
- Sự khủng hoảng của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó
- Triển vọng của chủ nghĩa xã hội

## 2. Quy định hình thức học cho mỗi nội dung nhỏ

Nội dung	Hình thức học
<b>Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng</b> <b>I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực</b>	Giáo viên giảng
1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới	Giáo viên giảng
2. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó	Giáo viên giảng
<b>II. Sự khủng hoảng , sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó</b>	SV tự nghiên cứu
1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết	
2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết	SV tự nghiên cứu
<b>III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội</b>	Giáo viên giảng
1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người	
2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người	Giáo viên giảng

### Nội dung giảng dạy

#### I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

**1 Các mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới.**

### ***a. Cách mạng Tháng Mười Nga***

Ngày 7 tháng 11 năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đảng bolsêvich Nga, đứng đầu là V.I.Lênin đã lãnh đạo quần chúng nhân dân khởi nghĩa phá tan dinh lũy cuối cùng của Chính phủ lâm thời tư sản, báo hiệu sự toàn thắng của cuộc khởi nghĩa vũ trang giành “toàn bộ chính quyền về tay Xô viết”. Lần đầu tiên trong lịch sử, Nhà nước Xô viết do V.I.Lênin đứng đầu, đã ra đời trong “mười ngày rung chuyển thế giới”.

Cách mạng Tháng Mười Nga là thắng lợi vĩ đại nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức do giai cấp công nhân và đội tiên phong của họ là Đảng Bolsêvich lãnh đạo. Cách mạng Tháng Mười đã dùng bạo lực cách mạng đánh đổ giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ phong kiến, lập nên chính quyền của những người lao động, xây dựng một xã hội hoàn toàn mới, một xã hội không có tình trạng người bóc lột người.

Với sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, lịch sử đã mở ra một con đường mới cho sự giải phóng các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức. Nó đã mở đầu một thời đại mới trong lịch sử - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

### ***b. Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới***

Mô hình đầu tiên của chủ nghĩa xã hội ra đời trong bối cảnh hết sức đặc biệt. Từ sau Cách mạng Tháng Mười đến kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất.

Điều kiện xây dựng một chế độ cực kỳ khó khăn và phức tạp: Nền kinh tế vốn lạc hậu lại bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh thế giới thứ nhất, sau đó là nội chiến, tiếp đó là chiến tranh can thiệp của 14 nước đế quốc và bị bao vây cấm vận về kinh tế.

Từ năm 1918 đến mùa xuân 1921 để đảm bảo cung cấp lương thực cho quân đội, cho tiền tuyến, cho công nhân và nhân dân thành thị trong điều kiện lương thực cực kỳ khan hiếm, Đảng Cộng sản Nga, đứng đầu là V.I.Lênin đã đề ra chính sách cộng sản thời chiến, tiến hành quốc hữu hoá tài sản, tư liệu sản xuất quan trọng nhất của bọn tư bản độc quyền, đại địa chủ và các thế lực chống phá cách mạng khác.

Đến tháng 3 năm 1921, sau khi nội chiến kết thúc, tại Đại hội X Đảng Cộng sản Nga với việc đề ra Chính sách kinh tế mới (NEP), V.I.Lênin đã chỉ rõ trong những điều kiện mới, việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ của chủ nghĩa tư bản nhà nước là một bộ phận rất quan trọng của chính sách này. Thời kỳ Chính

sách cộng sản thời chiến đã kết thúc, giờ đây với việc thực thi NEP thì chủ nghĩa tư bản nhà nước là một trong những hình thức rất thích hợp để giúp nước Nga Xô viết nhanh chóng khắc phục tình trạng suy sụp kinh tế sau chiến tranh và ngăn chặn những nảy sinh tự phát của nền sản xuất hàng hoá nhỏ- mầm mống của sự phục hồi chủ nghĩa tư bản.

Sở dĩ chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới điều kiện chuyên chính vô sản có ý nghĩa quan trọng và tác dụng to lớn như vậy vì như định nghĩa của V.I.Lênin – đó là thứ chủ nghĩa tư bản có liên quan với Nhà nước. Nhà nước đó là nhà nước của giai cấp vô sản, là đội tiên phong của chúng ta. Thông qua việc sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước, giai cấp vô sản có thể học tập, kế thừa và phát huy có chọn lọc tất cả những tài sản vật chất - kỹ thuật và tinh hoa chất xám trong kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của các nhà tư bản cũng như tri thức khoa học - kỹ thuật và trình độ khoa học quản lý kinh tế của các chuyên gia tư sản. Nhà nước vô sản có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước như là một hệ thống các chính sách, công cụ, biện pháp nhằm điều tiết mọi hoạt động của các xí nghiệp tư bản còn tồn tại trong thời kỳ quá độ, nhằm hướng tới mục đích vừa sử dụng vừa cải tạo bằng phương pháp hoà bình đối với các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa và sản xuất nhỏ.

Với ý nghĩa đó, chủ nghĩa tư bản nhà nước còn có thể coi là một trong những phương thức, phương tiện, con đường có hiệu quả trong việc thúc đẩy xã hội hoá và làm tăng nhanh lực lượng sản xuất của chủ nghĩa xã hội mà kết quả căn bản của sự xã hội hóa này là thể hiện ở việc phát triển ngày càng mạnh mẽ một nền sản xuất hàng hoá này là thể hiện ở việc phát triển ngày càng mạnh mẽ một nền sản xuất hàng hoá quá độ xã hội xã hội chủ nghĩa, giai đoạn trung gian của nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

## **2. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó.**

### ***a. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa***

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời bao gồm các nước Liên Xô, Cộng hoà Dân chủ Đức, Hunggari, Rumani, Tiệp Khắc, Anbani, Mông Cổ, Trung Quốc; Triều Tiên, Việt Nam (sau này thêm Cuba) đi theo mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. Năm 1960, tại Matxcơva, Hội nghị 81 Đảng cộng sản và công nhân của các nước trên thế giới đã ra tuyên bố và khẳng định: “Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người”

## ***b. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực***

Thành tựu trên lĩnh vực chính trị - xã hội

- Chế độ xã hội chủ nghĩa đã từng bước đưa nhân dân lao động lên làm chủ xã hội, thúc đẩy trào lưu đấu tranh cho quyền tự do dân chủ trên toàn thế giới.

- Ở các nước xã hội chủ nghĩa cơ bản đã xoá bỏ các giai cấp bóc lột địa chủ, tư sản

- Các Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện một hệ thống chính sách xã hội vì con người bao gồm chính sách việc làm, chính sách nhà ở, chính sách giáo dục, chính sách y tế chăm sóc sức khoẻ..

- Chủ nghĩa xã hội phát triển tác động mạnh vào chính sách các nhà tư sản buộc các nhà nước tư bản phải điều chỉnh chính sách đối nội, đối ngoại cả về kinh tế, chính trị theo hướng có lợi cho nhân dân lao động.

Nhóm các nước xã hội chủ nghĩa quan tâm một cách sâu sắc và toàn diện tới thế hệ trẻ, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ.

\* Thành tựu trên lĩnh vực kinh tế

- Xét trên lĩnh vực kinh tế đến năm 1970 công nghiệp ở Châu Âu chiếm 40% giá trị công nghiệp thế giới, trong số 20 nước phát triển thế giới có 4 nước xã hội chủ nghĩa ( Liên Xô, Cộng hoà dân chủ Đức, Ba lan, Hunggari) trong đó Liên Xô trở thành một trong hai siêu cường của thế giới.

Trong hơn bảy mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn với trình độ hiện đại, đảm bảo ngày càng tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nước Nga trước Cách mạng Tháng Mười so với các nước phát triển khác bị lạc hậu từ 50 đến 100 năm. Khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thu nhập quốc dân tính theo đầu người chỉ bằng 1/22 của Mỹ cùng thời. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn Liên Xô đã trở thành một trong hai siêu cường của thế giới. Năm 1985, thu nhập quốc dân của Liên Xô bằng 66% của Mỹ, sản lượng công nghiệp bằng 85% của Mỹ. Với công cuộc phát triển kinh tế, văn hoá, Liên Xô đã trở thành một nước có trình độ học vấn cao, thu được những thành tựu đáng kể trong việc chăm sóc sức khoẻ, phát triển y tế và đảm bảo phúc lợi xã hội cho nhân dân lao động. Trước cách mạng Tháng Mười, 3/4 nhân dân Nga mù chữ, chỉ sau 20 năm, nạn mù chữ đã xoá xong. Vào cuối năm 1980, Liên Xô là một trong những nước có trình độ học vấn cao nhất thế giới (164 triệu người có trình độ trung học và đại học, số lượng các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực cũng đứng vào hàng đầu thế giới).

\* Thành tựu trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật:

- Chủ nghĩa xã hội ra đời tốc độ phát triển khoa học kỹ thuật rất nhanh. Liên Xô mặc dù bị chiến tranh tàn phá nặng nề nhưng sau 4 năm đến năm 1949 Liên Xô đã thực hiện thành công bom nguyên tử.

- Sức mạnh của chủ nghĩa xã hội hiện thực đóng vai trò quyết định đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hủy diệt, bảo vệ hoà bình thế giới.

- Ngay tại các nước phương Tây, nhân dân lao động được sức hấp dẫn thực tế của chủ nghĩa xã hội đã đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, các phúc lợi xã hội... với sức ép của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước phương tây đã phải nhượng bộ và chấp nhận thực tế rất nhiều yêu sách đó.

## **II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết và nguyên nhân của nó**

### **1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết**

Lịch sử xã hội loài người không đi theo con đường thẳng và phong trào cách mạng cũng không tránh khỏi sai lầm và thất bại hay những thời kỳ thoái trào. Khi chủ nghĩa xã hội còn là học thuyết, vào những năm 70 của thế kỷ XIX, sau thất bại của công xã Pari, cuộc khủng hoảng đầu tiên đã diễn ra, Quốc tế I tan rã (năm 1876). Nhưng từ trong khủng hoảng, sự phát triển của lý luận của thời kỳ này đã phá vỡ sự bế tắc trong phong trào công nhân đưa đến sự thành lập Quốc tế II (năm 1889).

Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đến quốc chủ nghĩa, đặc biệt là từ sau khi Ăngghen qua đời, phong trào xã hội chủ nghĩa lại lâm vào khủng hoảng lần thứ hai, Quốc tế II phân rã thành phái hữu, phái tả và phái giữa. Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, dưới sự lãnh đạo của V.I.Lênin, Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản được thành lập, chấm dứt sự khủng hoảng lần thứ hai.

Bắt đầu từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đi vào thời kỳ khủng hoảng. Chỉ trong vòng 2 năm, đến tháng 9 năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và sáu nước Đông Âu đã bị sụp đổ hoàn toàn. Sự đổ vỡ cũng diễn ra ở Mông Cổ, Anbani, Nam Tư.

### **2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết**

*a. Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xô viết*

Những sai lầm thuộc về mô hình phát triển chủ nghĩa xã hội Xô Viết thể hiện ở những điểm sau:

- Tuyệt đối hóa cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao, từ bỏ nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, thực hiện chế độ bao cấp tràn lan, triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo của người lao động.

- Chậm đổi mới cơ chế kinh tế, hệ thống quản lý, nói chung là chậm đổi mới mô hình của chủ nghĩa xã hội, nên hậu quả là Liên Xô đang rút ngắn dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế so với các nước tư bản phát triển thì từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX tình hình diễn ra theo chiều hướng ngược lại.

Những sai lầm chủ quan nghiêm trọng kéo dài đã nói ở trên cản trở sự đổi mới đúng đắn là nguyên nhân sâu xa làm chế độ xã hội chủ nghĩa suy yếu, rơi vào khủng hoảng. Đó không phải những sai lầm khuyết tật do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà do quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội.

***b. Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết***

Một là, trong cải tổ, Đảng Cộng sản Liên Xô đã mắc sai lầm rất nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đó là đường lối hữu khuynh, cơ hội và xét lại, thể hiện trước hết ở những người lãnh đạo cao nhất. Những người cải tổ lùi dần từng bước, từng bước, thậm chí ngày càng công khai tuyên bố từ bỏ những mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà họ từng hứa hẹn, từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Hai là, chủ nghĩa đế quốc đã can thiệp toàn diện, vừa tinh vi, vừa trắng trợn, thực hiện được “diễn biến hoà bình” trong nội bộ Liên Xô và các nước Đông Âu. Chủ nghĩa đế quốc thường xuyên tiến hành một cuộc chiến tranh khi bằng súng đạn, khi bằng “diễn biến hoà bình” chống chủ nghĩa xã hội, chống Liên Xô. Chủ nghĩa đế quốc đã gây ra cuộc chiến tranh lạnh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ở bên ngoài theo sát quá trình cải tổ, tìm mọi cách để lái nó đi theo ý đồ của chúng. Các thế lực bên ngoài tác động vào cải tổ cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Hứa hẹn viện trợ kinh tế được dùng làm một thứ vũ khí rất lợi hại để lái cuộc cải tổ theo quỹ đạo mà phương Tây mong muốn.

Tóm lại, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc cùng với sự phản bội từ bên trong và từ trên chóp bu của cơ quan lãnh đạo cao nhất là nguyên nhân trực tiếp làm cho Liên Xô sụp đổ. Hai nguyên nhân này quyện chặt vào nhau, tác động cùng chiều, tạo nên một lực cộng hưởng rất mạnh và nhanh như một cơn lốc chính trị trực tiếp phá sập ngôi nhà xã hội chủ nghĩa.

### III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội

#### 1. Chủ nghĩa tư bản - không phải là tương lai của xã hội loài người

*- Bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi*

Chủ nghĩa tư bản có vai trò to lớn đối với lịch sử phát triển của nhân loại. Trong mấy thập kỷ qua, do biết “tự điều chỉnh và thích ứng” đồng thời sử dụng triệt để những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ, các nước tư bản chủ nghĩa đã vượt qua một số cuộc khủng hoảng và vẫn còn khả năng phát triển. Nhưng đó không phải là chế độ xã hội tương lai của nhân loại bởi bản chất bóc lột, phản dân chủ, vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản không thay đổi. Chính phương thức sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa gây ra những ung nhọt không thể chữa khỏi.

*- Các yếu tố xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện trong lòng xã hội tư bản*

Chủ nghĩa tư bản hiện đại sẽ tiếp tục phát triển thông qua chính những cuộc khủng hoảng, những cuộc cải cách để thích ứng, và quá trình phát triển đã cũng chính là quá trình quá độ sang một xã hội mới. Trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện những yếu tố của xã hội mới, những yếu tố của nền văn minh hậu công nghiệp, kinh tế tri thức nảy sinh và phát triển; tính chất xã hội của sở hữu ngày càng gia tăng; sự điều tiết của nhà nước đối với thị trường ngày càng hữu hiệu, tính nhân dân và xã hội của nhà nước tăng lên; những vấn đề phúc lợi xã hội và môi trường... ngày càng được giải quyết tốt hơn. Với những đặc điểm trên đây cũng có thể xem đó là những xã hội quá độ, vì nó chứa đựng trong nó cả các yếu tố của chủ nghĩa tư bản xã hội tương lai.

#### 2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người

*a. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội*

Kẻ thù đã và đang ra sức khai thác sự kiện Liên Xô và Đông Âu sụp đổ để rêu rao về “cái chết của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung”. Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình của chủ nghĩa xã hội trong quá trình đi tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Nó không đồng nghĩa với sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một xã hội mà loài người đang hướng tới.

*b. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn*

- Trong các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa và không chỉ đứng vững và tiếp tục phát triển. Trong đó, Trung Quốc và Việt Nam là hai nước đã tiến hành thành công cuộc cải cách, mở cửa và đổi mới tương đối

thành công nhất. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, đã tìm ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử mới. Tuy Trung Quốc và Việt Nam có những sự khác biệt nhất định trên nhiều phương diện, nhưng công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc và công cuộc đổi mới ở Việt Nam có những nét tương đồng sau đây:

- Đã từ bỏ mô hình kinh tế kế hoạch tập trung chuyển sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (Trung Quốc) hoặc theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Việt Nam).

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng hệ thống luật pháp ngày càng tương đồng với hệ thống luật pháp hiện đại, đặc biệt là phù hợp với những cam kết quốc tế, giảm dần sự can thiệp vi mô, sự can thiệp vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, gia tăng quản lý vĩ mô, gia tăng sự phân quyền cho các đại phương, thực hiện chế độ dân chủ nói chung, đặc biệt là ở các cơ sở theo hướng công khai, minh bạch, gia tăng sự giám sát của các cấp, của công luận, của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân các cấp, của các tổ chức xã hội, tinh giản bộ máy và biên chế...

- Xây dựng các tổ chức phi chính phủ đa dạng gồm các hội nghề nghiệp, văn hóa, tôn giáo, xã hội...

- Hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia vào hầu hết các tổ chức quốc tế, Liên hợp quốc, các tổ chức khu vực...

- Bảo đảm sự cầm quyền và lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trên tất cả các mặt.

Như vậy, thế và lực của các nước xã hội chủ nghĩa không ngừng tăng lên. Bất chấp sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, các nước xã hội chủ nghĩa đã giành được nhiều thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

### ***c. Đã xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội***

Trong tình hình chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm thời vào thoái trào, ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ Latinh, từ những năm 1990 đã xuất hiện xu thế thiên tả và ngày càng phát triển mạnh lên thành một trào lưu vào đầu thế kỷ XXI. Từ 1998 đến nay, thông qua bầu cử dân chủ, các Chính phủ cánh tả, tiến bộ đã lên cầm quyền ở 11 nước Mỹ Latinh.

Sự xuất hiện của “chủ nghĩa xã hội Mỹ Latinh thế kỷ XXI” còn nhiều điểm phải tiếp tục nghiên cứu và theo dõi, nhưng rõ ràng những biểu hiện đó đã và đang thể hiện sự tác động sâu xa và sức sống mãnh liệt của chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với các dân tộc Mỹ Latinh, thể hiện bước tiến mới của chủ nghĩa xã hội trên



thế giới. Đó là một thực tế lịch sử chứng minh cho sức sống và khả năng phát triển của chủ nghĩa xã hội, củng cố niềm tin vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Tóm lại, từ diễn biến của tình hình thế giới từ Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay có thể khẳng định rằng: chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại và sự thức tỉnh của các dân tộc, nhất định sẽ có bước phát triển mới, theo quy luật khách quan của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội nhất định là tương lai của xã hội loài người.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Trình bày nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết.
2. Hãy trình bày những mặt tích cực và hạn chế của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Liên hệ với Việt Nam.
3. Hãy cho biết tương lai của xã hội loài người là gì theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin? Liên hệ với Việt Nam.
4. Phân tích về triển vọng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới trong thời đại ngày nay.

